



NGÔ VĂN MINH

Vinh Danh

Cố Đại Tướng ĐỖ CAO TRÍ



HAH/CSQG Nam CA-USA 2025

NGÔ VĂN MINH

Vinh Danh

Cố Đại Tướng ĐỒ CAO TRÍ

& Các Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa

NGƯỜI VIẾT:

NGÔ VĂN MINH

Cựu Đại Tá QLVNCH,

Nguyên Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn III

& Cựu Phụ Tá Đặc Biệt Kế Hoạch cho Thiếu Tướng TL/CSQG

VINH DANH CỐ ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ

Ấn hành dưới sự quản lý của
Hội Ái Hữu CSQG Nam California, Hoa Kỳ
Tác giả giữ bản quyền.

Mọi trích dẫn xin vui lòng ghi rõ xuất xứ.
Copyright @ 2025 by Ngô Văn Minh
All rights reserved.

***Kính dâng lên vong linh
Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí
với lòng tri ân và ngưỡng phục.***



**Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí
(hình chụp trước khi ông được truy thăng Đại Tướng)**

MỤC LỤC:

1- Lời Mở Đầu.....	7
2- Vài hàng về tác giả.....	9
3- Thư Cảm Tạ.....	11
4- Vinh Danh Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí.....	17
- Phần Mở Đầu	19
- Phần Thứ Nhất:	
. Con Người & sự nghiệp	23
. Dẹp loạn Bình Xuyên.....	26
. Khi người hùng bị thất sủng.....	34
- Phần Thứ Hai: Tướng tài xuất trận.....	49
. Kế hoạch Đồng Tiến.....	61
. Mặt trận Bình Long.....	69
- Phần Thứ Ba: Mặt Trận Campuchia.....	77
. Hành Quân Toàn Thắng 72.....	81
. Hành quân giải cứu Konpongcham.....	111
. Những giờ phút cuối cùng.....	124
. Cái chết bí ẩn.....	134
. Những chuyện bên lề cái chết Cố DT.....	138
* Mùa Hè Đỏ Lửa.....	143
- Phần Thứ Tư: Hội Đàm Paris.....	148
. TT Ronald Reagan & người tù H.O.....	161
5- Ôn Kêu Gọi.....	178
6- Lời Giới Thiệu sách của Trung Tướng James F. Hollinsworth	185
7- Thư Ngỏ gửi Ông Kissinger.....	187

LỜI MỞ ĐẦU

Tôi có dịp may phục vụ hai lần, dưới quyền của Đại Tướng Đỗ Cao Trí:

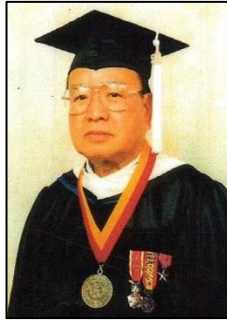
- Lần thứ nhất: từ cuối năm 1956 đến giữa năm 1958, khi ông là Đại Tá Tư Lệnh Quân Khu 3 (cũ) tại Pleiku.

- Lần thứ hai: từ đầu tháng 3 năm 1968 đến tháng 2 năm 1971, khi cố Đại Tướng là Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn III và Quân Khu III tại Biên Hòa.

Những gì tôi viết trong tài liệu này đều dựa theo những bút ký và kỷ niệm của riêng tôi, được bổ túc bằng những kỷ niệm của những người bạn thân của tôi đã từng phục vụ dưới quyền của Đại Tướng Trí và những lời tâm sự của chính bác Đỗ Cao

Lạ (thân sinh của cố Đại Tướng) mà tôi đã có dịp tiếp chuyện nhiều lần. Tuy nhiên, với thời gian trôi qua hơn 50 năm, những sự kiện nêu dưới đây không tránh khỏi có những sai sót hay nhầm lẫn. Tôi thành thật cáo lỗi với các Niên Trưởng và các bạn quân nhân khác về những khuyết điểm đó, nếu có. Do lòng mến phục của riêng tôi, tôi thành tâm muốn “vinh danh” cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, một Tướng Lãnh lỗi lạc, dũng cảm và giàu lòng yêu nước, rất đáng kính phục.

Người viết tài liệu:
Cựu Đại Tá Ngô Văn Minh



VÀI HÀNG VỀ TÁC GIẢ: Cựu Đại Tá NGÔ VĂN MINH

Cựu Đại Tá Ngô Văn Minh từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong QLVNCH và Lực Lượng Cảnh Sát Quốc Gia từ năm 1968 đến 1975 như sau:

- Tham Mưu Phó Hành Quân & Tiếp Vận Quân Đoàn III (1968 – 1970).
- Tham Mưu Trưởng Bộ Tư Lệnh Tiền Phương/Quân Đoàn III kiêm Phụ Tá Hành Quân cho Cố Đại Tướng Trí tại Mặt Trận Kam-Pu-Chia (tháng 4/1970 - tháng 2/1971)
- Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn III & Quân Khu 3, lần thứ nhất (1971 - 1973)
- Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 18 Bộ Binh (1973-1974).
- Phụ Tá Đặc-Biệt cho Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia (1974).

- Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn III & Quân Khu 3, lần thứ hai (1974 - 1975).
- Tham Mưu Trưởng Bộ Tư Lệnh Chỉ Huy Bốn Khu Chiến Bảo Vệ Thủ Đô (tháng 5/1975).

Sau ngày 30/4/1975, bị Cộng Sản giam giữ 13 năm trong các trại tù khổ sai miền Bắc VN (1975-1988)

Định cư tại Hoa Kỳ kể từ ngày 10 tháng 7 năm 1992.

- Ban ngày đi làm tại các xí nghiệp và trường công lập Mỹ. Ban đêm học lại Chương trình Đại-Học Mỹ.
- Công chức tại các Trường Tiểu, Trung và Đại Học, tại Khu Học Chính Fullerton.
- Tốt nghiệp “Tối Ưu” Cao Học Pháp Văn (graduated as an Outstanding M.A. Candidate in French), tại Đại-Học California State University of Fullerton ngày 29 tháng 5 năm 1999.
- Giáo sư Cao Học Pháp Văn tại Fullerton College và Long Beach City College (2000 - 2010).



THƯ CẢM Ạ

Ngày 28, tháng Giêng, năm 1997

Kính gửi Ngài Tổng Thống Ronald Reagan.

Kính thưa Tổng Thống,

Từ lâu, chúng tôi đã có ý định phải tìm cách bày tỏ lên Ngài lòng biết ơn tột đỉnh của mấy trăm ngàn anh em chiến sĩ chống cộng của Miền Việt Nam, bị Tổng Thống Nixon bỏ rơi, theo đề nghị của ông Kissinger, muốn giao cả nước Việt Nam và cả Đông Nam Á cho Trung Cộng.

Ngài đúng là Vị Cứu Tinh đã quyết tâm cứu vớt chúng tôi khi yêu cầu Bắc Việt phải thả hết các chiến sĩ chống cộng của Miền Nam ra khỏi các trại tù cộng sản, đồng thời cho chúng tôi sang định cư ở Mỹ hay ở một nước thứ ba. Tuy sự bày tỏ lòng biết ơn của chúng tôi có hơi trễ, do những khó khăn của cuộc sống lúc ban đầu ở Mỹ, nhưng thiết nghĩ, dù có trễ như vậy vẫn còn hơn không làm.

Khi người lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ cuối cùng được rút ra khỏi Sài Gòn, ngày 30/4/1975, cả trăm ngàn lính VNCH còn đang chiến đấu đơn độc, đa số không còn cấp chỉ huy. Họ sắp bị đưa vào cảnh tù đầy, chết chóc và tủi nhục. Một vài ngày trước đó, các cấp lãnh đạo, tướng lĩnh, chỉ huy cao cấp của họ đã được các chính trị gia và cố vấn Mỹ sắp xếp, để nhanh chóng cho rời khỏi Miền Nam, vì cái Thành Trì Chống Cộng ở Đông Nam Á Châu đang sụp đổ. Cả trăm ngàn binh sĩ còn đang chiến đấu trong khi các Cấp Lãnh Đạo và Tướng Lãnh được đến nơi an nhàn ở những vùng tập trung như Guam hay những khu vực an toàn khác. Đối với những cấp chỉ huy không kịp chạy theo đàn anh, hay vì lương tâm không muốn rời bỏ các đồng đội, phải ở lại để chờ lãnh một án tù khổ sai chung thân không có bản án, trong những trại tù “tập trung cải tạo” khủng khiếp của cộng sản ở Bắc Việt. Riêng với những sĩ quan cấp úy và viên chức hành chánh cấp nhỏ, họ có thể bị thi hành lệnh giam giữ tại miền Nam.

Chỉ vài ba năm sau, những anh hùng của VNCH ngày nào, nay đã biến thành những thân xác gầy yếu, bệnh tật, lao động khổ sai suốt ngày, trong sự im lặng của rừng sâu núi thẳm, ngoài sự thương nhớ của các đồng đội cũ đã rời Miền Nam từ năm 1975 và đang an hưởng cuộc sống mới ở ngoại quốc.

Nỗi tuyệt vọng đã khiến một số tù binh chọn sự quyên sinh, như một lối thoát khỏi địa ngục trần gian, để bảo vệ danh dự chính mình khỏi sự dày vò “tẩy naô” thường nhật.

Một số tù nhân khác phấn đấu để sống, với hy vọng sẽ kể lại cho mọi người biết Cộng Sản thực chất là gì? Chúng tôi còn nhớ mãi bài Diễn Văn Ngài đọc nhân ngày Lễ Đảng-Quang, vào tháng Giêng 1981, trong tiết trời giá lạnh Mùa Đông tại Hoa Thịnh Đốn. Báo Nhân Dân, tờ báo duy nhất của Đảng Cộng Sản Hà Nội đã cho phiên dịch và đăng tải bài diễn văn này, nhằm mục đích khuấy động dư luận dân chúng, cho rằng ý định thay đổi đường lối chính trị của Ngài là mối đe dọa cho nền Hoà Bình thế giới. Ngược lại, đối với chúng tôi, đó là nỗi vui mừng to lớn và đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời. Lần đầu tiên, kể từ khi hứng chịu lệnh đầu hàng nhục-nhã, chúng tôi mới nghe lại được, từ một Tổng Thống Hoa-Kỳ, niềm tin mãnh liệt vào Thượng Đế và vào Chính Nghĩa tranh đấu Chống Cộng của người dân Miền Nam Việt Nam.

Ngài đã nói rõ: “Chúng ta hãy tái xác định sự quyết tâm, lòng can đảm và sức mạnh. Chúng ta hãy khơi lại lòng tin tưởng và niềm hy vọng”. Ngài cũng xác nhận ý muốn nối lại những mối liên lạc lịch sử giữa Mỹ với các nước láng giềng và Đồng Minh...” Chúng

ta vẫn là thân tượng của sự tự do và ngọn đuốc hy vọng cho những dân tộc không có tự do.” Cuối cùng, khi đề cập tới những địa danh lịch sử nơi những vị anh hùng Mỹ đã trả giá bằng sinh mạng mình, để đổi lấy sự tự do cho nước Mỹ và cho danh dự của con người, Ngài đã không quên nhắc nhở đến quê hương của chúng tôi, “Sinh mạng của những vị anh hùng này đã chấm dứt ở những địa danh như rừng Belleau Wood, miền Argonne, ... và hàng trăm cánh đồng lúa mang tên Việt Nam.” Thật là rất khó khi phải diễn tả sự cảm động và niềm an ủi đã ngập tràn tâm hồn chúng tôi. Trong màn đêm tĩnh mịch và tiết trời giá lạnh của mùa đông Bắc Việt, chúng tôi quây quần từng nhóm nhỏ, hai hoặc ba người, ngồi trên những đóng rom dùng làm nệm ngủ, để lên lút bàn luận về Quyết Định đầy nhân đạo của Ngài dành cho chúng tôi. Thật khó diễn tả mỗi xúc động và cảm tưởng nhẹ nhõm tràn ngập lòng chúng tôi. Một số anh em không cầm được nước mắt vì quá vui mừng. Chúng tôi nghĩ rằng, cuối cùng rồi Thượng Đế cũng đã cho Ngài đến cứu chúng tôi, những người lính đáng thương của một đất nước bị những con người phản bội làm tan rã. Người ta thường nói: “Hy vọng cho ta sức mạnh để tồn tại.” Tôi tin đó là chân lý. Đa số chúng tôi đã vượt qua nỗi khó nhọc trong thời gian kế tiếp, cho đến ngày Đặc sứ của Ngài là Đại Tướng Vessey đến Hà Nội yêu cầu trả tự do cho chúng tôi. Về

phần tôi, tôi được tự do kể từ năm 1988 và được phép sang Hoa Kỳ tị nạn vào năm 1992, sau gần 13 năm bị cộng sản giam giữ.

Kể từ khi đến Mỹ, tôi đã cố gắng đi làm việc ban ngày và trở vào trường đại học tham dự lớp đêm, để xứng đáng với những đặc ân mà Ngài và Chánh Phủ Hoa Kỳ đã dành cho tôi. Tôi không bao giờ quên lời “Tuyên Hứa” của Martin Treptor mà Ngài dẫn chứng trong bài diễn văn nhậm chức vào năm 1981, “Dĩ nhiên, tôi sẽ cố gắng làm việc, sẽ cố gắng hy sinh, sẽ chịu đựng, sẽ phấn đấu vui vẻ và phục vụ tối đa, mà kết quả của sự phấn đấu đó, kể như chỉ do chính tôi mà ra.”

Một lần nữa tôi xin đa tạ Ngài Tổng Thống và xin Chúa ban phúc, lành cho Ngài.—

Kính thư,

Ngô Văn Minh,

- Cựu Chiến sĩ của QLVNCH được Tổng Thống Ronald Reagan cho sang tị nạn chính trị ở Mỹ, đã cố gắng vừa đi làm vừa đi học lại, đỗ “Thủ-Khoa bằng Cao Học, và làm Giáo Sư Pháp Văn tại 2 Colleges ở Orange County.

VINH DANH CỐ ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ

NGÔ VĂN MINH

VINH DANH
CỐ ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ
& Các Chiến Sĩ VNCH

VINH DANH CỐ ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ

PHẦN MỞ ĐẦU

Sau thảm bại quân sự của Pháp tại Điện Biên Phủ, Pháp đã lợi dụng danh nghĩa là Chủ Tịch Liên Bang Đông Dương gồm 3 thuộc địa cũ là Việt Nam, Lào và Campuchia, để đơn phương ký với Cộng sản Bắc Việt Hiệp Ước Đình Chiến Genève ngày 20 tháng 7 năm 1954; theo đó Pháp, với sự đồng thuận của các Đồng Minh, thời Đệ Nhị Thế Giới Chiến Tranh (1939-1945), đã đơn phương quyết định việc chia đôi nước Việt Nam ra thành hai miền, dọc theo sông Bến Hải (tức theo vĩ tuyến 17); Miền Bắc nhường cho chế độ Cộng Sản Bắc Việt của Chủ Tịch Hồ Chí Minh, và Miền Nam thuộc quyền quản trị của Chế Độ Tự Do của Quốc Trưởng Bảo Đại. Ông Ngô Đình Diệm, cựu Thượng Thơ Bộ Lại của Chính Phủ Nam Triều của Vua Bảo Đại, được Quốc Trưởng Bảo Đại, vẫn còn sống lưu vong tại Pháp, bổ nhiệm làm Thủ Tướng Chánh Phủ của Miền Nam Tự Do.

Vừa đảm nhiệm chức vụ, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã phải đương đầu với nhiều khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi.



Trước hết là tình hình chính trị rối ren của Miền Nam do Thực dân Pháp để lại với nhiều Giáo phái như Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, Thiên Chúa Giáo và nhiều giáo phái chống Cộng nhưng không tuyệt đối ủng hộ Chính phủ Quốc Gia.

Thứ hai, thực hiện cuộc di cư vĩ đại của hơn một triệu dân tị nạn từ miền Bắc muốn vào miền Nam để được định cư và sinh sống tự do.

Thứ ba, cần những cấp chỉ huy Quân Đội tài giỏi để giải quyết tình trạng nhiễu nhương, loạn lạc. Thiếu Tướng Lê Văn Ty đã được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm chọn là Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia Việt Nam để thay thế Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh,

người bị các đảng phái Quốc Gia cho là có liên hệ mật thiết với chánh quyền Pháp, qua cha ruột của ông là cựu Đốc Phủ Nguyễn Văn Tâm, một cựu công chức trong chế độ cai trị của Pháp, nói chung, rất thân Pháp, tuy có tinh thần chống Cộng rất cao.

Một số Tướng, Tá có công giúp cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ổn định tình hình an ninh lúc bấy giờ như Trung Tá Trương Văn Xương ở Miền Trung; Đại Tá Phạm Văn Đồng ở vùng Sông Mao với Sư Đoàn người Nùng (được ông đưa về từ miền Bắc) khi vùng tự trị của Vòng A Xáng bị trả lại cho Bắc Việt Cộng Sản sau Hiệp định Genève; Đại Tá Dương Văn Minh tại Phân Khu Thủ Đô. Lực Lượng của ông này được tăng cường thêm Lữ Đoàn Nhảy Dù mới thành lập ở Nha Trang của Trung Tá Đỗ Cao Trí thành lập, được Thủ Tướng Diệm đưa về Thủ Đô Sài Gòn để chuẩn bị thanh toán cuộc nổi loạn của Lực Lượng Bình Xuyên của Tướng Bảy Viễn được Pháp dùng làm hậu thuẫn để chống lại Chính Phủ của Thủ Tướng Diệm.

Sự nổi loạn của Lực Lượng Bình Xuyên do Pháp ngấm ngầm xúi giục, đã bị Thủ Tướng Diệm ra lệnh cho Trung Tá Đỗ Cao Trí, Lữ Đoàn Nhảy Dù đánh bật ra khỏi Thủ Đô Sài Gòn - Chợ Lớn, và tiêu diệt toàn bộ ở khu đầm lầy Rừng Sát. Trung Tá Đỗ Cao Trí sau đó đã được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cho vinh thăng

lên cấp bậc Đại Tá. Từ đó, ông được giao nhiệm vụ đánh tan các đơn vị Cộng Sản Bắc Việt, bình định các nơi. Từ Quân Đoàn I ở Miền Trung về Quân Đoàn II ở Vùng Cao Nguyên, rồi trở lại Quân Đoàn III sau thời kỳ địch cố gắng đánh chiếm Thủ Đô Sài Gòn - Chợ Lớn.

Sau khi bình định xong vùng bao quanh thủ đô và đánh đuổi các đại đơn vị địch ra khỏi lãnh thổ Quân Đoàn III, khi đó ông đã là cấp Tướng được lệnh của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đưa quân sang đất Campuchia để cùng Thiếu Tướng Nguyễn Viết Thanh, Tư Lệnh Vùng IV, mở cuộc hành quân truy kích các đơn vị địch hiện đồn trú trên đất Chùa Tháp.

Hành trình bảo vệ đất nước Việt Nam của Tướng Đỗ Cao Trí, chống lại sự xâm lược của Trung Cộng qua Cộng Sản Bắc Biệt, sẽ được mô tả chi tiết qua các Phần kế tiếp trong tập sách này.

PHẦN THỨ NHẤT

Con Người và Sự Nghiệp Của Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí

A. LÝ LỊCH VÀ VÀI NÉT CỦA CON NGƯỜI CỐ ĐẠI-TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ

Đại Tướng Đỗ Cao Trí sinh ngày 20/11/1929 từ một gia đình giàu có. Ông nội và cha là công chức cao cấp (hàng Đốc Phủ) thuộc Miền Đông, Nam Phần Việt Nam, từ thời kỳ Pháp thuộc cho đến thời kỳ Đế Nhất Cộng Hòa.

Lúc nhỏ ông theo học trường Trung Học Pétrus Ký, tốt nghiệp Tú Tài, thông thạo Pháp ngữ và Anh ngữ. Ông tình nguyện nhập học “Khóa Sĩ Quan Đỗ Hữu Vị” (Khóa Nước Ngọt). Mãn khóa vào tháng 6 năm 1948. Tốt nghiệp Thiếu Úy, ông được gởi sang Pháp học Khóa Sĩ Quan Trường Thực Tập Bộ Binh

Auvours. Sau khi tốt nghiệp, ông xin chuyển sang học trường Huấn Luyện Nhảy Dù ở Pau (Pháp). Ông về nước và phục vụ trong binh chủng Nhảy Dù, từ cấp Thiếu Úy cho đến cấp Đại Tá Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhảy Dù.

Khi cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm được Đức Quốc Trưởng Bảo Đại chỉ định làm Thủ Tướng chính phủ nước Việt Nam vào khoảng tháng 6 năm 1954, đất nước Việt Nam sắp bị chia đôi thành hai miền (dọc theo vĩ tuyến 17), thể theo quyết định của Hiệp Định Genève, ký ngày 20/7/1954, giữa Hồ Chí Minh và nước Pháp, với sự đồng thuận của các “thể lực phản động” quốc tế. Miền Bắc được giao cho chính phủ Cộng Sản “Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa” của Hồ Chí Minh. Miền Nam được giao cho chính phủ Quốc Gia Việt Nam của Đức Quốc Trưởng Bảo Đại. Mặc dù chính phủ Pháp đã công nhận nền độc lập của chính phủ Miền Nam từ năm 1948, nhưng bọn thực dân Pháp vẫn còn muốn lợi dụng ảnh hưởng của chúng để trục lợi, dựa vào những lực lượng quân sự trung thành với chúng như Bình Xuyên, Thiên Chúa Giáo UMDC và các giáo phái như Hòa Hảo, Cao Đài v.v..., được chúng giao cho những vùng tự trị, với nhiều đặc quyền kinh tế béo bở, để khuynh đảo chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh, cựu Trung Tá Phi Công Quân Đội Pháp (và là con của cựu Thủ-

Tướng Nguyễn Văn Tâm), được Pháp đưa lên làm Tổng Tham Mưu Trưởng của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam được thành lập vào khoảng năm 1948.

Lợi dụng tình trạng “phôi thai” của Quân Đội Quốc Gia chưa có đủ cấp chỉ huy cao cấp tổ chức thành một hệ thống chỉ huy quy củ, Pháp khuyến cáo Tướng Hinh đưa tất cả các đơn vị VN mới thành lập vào hệ thống chỉ huy của Quân Đội Pháp để một mặt dễ dàng theo dõi khả năng hoạt động và mặt khác phối hợp với các đơn vị Pháp nhằm sử dụng hợp lý hơn trong khuôn khổ của Quân Đội Liên Hiệp Pháp. Do Tướng Hinh là một cựu Sĩ Quan của Quân Đội Pháp, nên ông không quan tâm đến việc xây dựng các đơn vị này thành một Quân Đội Quốc Gia biệt lập. Lại nữa, Quân Đội Quốc Gia Việt Nam vẫn còn phải lệ thuộc vào Quân Đội Pháp, chẳng những về mặt yểm trợ hỏa lực Không Quân và Hải Quân, mà còn lệ thuộc vào hệ thống Tiếp Vận (như Quân Cự, Quân Nhu, Truyền Tin, Y Tế v.v...) của Quân Đội Pháp.

Vì lẽ đó, các Tiểu Đoàn và Liên Đoàn lưu động Việt Nam mới thành lập vẫn phải nằm trong hệ thống chỉ huy Chiến Thuật hay Diện Địa của Quân Đội Pháp để được hướng dẫn hoạt động và yểm trợ về mọi mặt. Theo dư luận của các chính khách miền Nam lúc bấy giờ, Trung Tướng Hinh muốn duy trì tình trạng lệ

thuộc của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam vào Quân Đội Liên Hiệp Pháp càng lâu càng tốt, nhưng Thủ Tướng Diệm thì muốn tách Quân Đội Quốc Gia ra khỏi quyền chỉ huy của Pháp. Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh không muốn tuân theo lệnh của Thủ Tướng Diệm. Ông cho đài phát thanh của Quân Đội Quốc Gia công khai đả kích Chính Phủ của Thủ Tướng Diệm. Thực Dân Pháp thừa dịp có sự chia rẽ này, kéo lực lượng quân sự thân Pháp như Bình Xuyên về phía Tướng Hinh để công khai chống lại Thủ Tướng Diệm (một lãnh tụ Quốc Gia đã có thành tích chống Pháp từ khi ông còn làm Thượng Thư Bộ Lại trong chính phủ Nam Triều của Hoàng Đế Bảo Đại trước năm 1940).

B. DỆP LOẠN BÌNH XUYÊN

Những sĩ quan Nhảy Dù tiêu-biểu dưới đây, lúc bấy giờ tuy còn là những sĩ quan cấp úy, nhưng đã phụ tá đắc lực cho Trung Tá Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhảy Dù, trong các trận đánh ác liệt, làm tan-rã lực lượng Bình Xuyên.

Ông Lê Văn Viễn, trước đó chỉ huy một tổ chức du đảng và kháng chiến chống Cộng, xin về quy thuận với Chánh Phủ Quốc Gia, được Pháp đề nghị với Thủ Tướng chính phủ, cho mang cấp bậc Thiếu Tướng (đồng-hóa). Ông đem một lực lượng ô hợp (khoảng 10.000 quân) về quy-thuận, để tăng cường lực lượng quân sự cho Quân Đội Quốc Gia, chống lại lực lượng

Việt Minh của Cộng Sản đang bành trướng rất nhanh sau năm 1945. Đến khoảng 1953, Ông Viễn được Pháp đề nghị giao thêm quyền tổ chức và chỉ huy ngành Cảnh Sát và Công An tại Thủ Đô Sài Gòn và Chợ Lớn, đồng thời cho quyền khai thác các sông bạc của Tự Điểm “Đại Thế Giới” và khu giải trí “Bình Khang” tại Chợ Lớn. Lực Lượng Bình Xuyên cho xây dựng nhiều cơ sở và đồn bót khắp nơi trong lãnh thổ Sài Gòn và Chợ Lớn, kiểm soát lưu thông, thu thuế các cơ sở thương mại, bắt bớ, ám sát, hà hiếp dân chúng, bắn bừa bãi vào các xe của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Trong tình hình đó, Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Quốc Gia Việt Nam bắt buộc cho điều động Lữ Đoàn Nhảy Dù do Trung Tá Đỗ Cao Trí chỉ huy, từ Nha Trang về Thủ Đô để ổn định tình hình an ninh.



Quân đội Quốc Gia đang chiến đấu chống phiến quân Bình Xuyên

Ghi chú: Sau đây là những kỷ niệm do **cố Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ**, Phụ Tá Hành Quân tại Quân Đoàn III vào cuối năm 1972, kể cho người viết bài này nghe khi phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III.

(Chuẩn Tướng Vỹ sau này được bổ nhiệm làm Tư Lệnh



Cố Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ

Sư Đoàn 5 Bộ Binh). Ông đã nhắc lại những kỷ niệm của ông về cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, mà ông đã phục vụ dưới quyền khi xưa, lúc ông còn là một Trung Úy Bộ Binh thuộc Tiểu Đoàn 19 VN mà Tướng Trí là Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng. Thiếu Tá Đỗ Cao Trí đã đề nghị với Bộ TTM cho đưa cả Tiểu Đoàn thiện chiến của ông về huấn luyện và thành lập một Tiểu Đoàn Nhảy Dù mới của VN. Lúc Bình Xuyên làm loạn, Ông Vỹ đang phục vụ trong Lữ Đoàn Nhảy Dù của Trung

Tá Trí. Đại Đội của ông đang chiếm giữ một khu vực gần trường Trung Học Pétrus Ký. Ông đã chứng kiến việc Trung Tá Đỗ Cao Trí trình bày với Thủ Tướng Diệm (khi ông này đi thị sát các điểm giao tranh trong phạm vi Thủ Đô, và ghé thăm đơn vị Dù của Trung Tá Đỗ Cao Trí). Trung Úy Lê Nguyên Vỹ chứng kiến việc Trung Tá Trí đề nghị thắng với Thủ Tướng Diệm, cho phép ông điều động các đơn vị Dù thuộc quyền, tấn công quân Bình Xuyên và đánh luôn sang sào huyệt của bọn chúng (phía bên kia cầu chữ Y), thay vì phải chờ lệnh của Tướng Hình Tổng Tham Mưu Trưởng (thân với Pháp và có thái độ lừng chừng). Được sự chấp thuận ngay của Thủ Tướng Diệm, Trung Tá Trí liền họp các Tiểu Đoàn Trưởng Dù lại và ra lệnh cho các ông này bắt đầu tấn công các vị trí của quân Bình Xuyên.

Khi quân Nhảy Dù bắt đầu tấn công được khoảng độ một giờ, thì một Thiếu Tướng Pháp (đang đảm nhiệm chức vụ Quân Trấn Trưởng Sài Gòn & Chợ Lớn có quyền kiểm soát hoạt động các đơn vị Pháp và Việt trong lãnh thổ của Sài Gòn & Chợ Lớn) yêu cầu Trung Tá Trí ra lệnh ngưng tấn công các đơn vị Bình Xuyên. Ông hỏi Trung Tá Trí:

- Ai đã ra lệnh cho ông tấn công các đơn vị Bình Xuyên?

Trung Tá Trí bình tĩnh trả lời:

- Thủ Tướng của chúng tôi.

VINH DANH CỐ ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ

Rồi ông Trí nói tiếp:

- Yêu cầu Thiếu Tướng rời khỏi chỗ này ngay, nếu ông không muốn trúng đạn do hai bên đang bắn nhau.

Ông Tướng Pháp này tức giận lắm, nhưng đành phải lên xe đi ngay.



Cố Đại Tá Nguyễn Bá Thịnh

Giai thoại này do **Đại Tá Nhảy Dù Nguyễn Bá Thịnh** lúc bấy giờ là Trung úy Nhảy dù kể lại.

Dưới đây là một vài trường hợp nói lên sự gan dạ trước lửa đạn và lòng hy sinh phục vụ đất nước của cố Đại Tướng Trí, lúc nào cũng sẵn sàng liều chết để chiến thắng quân thù. Từ khi ông còn là một cấp chỉ

huy trẻ chỉ huy một đơn vị Nhảy Dù, cũng như về sau, khi ông là Tư Lệnh Quân Đoàn III, vào những năm 1970, với tuổi đời đã khá cao và vóc người to lớn hơn trước nhưng lúc nào Ông cũng tràn đầy nghị lực, chạy ra phía trước xa hơn các binh sĩ ở tuyến đầu để nêu gương can đảm của một cấp chỉ huy.

Trở lại trận đánh quân Bình Xuyên, khi Lữ Đoàn Dù đánh chiếm được Tổng Hành Dinh của Bình Xuyên, giết được nhiều địch, bắt nhiều tù binh và lấy được nhiều vũ khí. Sau khi báo cho Văn Phòng Thủ Tướng Diệm, Trung Tá Trí đề nghị cho tổ chức lễ “quy thuận” để Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đến chủ tọa Lễ Quy Thuận của Quân Lính Bình Xuyên.

Tiếp theo chiến thắng này, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm liền ra lệnh cho Đại Tướng Dương Văn Minh, lúc bấy giờ là Đại Tá Tư Lệnh Phân Khu Sài Gòn-Chợ Lớn, tập trung một số đơn vị trừ bị của Quân Đội, mở “Chiến Dịch Hoàng Diệu” truy kích quân Bình Xuyên (đã bị Lữ Đoàn Dù đánh bật ra khỏi Thủ Đô), đến tận khu Rừng Sát, để tiêu diệt hoàn toàn lực lượng này.

Thủ Tướng Ngô Đình Diệm rất hài lòng về chiến thắng của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Ông cho tổ chức lễ mừng Chiến Thắng, vào khoảng đầu năm 1956. Thủ Tướng Diệm đích thân gắn cấp bậc Thiếu Tướng

cho Đại Tá Dương Văn Minh và cấp bậc Đại Tá cho Trung Tá Đỗ Cao Trí.

Sau đó, để giải quyết sự tranh chấp giữa Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh và Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, Đức Quốc Trưởng Bảo Đại ra lệnh bãi chức Tướng Hinh và hoàn trả ông này về Quân Đội Pháp. Đồng thời, ông đánh điện về cho Thủ Tướng Diệm biết là ông chọn Thiếu Tướng Nguyễn Văn Võ, Chánh Võ Phòng của ông, thay thế Tướng Hinh làm Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia Việt Nam.

Nhưng không hiểu vì lý do gì, ông Ngô Đình Nhu lại không thích ông Võ nên đề nghị Thủ Tướng Diệm chọn Thiếu Tướng Lê Văn Tỵ lên thế Tướng Hinh. Vì vậy, khi Thiếu Tướng Nguyễn Văn Võ cầm công điện của Quốc Trưởng Bảo Đại chỉ định ông thay thế Tướng Hinh đi vào dinh Thủ Tướng để trình diện Thủ Tướng Diệm, Ông Nhu lại ra lệnh cho một sĩ quan (thuộc Lực Lượng Cao Đài Trịnh Minh Thế, mới về quy thuận Thủ Tướng Diệm) đưa Tướng Võ vào một phòng nhỏ, và tự ý gỡ cấp bậc Tướng của ông Võ và giữ ông ở lại đó. Được sĩ quan tùy viên của Tướng Võ đến báo tin, Trung Tá Trí, đang chỉ huy mặt trận đánh quân Bình Xuyên, lập tức lấy một toán lính Dù, chạy về gặp Thủ Tướng Diệm xin Ông cho phép đưa ông

Tướng Võ về nhà, vì trời đã tối, sự di chuyển trên đường phố rất nguy hiểm.

Thật ra, Ông không muốn để Tướng Võ (đã từng là cấp chỉ huy trực tiếp của ông, khi Tướng Võ chỉ huy đơn vị Dù Việt Nam đầu tiên ở Bắc Việt), bị binh lính Cao Đài tiếp tục làm nhục. Sau khi đưa Tướng Võ về tư dinh, Trung Tá Trí còn để lại một toán lính Dù giữ



Cố Đại Tá ND Nguyễn Thành Chuẩn

an ninh cho ông này. Đây là một phản ứng tự nhiên nói lên lòng trung thành của Trung Tá Trí đối với một cấp chỉ huy của ông, nhưng có lẽ sự việc này làm ông Nhu

phật ý, nên đã đem lòng oán ghét Trung Tá Trí đến mãi về sau.

Giai thoại trên đây do **Đại Tá Nhảy Dù Nguyễn Thành Chuẩn**, lúc bấy giờ là Đại Úy Trưởng Ban 3 của Lữ Đoàn Nhảy Dù chứng kiến và kể lại.

C. KHI NGƯỜI ANH HÙNG BỊ THẤT SỬNG!

Sau sự việc này, ông Ngô Đình Nhu đề nghị Thủ Tướng Diệm cho Trung Tá Nguyễn Chánh Thi (người miền Trung, được ông Nhu tin dùng) đang làm Phó Tư Lệnh cho Đại Tá Trí, lên thay thế Đại Tá Trí làm Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhảy Dù. Ông Nhu còn đề nghị Tổng Thống Diệm đưa Đại Tá Trí lên Pleiku (cách Sài Gòn khoảng 600 cây số) làm Tư Lệnh của Quân Khu 3 (một Quân Khu sắp thành lập). Rồi, sau khi Đại Tá Trí đáo nhiệm chức vụ Tư Lệnh Quân Khu 3 được khoảng 3 tháng, Ông Cố Vấn Nhu lại cách chức Ông Trí và đề nghị đưa Đại Tá Đỗ Mậu lên thay. Đại Tá Trí được gọi về Sài Gòn chờ lệnh, chưa biết sẽ đi đâu!

Sở dĩ ông Nhu đưa ra kế hoạch “điều hổ ly sơn” này vì ông nghĩ rằng Đại Tá Trí sẽ lợi dụng ảnh hưởng của mình đối với tập thể binh chủng Nhảy Dù (rất mến phục ông) để âm mưu tạo phản nhưng ông Nhu đã tính sai. Người mưu phản lật đổ Tổng Thống Diệm, vào tháng 11/1960, lại là Đại Tá Nguyễn Chánh Thi (người được ông Nhu tin cậy và cho thay thế ông Trí làm Tư

Lệnh Lữ Đoàn Dù và được thăng cấp ngay lên Đại Tá). Đại Tá Thi thuộc thành phần kém văn hóa, đã bị một nhóm sĩ quan mưu phản lôi cuốn vào một âm mưu lật đổ Tổng Thống Diệm vào tháng 11 năm 1960. Một nhân vật thứ hai được Ông Nhu rất tin cậy và hết lòng nâng đỡ là Trung Tướng Thái Quang Hoàng, ông này đã sớm gia nhập đảng Cần Lao. Với kế hoạch rút một đơn vị Bộ Binh cấp Tiểu Đoàn của một Tiểu Khu miền duyên hải, do ông chỉ huy, ra khỏi Tiểu Khu độ mười cây số, trong một thời gian ngắn vào năm 1954, để tuyên bố chống Trung Tướng Hinh, Tổng Tham Mưu Trưởng và ủng-hộ Thủ Tướng Diệm, Ông được ông cố vấn Nhu rất tin cậy và cho ông này thăng cấp “Phi-Mã” (từ Thiếu Tá vào năm 1954 lên đến Trung Tướng vào năm 1958). Nhưng cũng như Ông Nguyễn Chánh Thi, ông đã làm cho Ông Nhu và Tổng Thống Diệm thất vọng. Sau khi được giao cho những chức vụ quan trọng như Tư Lệnh Quân Khu 4, rồi Tư Lệnh Quân Khu 1, Ông được đưa về làm Tư Lệnh Quân Đoàn III kiêm Tư Lệnh Quân Khu Thủ Đô, để bảo vệ Tổng Thống Diệm và nền Đệ Nhất Cộng Hòa vào khoảng năm 1959.

Ông không có biện pháp an ninh chặt chẽ nên đã để cho Phe Đảo Chánh của Đại Tá Nguyễn Chánh Thi bắt và quản thúc ông một cách dễ dàng. Khi Cuộc Binh Biến này thất bại, ông bị phe đảo chánh mang theo làm con tin sang Campuchia. Khi được trả về Việt Nam ,

ông Tướng này vẫn được Chế Độ tin dùng, cho làm Đại Sứ ở Thái Lan. Được giải ngũ năm 1965, Ông định cư ở Mỹ và chết ở đây năm 1993.

Trở lại việc Đại Tá Đỗ Cao Trí bị cách chức Tư Lệnh Quân Khu 3 và đưa về Sài Gòn “ngồi chơi xơi nước”. (Về giai đoạn này, người viết bài được chính bác Đỗ Cao Lụa, thân sinh của cố Đại Tướng Trí kể lại sau đó, khi đến viếng cụ ở Biên Hòa). Vào một buổi sáng nọ, Đại Tá Trí được Văn phòng Tổng Thống gọi vào. Có lẽ kế hoạch “điều hổ ly sơn” của ông Nhu tình cờ bị bại lộ. Tổng Thống Diệm bảo ông muốn gặp Đại Tá Trí. Sau khi nghe Đại Tá Trí trình bày về trường hợp của chính ông, Tổng Thống Diệm chợt nhớ ra ông sĩ quan trên đường phố vào năm 1955, và chính viên sĩ quan này đã bộc trực đề nghị với ông cho phép đưa các đơn vị Dù của mình đánh thẳng qua sào huyệt của Bình Xuyên, khoảng 3 năm về trước, và được ông cho đặc cách thăng cấp Đại Tá. Không cần hỏi thêm gì nữa. Ông liền ra lệnh cho Biệt Bộ Tham Mưu làm Sắc Lệnh phục chức Tư Lệnh Quân Khu 3 cho Đại Tá Trí. Ông vui vẻ bắt tay ông Trí và bảo trở lại ngay nhiệm sở, bắt tay vào việc. Tổng Thống Diệm còn hứa lên Pleiku để viếng thăm vùng đất xa xôi này, sau một thời gian ngắn, để xem có thể phát triển thêm về kinh tế và đời sống của dân chúng tại đó. Tổng Thống Diệm đã thực hiện cuộc viếng thăm Pleiku vào khoảng mùa Xuân

1958 (theo trí nhớ của người viết, lúc bấy giờ là Đại Úy, đang làm việc trong Bộ Tham Mưu Quân Khu 3 của Đại Tá Trí).

Khi trở lại Quân Khu 3, Đại Tá Trí hết lòng xây dựng Quân Khu này, dù trong điều kiện hết sức khó khăn. Việc tiếp tế xăng dầu, đạn dược và quân cụ (đủ loại) phải thực hiện bằng đường thủy ra đến Quy Nhơn hoặc Nha Trang, rồi mới theo đường lộ (đã hư hỏng từ khi Pháp rút khỏi Việt Nam hồi 1954) và đưa lên các Tiểu Khu Ban Mê Thuột, Pleiku, rồi từ đó mới đưa lên Đà Lạt, Pleiku và Kontum, v. v. . . ., của Quân Khu 3 mới vừa được thành lập này.

Ngoài những khó khăn về tiếp vận đó, Đại Tá Trí còn phải thúc đẩy các Tiểu Khu Trưởng trong việc tổ chức và huấn luyện lại binh sĩ người Thượng (kém văn hóa và ngây ngô) để họ có thể trở thành những binh lính chiến đấu có khả năng, như các binh lính người Kinh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Ông cũng cho cải huấn những binh sĩ vô kỷ luật, đã được Bộ Tổng Tham Mưu đưa lên Pleiku để trừng phạt, giúp cho các anh này trở thành những chiến sĩ tốt, không còn mặc cảm tội lỗi. Đại Tá Trí đã thành công về những điểm trên.

Nhờ vậy, khi một đơn vị Cộng Sản được ông hoàng Shianouk cho phép ẩn náu trên đất Miên bất ngờ

tấn công, lúc 1 giờ sáng, vào một trại giam tù binh Việt Cộng do Bộ Nội Vụ đặt gần Chu Drong (?) cạnh biên giới Miên, thuộc lãnh thổ của Tiểu Khu Pleiku, giải thoát một số tù binh Cộng Sản và đưa họ chạy về phía đất Miên. Đại Tá Trí chỉ thị Tiểu Khu Pleiku đưa một đơn vị Địa Phương Quân người Thượng cho ông, để ông đích thân dùng quân xa chỉ huy cuộc rượt bắt qua phía bên kia biên giới. Ông đã bắt lại được hầu hết bọn tù binh đào tẩu và áp tải chúng về đất Việt Nam. Đại Tá Trí còn ra lệnh cho binh sĩ gỡ “các cột mốc biên giới” và dời nó ra xa về phía lãnh thổ Miên. Đường như Đại Tá Trí đã bị Tổng Thống Diệm quở trách sau đó, khi phía Campuchia khiếu nại về việc một số cột mốc biên giới bị thay đổi vị trí trước đó.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm rất được dân chúng miền Nam kính phục và thương mến sau khi cai trị đất nước được khoảng 5 hay 6 năm đầu. Nhưng kể từ khi Tổng Thống Diệm giao cho các anh em của ông thêm nhiều quyền hạn để quán xuyến việc nước và hết lòng tin cậy các ông này, thì xảy ra nhiều vụ lạm quyền. Có lẽ Tổng Thống Diệm không được biết những việc lạm quyền này, vì ông đã bắt đầu mệt mỏi sau bao nhiêu năm đấu tranh chống Pháp và chống Cộng, nên không còn sức để giám sát mọi việc. Lại nữa, vì quá tin tưởng vào anh em ruột thịt của mình, nên ông bị phân cách với xã hội bên ngoài, không biết việc các ông này

thường xử sự quá mạnh tay đối với những người bất đồng chính kiến.

Sau khoảng 3 hay 4 năm làm Tư Lệnh Quân Khu 3 với nhiều thành quả tốt đẹp, Đại Tá Trí vẫn chưa nhận được ân huệ nào của thượng cấp, trong khi những sĩ quan trước phục vụ dưới quyền và kém hơn lại thăng cấp liên tục vì các ông này đã sớm gia nhập Đảng Cần Lao của Ông Nhu hay Ông Cẩn, hoặc đã may mắn được Đức Cha Thục gửi gắm với Tổng Thống vốn là một “con chiên” ngoan đạo. Có khi còn được Tổng Thống hay Đức Tổng Giám Mục nhận làm “con đỡ đầu” khi được vào đạo. Nếu thực tâm tin Chúa thì đây là một sự cải thiện rất tốt, khổ nỗi đây chỉ là một hình thức “giả dạng qua ải” mà thôi! Cũng vì lý do này mà tên cộng sản nằm vùng Phạm Ngọc Thảo đã được Đức Cha đề bạt làm Tỉnh Trưởng Bến Tre, rồi Tổng Giám Đốc Dinh Điền. Đại Tá Trí học xong khóa Tham Mưu Chỉ Huy ở Mỹ về, chỉ được bổ nhiệm làm Chỉ Huy Trường Hạ Sĩ Quan Nha Trang (một trường chuyên huấn luyện Hạ Sĩ Quan Hiện Dịch thành Sĩ Quan Hiện Dịch), một chức vụ không tương xứng với tài chỉ huy các đơn vị tác chiến của ông. Sau đó, ông được giao kiêm nhiệm việc chỉ huy Huấn Khu Dục Mỹ, bao gồm luôn các trường Hạ Sĩ Quan, trường Huấn Luyện Biệt Động Quân và một số trường Huấn Luyện khác.

Rồi đến khi Trung Tướng Trần Văn Đôn (một Tướng lãnh chuyên phục vụ ở các Bộ Tham Mưu từ cấp Ủy lên đến cấp Tướng) được cử làm Tư Lệnh Quân Đoàn I tại miền Trung, Ông Tướng khôn ngoan này đã xin Tổng Thống Diệm cho Đại Tá Trí ra làm Phụ Tá Hành Quân cho ông. Trong chức vụ này, Đại Tá Trí đã chứng minh được khả năng chỉ huy đơn vị tác chiến của ông. Làm Phụ Tá Hành Quân cho Tướng Đôn được khoảng 2 năm, Đại Tá Trí được Tướng Đôn đề bạt làm Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh, một vị trí mà Đại Tá Trí có thể chứng minh được khả năng chỉ huy đơn vị tác chiến của mình.

MỘT TƯỚNG LÃNH ĐƯỢC TÔI LUYỆN TRONG KHÓI LỬA CHIẾN TRƯỜNG

Đến khoảng tháng 6 năm 1963, sau khi đạt được nhiều thành tích chiến đấu với Sư Đoàn 1 Bộ Binh, Đại Tá Trí được Tổng Thống Diệm cho thăng cấp Thiếu Tướng. Sau đó, khi Trung Tướng Trần Văn Đôn được Tổng Thống Diệm cho về Bộ Tổng Tham Mưu, để làm Tư Lệnh Lục Quân, và Tướng Lê Văn Nghiêm người kế vị, vì một lý do riêng lại xin từ chức, Tướng Trí đương nhiên được kiêm nhiệm chức vụ Quyền Tư Lệnh Quân Đoàn I_. **Cuộc cách mạng 1/11/1963 do các Tướng lãnh tại Bộ Tổng Tham**

Muru chủ muru mà đa số các Tướng và Tá tham gia lại là người nhà của Tổng Thống.

Cộng Sản Bắc Việt, qua trung gian của Trung Tá Cộng sản Dương Văn Nhựt (em ruột Tướng Dương Văn Minh) đã xúi giục ông này tổ chức lật đổ chế độ Dân Chủ của Đệ Nhất Cộng Hòa. Người bàng quan thường cho là việc Tướng Dương Văn Minh tạo phản vì bất mãn với Tổng Thống Diệm, khi ông bị tước hết quyền binh trước kia. **Thật ra, đây chỉ là một lý do giả tạo. Đúng ra là do sự xúi giục rất tai hại của Cộng Sản qua trung gian của em ruột của Đại Tướng Dương Văn Minh.**

Một Tướng lĩnh khác thuộc Bộ Tổng Tham Mưu đã phụ giúp đắc lực cho ông Minh để kết hợp những phần tử chống đối và vạch ra một kế hoạch đảo chính tinh vi. Ông đã điều động hết các đơn vị Tổng Trừ Bị như Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến tổ chức những cuộc hành quân rất xa Thủ Đô. Một số ít đơn vị còn lại đều thuộc quyền chỉ huy của Tướng Tôn Thất Đính (được Tổng Thống nhận làm con nuôi) đang giữ chức Tư Lệnh Quân Đoàn III và Biệt Khu Thủ Đô; nhưng ông Tướng này lại bị Đại Tá Đỗ Mậu (một sĩ quan thuộc loại gia-nô của Tổng Thống, nhưng bất mãn vì chưa được lên Tướng do kém văn hóa) đã

thuyết phục và kéo ông Tôn Thất Đính về Phe Đảo-Chánh.

Ngoài sự chống đối trong nội bộ miền Nam, Tổng Thống Diệm còn gặp sự chống đối của chính phủ Mỹ. Chính phủ Hoa Kỳ muốn đưa quân vào tham chiến ở miền Nam, để có quyền chen vào nội bộ chính trị miền Nam. Tổng Thống Diệm không đồng ý việc này, ông chỉ muốn Mỹ tăng viện cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, để quân dân miền Nam tự chiến đấu chống Cộng và không mang tiếng là phải lệ thuộc quá nhiều vào Mỹ, làm mất hết chính nghĩa của một quốc gia có chủ quyền.

Số Tướng tham gia đảo chánh còn lại gồm đa số những người “rất tầm thường”. Có ông là tay sai của Thực Dân Pháp như Tướng M.H.X (trùm công an thời kỳ Pháp thuộc) được ông Nhu chiêu dụ về với chính phủ của Tổng Thống Diệm, cho mang cấp bậc Thiếu Tướng đồng hóa, giao cho những chức vụ quan trọng như Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội và vào thời điểm lúc bấy giờ là Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, rất gần Sài Gòn, với khoảng 20 ngàn tân binh dưới quyền. Chính lực lượng này sẽ góp phần không nhỏ vào chiến thắng của phe đảo chánh. Ông M.H.X. đã hành động theo sự xúi giục của tình báo Pháp không thích Tổng Thống Diệm, một người

yêu nước đã từng chống lại sự đô hộ của thực dân Pháp. Có ông Tướng khác thì chỉ là một người “nát rượu và mê gái” như T.T.Đ., chỉ thích tiền và địa vị. Một số Tướng Tá khác từng nhận nhiều ơn mưa móc của Tổng Thống Diệm như Tướng H.V.C Tư Lệnh Quân Đoàn IV, Đại Tá B. Dz. Tư Lệnh Sư Đoàn 9 và B.Đ.D. Tư Lệnh Sư Đoàn 7, do không có kế hoạch đề phòng, nên đều bị phe của tướng D.V.M. vô hiệu hóa một cách dễ dàng bằng cách đưa những “toán đặc nhiệm” đến tận nơi, bắt các ông trước giờ đảo chánh, đồng thời họ tịch thu hết các “phà” dùng chuyển xe và người đi qua các sông Hậu Giang và Tiền Giang, để ngăn chặn việc chuyển quân về tiếp cứu. Khi Tổng Thống Diệm và ông Nhu tiếp ông Tân Đại Sứ Mỹ Cabot Lodge (một chính trị gia Mỹ có biệt danh là Chuyên Viên Đảo Chính) đến trình Ủy Nhiệm Thư, các ông này biết ngay những gì sẽ xảy đến cho nền Đế Nhất Cộng Hòa Việt Nam.

Chỉ còn Sư Đoàn 5 Bộ Binh đồn trú tại Bình Dương là đơn vị có thể cứu nguy cho chế độ, nhưng Tổng Thống Diệm và ông Nhu đã quyết định quá trễ việc cho Đại Tá Đỗ Văn Diển (một sĩ quan rất trung thành với Tổng Thống và có kinh nghiệm chiến trường), đang làm Tư Lệnh Đặc Khu Phước Bình Thành, đến thay Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu, đang làm Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh (không thuộc loại người

tín cần). Do một sự bất trắc, Đại Tá Đỗ Văn Diễm không đến Sư Đoàn 5 Bộ Binh sớm hơn ngày 1/11/1963 khiến đơn vị này đã bị ông Tư Lệnh cũ (sắp bị cách chức) cho di chuyển Sư Đoàn này về Thủ Đức từ đêm hôm trước theo sự khuyến dụ của phe đảo chính. Đây là ý định của Thượng Đế muốn chấm dứt sứ mạng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm tại Miền Nam, hay là thời điểm các ông Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn phải trả cái quả báo khi các ông đã xử sự quá mạnh tay với các chính trị gia không đồng quan điểm với các Ông.

Khí tiết của kẻ Sĩ buộc Tổng Thống Diệm từ chối khi nghe Đại Sứ Mỹ Cabot Lodge đề nghị đưa Ông, ông Nhu và cả gia đình đi ra nước ngoài an toàn, và bảo đảm một cuộc sống tốt đẹp cho mọi người. **Tổng Thống Diệm đã cương quyết từ chối. Ông muốn trực tiếp thảo luận với các Tướng Lãnh của Ông, mà Ông nghĩ rằng có thể thuyết phục được. Ông không ngờ số đông các ông này đã quyết tâm phản bội Ông.**

Quân Đoàn II của Tướng Khánh ở Pleiku và Quân Đoàn I của Tướng Trí ở Đà Nẵng được lệnh của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng phải “án binh bất động”, đề phòng Cộng Sản thừa cơ hội tấn công vào các điểm đóng quân của ta. Và lại, vào thời điểm năm

1963, Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà chưa có phương tiện phi cơ để “chuyển quân bằng không vận”. Cho nên, dù các Tư Lệnh này có muốn cũng không làm được. Ngoài ra, vùng trời của Thủ Đô đã bị Không Quân (đã theo phe Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng) kiểm soát. Cũng như Tướng Nguyễn Khánh, Tư Lệnh Quân Đoàn II ở Pleiku, Tướng Trí Tư Lệnh Quân Đoàn I ở Đà Nẵng, bắt buộc phải gọi điện về Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, xác nhận việc tiếp tục tuân lệnh của Hội Đồng, vào chiều ngày 2/11/1963, khi cuộc đảo chánh được xem như hoàn tất: Tổng Thống Diệm và ông Nhu đã bị Đại Úy Nhung, cận vệ của Tướng Dương Văn Minh giết chết một cách dã man!

Các Tướng Tá theo Tướng Dương Văn Minh đều được thăng cấp vào dịp đó. Sau khoảng 10 ngày, Thiếu Tướng Nguyễn Khánh Tư Lệnh Quân Đoàn II và Thiếu Tướng Đỗ Cao Trí Tư Lệnh Quân Đoàn I nhận được công điện của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng báo tin hai ông được vinh thăng lên cấp Trung Tướng. Mặc dù nền Đệ Nhất Cộng Hoà có những điểm sai lầm của nó, nhưng Tổng Thống Diệm là một cấp lãnh đạo có uy tín đối với trong nước và cả Đông Nam Á. Tổng Thống Mỹ Eisenhower rất nể phục ông và đã yểm trợ việc ông được Đức Quốc Trưởng Bảo Đại đưa về làm Thủ Tướng, rồi được dân chúng miền Nam bầu lên làm Tổng Thống. Không hiểu tại sao Tổng Thống

Kennedy (người kế vị Tổng Thống Mỹ Eisenhower) đã nghe báo cáo của cơ quan tình báo nào của Mỹ, mà đồng ý việc giết cả ba anh em của Tổng Thống Diệm, khiến cho Miền Nam Tự Do đã rơi vào một tình trạng xáo trộn chính trị triền miên. Và rồi bị chính người bạn Đồng Minh của mình phản bội và đưa cả nước Việt Nam trở lại dưới “ách đô hộ” của kẻ thù Trung Cộng.

Kể đến là thời kỳ **“Thập Nhị Sứ Quân”** xảy ra sau cuộc lật đổ Tổng Thống Diệm, với nhiều cuộc đảo chánh liên tục, những tranh chấp giữa Phật giáo và Thiên Chúa giáo v.v... Rồi lại xuất hiện của một ông “Tướng bóc-đồng N.K.” làm nhiều “trò nửa đùa nửa thật”. Lợi dụng tình thế đảo điên, ông tìm cách lên đến chức “Đại Tướng và Thủ Tướng”. Ông cho bãi chức hoặc cho đi lưu vong một số Tướng lãnh có kinh nghiệm chiến trường và cũng thâm niên như ông để giữ thế “độc quyền lãnh đạo”. Ông chọn một số Đại Tá trẻ đang nắm những chức vụ quan trọng trong các quân chủng Không Quân, Hải Quân hay các Sư Đoàn Bộ Binh và cho các ông này mang một sao mà ông cho gọi là “Chuẩn Tướng” để tạo phe cánh, làm hậu thuẫn cho ông. Nhưng chính các Tướng trẻ này đã phản lại ông và buộc ông phải đi lưu vong ra khỏi nước sau đó.

Trong số những Tướng lãnh giàu kinh nghiệm chiến trường bị Tướng N.K. loại ra có Trung Tướng

Đỗ Cao Trí. Ông Trí là người bạn chiến đấu trong binh chủng Dù với ông Khánh khi còn ở cấp Trung Úy, nhưng Tướng Trí đã bị Tướng Khánh phản bội (vì quyền lợi riêng tư). **Tướng Trí phải đi lưu vong từ khoảng năm 1964 đến 1965. Trung Tướng Trí được Hội Đồng lãnh Đạo Quốc Gia cho trở về nước khoảng năm 1966, được phục hồi chức vụ và được đề cử làm Đại Sứ Việt Nam tại Nam Hàn.** Đến đầu năm 1968, khi nghe tin Cộng Sản Bắc Việt bội ước lệnh ngừng bắn vào dịp Tết và phát động cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, **Trung Tướng Trí gọi điện thoại về cho Thủ Tướng Trần Văn Hương. Ông xin từ chức Đại Sứ tại Nam Hàn và tình nguyện trở về phục vụ Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Đề nghị của ông được chấp nhận. Ngay khi trở về nước và được bổ nhiệm chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III và Quân Khu 3 vào khoảng đầu tháng 3 năm 1968,** Ông cho tìm tôi và gọi tôi lên gặp ông, một sĩ quan mà ông đã biết 10 năm về trước, khi tôi phục vụ trong Bộ Tham Mưu Quân Khu 3 của ông, (mà Ông là Đại Tá và tôi là Đại úy). Tôi lập tức lên trình diện Ông. Rồi kể từ đó, tôi hằng ngày theo phụ giúp Ông trong các trận đánh ác-liệt, đập tan Cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân của Bắc Việt vào Miền Nam, và đặc biệt là vào Thủ Đô Sài Gòn và các tỉnh xung yếu bao quanh Thủ Đô. Các Sư Đoàn Bắc-Việt bị thiệt hại khoảng 70%

phải rút về phía bên kia biên giới Miên. Rồi đến tháng 4, năm 1970, khi Tổng Thống Thiệu ra lệnh cho các Tư Lệnh Quân Đoàn III và Quân Đoàn IV, đưa quân sang đất Campuchia để chinh phạt Cộng Sản Bắc Việt. Trung Tướng Đỗ Cao Trí đích thân chỉ huy Lực Lượng Xung Kích của Quân Đoàn III, tiêu diệt 70% của 3 Sư Đoàn Công Trường 5, Công Trường 7 và Công Trường 9 của Cộng Sản Bắc Việt; đã được Ông Hoàng thân Cộng Shia-Núc cho phép đặt trên đất Chùa-Tháp”, như: mật khu Ba-Thu, mật khu Konpong Trạch, mật khu Chup, mật khu Snoul, v v....

Dưới sự chỉ huy của cố Đại Tướng Trí, Quân Đoàn III đã đạt được nhiều thành tích vẻ vang và sẽ còn tiếp tục nếu những thế lực phản động ngoại bang đã không chấm dứt sự nghiệp quân sự của một Tướng Lãnh lỗi lạc của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà bằng một cái chết đầy bí ẩn (!).

PHẦN THỨ HAI

E. KHI MỘT TƯỚNG TÀI XUẤT TRẬN (1968-1971)

Đang làm Đại Sứ Việt Nam tại Nam Hàn, Trung Tướng Trí đã gọi điện thoại về xin Thủ Tướng Trần Văn Hương cho ông từ chức Đại Sứ trở về nước cầm quân dẹp giặc khi được tin Cộng Sản Bắc Việt bội ước Hiệp Ước Đình Chiến 3 ngày (giữa quân đội hai miền Nam-Bắc trong dịp Tết Mậu Thân 1968), đã bất thần tấn công vào Thủ Đô Sài Gòn và tất cả các Tỉnh, Thị Xã Miền Nam. Việc xin từ chức của Tướng Trí được chấp thuận. Ông được triệu hồi về nước và được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Quân Đoàn III & Quân Khu 3 vào khoảng tháng 3 năm 1968, khi các hỏa tiễn và đạn pháo của địch còn đang bắn vào Thủ Đô Sài Gòn Chợ Lớn ngày cũng như đêm, khi các bộ phận của các Sư Đoàn Bắc Việt còn đang cố gắng bám vào các Quận ven đô, để tái xâm nhập vào Thủ Đô. Kế hoạch tấn

công Tết Mậu Thân của địch vào lãnh thổ Quân Đoàn III được Trung Tướng Trí giải quyết rất nhanh ở đoạn dưới đây.

Trở lại tình trạng quân sự của Miền Nam, sau khi Pháp, được các thế lực phản động ngoại bang ủng hộ, đã ký với Cộng Sản Bắc Việt Hiệp Định Genève ngày 20/7/1954 chia đôi đất nước Việt Nam và nhường cho Việt Cộng cả miền Bắc, để họ có thời gian tái tổ chức lại nội bộ và chuẩn bị việc đánh phá Miền Nam về sau.

Ngay sau khi Hiệp Định Genève được ký “chưa ráo mực”, Cộng Sản Bắc Việt đã lén lút để lại trong lãnh thổ Miền Nam cả chục ngàn cán bộ và quân lính (với vũ khí được chôn giấu rất kỹ). Họ cho cán bộ giả dạng nông dân, sống trà trộn với dân chúng Miền Nam, trong các vùng nông thôn hẻo lánh, chờ ngày tái phát chiến tranh.

Khoảng năm 1955 (?), Bắc Việt cho xây dựng con đường xuyên-sơn, băng qua núi rừng, dọc theo biên giới Việt Nam, Lào, Campuchia mà chúng đặt tên “Đường mòn Hồ Chí Minh”, để chuyển quân và vũ khí vào Nam thành lập các đơn vị mà họ gọi là đơn vị của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, theo sự tuyên truyền của Bắc-Việt, đó là dân chúng Miền Nam

đã tự thành lập để chống lại Chánh Phủ Quốc Gia của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. **Thực ra, đây là một tổ chức do Bắc-Việt lập ra để đưa quân vào đánh phá Miền Nam.**

Đến khoảng năm 1959, Bắc Việt thành lập được nhiều đơn vị chủ lực, từ cấp Tiểu Đoàn lên đến cấp Sư Đoàn mà họ cho mang danh hiệu là đơn vị của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Với chiến dịch “Đồng Khởi” phát động vào năm 1960, họ ra lệnh các đơn vị này tấn công vào các Ấp, Xã hẻo lánh, và những ấp Chiến Lược mà Tướng Dương Văn Minh, người cầm đầu Cuộc Đảo Chánh chống Tổng Thống Diệm, đã ra lệnh cho tháo gỡ.

Trong tình hình mới, **Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) là một “chính phủ” do Cộng Sản Bắc Việt nặn ra để chỉ huy các đơn vị mới xâm nhập từ miền Bắc, qua đường mòn Hồ Chí Minh.** Các đơn vị này được bổ sung quân số bằng những tân binh gồm những dân quê miền Nam, sống tại các vùng hẻo lánh, không còn được bảo vệ, vì Tướng Dương Văn Minh đã nghe lời người em Cộng Sản là Dương Văn Nhứt xúi giục, đã cho phá hủy các Ấp Chiến Lược do Tổng Thống Diệm cho thiết lập trước đó. **MTGPMN áp dụng chiến thuật mới:** tập

trung nhanh, giải quyết nhanh, rút lui mau và phân tán mỏng, để tránh bí phi pháo của ta tiêu diệt.

Chiến thắng đầu tiên, đánh dấu sự lớn mạnh của các đơn vị Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là trận tấn kích của cộng sản vào Trung Đoàn 32 (thuộc Sư Đoàn 22) đồn trú tại Trảng Súp, 15 cây số phía Bắc tỉnh lỵ Tây Ninh. Thời điểm thuận tiện cho địch là sự thiếu cảnh giác của quân ta, lo tổ chức mừng Xuân Canh Tý, không đề phòng âm mưu tấn kích của địch vào ngày Mùng 1 Tết Nguyên Đán, năm Canh Tý (tức là ngày 26/1/1960). Tổn thất của quân ta là gần 80 người vừa chết vừa bị thương, vũ khí bị địch cướp đi là khoảng 500 khẩu đủ loại, từ súng trường đến súng cộng đồng.

Chiến tranh phá hoại của Cộng Sản Miền Nam đã gia tăng đến mức độ đáng e ngại, đó là chưa kể tình trạng chính trị ở Miền Nam bị các đảng phái và tôn giáo khuấy động từ năm 1963 đến 1965. Chính phủ Hoa Kỳ đề nghị với chính phủ quân nhân của Việt Nam Cộng Hoà cho đưa quân đội Hoa Kỳ vào để cứu nguy, một việc làm mà trước kia Tổng Thống Ngô Đình Diệm không bao giờ chấp nhận, vì Ông không muốn làm mất Chính Nghĩa Quốc Gia khi phải lệ thuộc vào Mỹ quá nhiều. Nhưng có lẽ vì tình hình an ninh của Miền Nam đã suy yếu đến mức độ không còn cách cứu chữa, nên chính phủ quân nhân, chính phủ tiếp nhiệm

của Chánh Phủ Dân Sự Phan Khắc Sửu, phải chịu chấp nhận việc này.

F. HOA KỲ ĐƯA QUÂN ĐỘI VÀO MIỀN NAM VIỆT NAM.

Đến khoảng năm 1965, với sự đồng thuận của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hoà, những thành phần của Lực Lượng III Thủy Bộ Hoa Kỳ (The 3rd Marine Amphibious Force) với khoảng 3 Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Mỹ lần lượt đổ quân vào lãnh thổ của Quân Đoàn I (Miền Trung). Theo sự thỏa thuận giữa Chính Phủ VNCH và Chính Phủ Hoa Kỳ, Tư Lệnh của Lực Lượng III Thủy Bộ này là Cố Vấn Trưởng cho Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời cũng là giới chức cung cấp thêm mọi phương tiện yểm trợ chiến tranh cho Quân Đoàn I. Đối với Quân Đoàn II Việt Nam ở Cao Nguyên, Tư Lệnh Lực Lượng I Dã Chiến Hoa Kỳ với một số Sư Đoàn Mỹ dưới quyền là Cố Vấn cho Tư Lệnh Quân Đoàn II và cũng là giới chức cung cấp mọi yểm trợ quân sự cho Quân Đoàn II. Tại Quân Đoàn III, Tư Lệnh Lực Lượng II Dã Chiến Hoa Kỳ (Phụ bản 10) với các đơn vị chủ yếu như Sư Đoàn I Bộ Binh, Sư Đoàn 25 Bộ Binh, Sư Đoàn 9 Bộ Binh, Lữ Đoàn 3/Sư Đoàn 82 Nhảy Dù Mỹ, Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù Mỹ. Sau cùng là Sư Đoàn I Không Kỵ và Chiến Đoàn Biệt Lập Úc Đại Lợi đã thay

thế với nhau, tăng cường cho lực lượng nòng cốt của Quân Đoàn III gồm 3 Sư Đoàn 5, 18, 25 Bộ Binh, để chống trả với Lực Lượng Cộng Sản Bắc Việt, ngày một được Lực Lượng của các nước Cộng Sản như Tàu, Nga, Bắc Hàn và Cuba yểm trợ về mọi mặt.

Cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân (năm 1968) cho thấy mức độ yếu kém của Chính Phủ VNCH, đã trở thành một con rắn không có đầu sau cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Miền Nam đã mất đi một Lãnh Tụ đạo đức, có uy tín chẳng những trong nước mà cả vùng Đông Nam Á Châu. Tình trạng chia rẽ giữa các Tướng Lãnh lãnh đạo (do tranh chấp quyền hành), chỉ muốn đặt để những sĩ quan thân tín vào các chức vụ chỉ huy then chốt, thay vì đặt người có khả năng để giữ gìn đất nước. Các Đoàn Thể Chính Trị chỉ muốn dùng hậu thuẫn của đảng mình để thao túng tình hình chính trị thay vì hỗ trợ cho một cấp Lãnh Đạo xứng đáng.

Các tôn giáo cũng bị Cộng Sản Bắc Việt phân hóa và xúi giục đến nỗi gây xáo trộn và bạo động khiến tình hình an ninh trở nên quá tệ hại như vụ Phật Giáo Miền Trung vào khoảng 1965.

***CUỘC TỔNG TẤN CÔNG TẾT MẬU THÂN VÀ SỰ THẤT BẠI CỦA BẮC VIỆT.**

Cộng Sản Bắc Việt cho là tình hình suy sụp Miền Nam đã chín mùi để họ có thể phát động Cuộc Tổng Tấn Công và Tổng Nổi Dậy Tết Mậu Thân 1968.

Vào thời điểm đó, tổ chức lãnh thổ của Quân Đoàn III và Quân Khu 3 gồm có 10 Tỉnh/Tiểu Khu và Thị Xã/Đặc Khu Vũng Tàu. Ba Tư Lệnh Sư Đoàn 5, 18, 25 kiêm luôn việc chỉ huy luôn ba Khu Chiến Thuật 31, 32 và 33. Mỗi Khu Chiến Thuật trách nhiệm chỉ huy 3 Tỉnh/Tiểu Khu. Riêng Tỉnh/Tiểu Khu Gia Định trực thuộc Quân Khu Thủ Đô và thị xã Vũng Tàu thuộc Quân Khu 3. Các Tỉnh và Thị Xã đều có một số đơn vị Địa Phương Quân, đầu tiên được tổ chức ở cấp Đại Đội và Liên Đội (sau năm 1970 được nâng lên đến cấp Tiểu Đoàn và Liên Đoàn). Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III chỉ huy tổng quát lực lượng quân sự của 10 Tỉnh/Tiểu Khu và 3 Sư Đoàn Bộ Binh. Ngoài ra, Quân Đoàn III & Quân Khu 3 còn có một số đơn vị cơ hữu, như các Đại Đội Biệt Động Quân (sau này được hợp lại thành những Tiểu Đoàn, đến khoảng năm 1967 thì tổ chức thành Liên Đoàn). Vào khoảng năm 1968, Quân Đoàn III có hai Liên Đoàn Biệt Động Quân: Liên Đoàn 3 và Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân. Đến năm 1969 thành lập thêm Liên Đoàn 6 Biệt Động Quân. Về Pháo Binh, Quân Đoàn III có một số đơn vị Pháo Binh 155 ly và 105 ly cơ hữu dùng yểm trợ tổng quát và tăng cường cho các đơn vị hành quân.

Cho đến Cuộc Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân 1968, Trung Tướng Lê Nguyên Khang, người tiền nhiệm của Trung Tướng Đỗ Cao Trí, đã theo quan niệm chiến thuật “phòng thủ diện địa”. Tùy theo tình hình, ông cho tăng phái cho mỗi Tỉnh/Tiểu Khu một số Tiểu Đoàn Bộ Binh (lấy từ các Sư Đoàn 5, 18, 25 Bộ Binh) hoặc các Tiểu Đoàn và Đại Đội Biệt Động Quân biệt lập, cho mỗi Tiểu Khu/Tỉnh để tự sắp xếp việc phòng thủ diện địa phương của mình.

Lợi dụng “cách phối trí căng quân ra” để bảo vệ khắp nơi của quân ta, Bộ Chỉ Huy Quân Sự Bắc Việt tại Miền Nam (còn có tên gọi là “Cục R”) chủ trương Chiến Thuật “tập trung quân nhanh, đánh mau, rút lệ”. Chúng đã thành công vì ở mỗi địa phương quân ta đã không có đủ lực lượng để đánh trả hoặc phản công khi cần để đánh bại họ. Vào thời điểm Tết Mậu Thân, địch đã có 3 Sư Đoàn/Công Trường 5, Công Trường 7, Công Trường 9 luân phiên hay tập trung hoạt động khi cần, tại hai lãnh thổ của Quân Đoàn III và Quân Đoàn IV.

Ngoài ra, ở mỗi Tỉnh/Tiểu Khu, Cộng Sản còn có những đơn vị địa phương cấp Tiểu Đoàn hoặc Trung Đoàn để duy trì áp lực ở mỗi địa phương của ta. Khi Trung Tướng Đỗ Cao Trí nhận bàn giao quyền Tư Lệnh Quân Đoàn III và Quân Khu 3 vào khoảng tháng

3 năm 1968 từ Tướng Lê Nguyên Khang, 3 Sư Đoàn/Công Trường 5, 7, 9 Bắc Việt còn thay phiên nhau đưa các đơn vị vào đánh phá các quận ven đô của Thủ Đô Sài Gòn, Chợ Lớn. Ngày đêm họ còn bắn hỏa tiễn 122 ly và 107 ly vào Thủ Đô này.

G. TƯỚNG TRÍ TÁI PHỐI TRÍ LỰC LƯỢNG ĐÁNH TAN CUỘC TỔNG TẤN CÔNG TẾT MẬU THÂN, NĂM 1968.

Nhận định nhanh chóng tình hình, Tướng Trí liền cho rút ngay từ Sư Đoàn 18 Bộ Binh, Bộ Chỉ Huy Thiết Đoàn 5 Kỵ Binh với hai Chiến Đoàn Chiến Xa/Thiết Quân Vận về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III để nhập với Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân thành 2 Chiến Đoàn Xung Kích:

- Chiến đoàn thứ nhất lấy tên Chiến Đoàn 333 Xung Kích do Trung Tá Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân chỉ huy, với Bộ Chỉ Huy của Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân, cùng hai Tiểu Đoàn Biệt Động Quân, một Chi Đoàn hỗn hợp Chiến Xa/Thiết Quân Vận của Thiết Đoàn 5 Kỵ Binh và bộ phận Pháo Binh tương ứng.

- Chiến Đoàn Xung Kích thứ hai lấy tên Chiến Đoàn 5 Xung Kích do Trung Tá Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 5 Kỵ Binh của Sư Đoàn 18 chỉ huy, với một Chi Đoàn hỗn hợp Chiến Xa/Thiết Quân Vận và

hai Tiểu Đoàn Bộ Binh của Sư Đoàn 18 Bộ Binh (một Tiểu Đoàn Biệt Động Quân còn lại được giữ làm trừ bị cho lực lượng xung kích đóng cạnh Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, một Chi Đoàn hỗn hợp Chiến Xa/Thiết Quân Vận còn lại của Thiết Đoàn 5 được trả về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 18 để tái huấn luyện và tham gia phòng thủ hậu cứ Sư Đoàn 18 Bộ Binh).

Trung Tướng Trí đích thân điều động và chỉ huy hai Chiến Đoàn Xung Kích này để bẻ gãy các mũi tấn công của địch đang tiếp tục đánh phá các vùng ven đô và đuổi bọn chúng ra các Tỉnh/Tiểu Khu bao quanh Thủ Đô, để các nơi đó chặn đánh họ. Tướng Trí đã có chỉ thị các Tư Lệnh Sư Đoàn 5, 18 và 25 Bộ Binh thuộc quyền phải tổ chức các Lực Lượng Xung Kích cho riêng mỗi Khu Chiến Thuật để có lực lượng lưu động mở hành quân diệt địch, không cho họ rảnh tay đến quấy rối các Tỉnh/Tiểu Khu thuộc phần trách nhiệm của Khu Chiến Thuật do Sư Đoàn liên hệ trách nhiệm. Các Tư Lệnh Sư Đoàn phải báo cáo cho Quân Đoàn III những cuộc hành quân từ cấp Tiểu Đoàn trở lên, để Tướng Trí bắt thân bay đến kiểm soát và giúp đỡ kịp thời. Ngoài ra, văn phòng của Tướng Trí còn phải thiết lập một lịch trình thăm viếng thường xuyên để ông đến thăm ba Sư Đoàn (ba tháng một lần), các Tỉnh/Tiểu Khu (mỗi tháng một lần). Mỗi khi đến, ông duyệt xét tình hình của đơn vị về mọi mặt, từ quân số tham chiến

đến tình hình tiếp vận, khả năng tác chiến và tinh thần chiến đấu của quân nhân các cấp.

Do Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà chưa được phía Hoa Kỳ chuyển giao các Đội Trực Thăng chuyên quân UH-1 và các Trực Thăng Chinook Vận Tải hạng nặng nên mỗi nhu cầu chuyển quân và tiếp tế nhanh đều phải phụ thuộc ở sự giúp đỡ của Bộ Tư Lệnh Lực Lượng II Dã Chiến Hoa Kỳ, là đối tác của Quân Đoàn III. Do đó Trung Tướng Kervin, Tư Lệnh Lực Lượng II Dã Chiến đã phải cho Chuẩn Tướng Dunlop Tư Lệnh Phó của ông bay theo Trung Tướng Trí hàng ngày để kịp thời cung cấp số lượng và loại trực thăng cần thiết theo nhu cầu của chiến trường. Khi đến bất cứ một điểm có sự giao tranh giữa đơn vị của ta và quân Cộng Sản, Tướng Trí lúc nào cũng xông xáo, nhảy xuống trực thăng trước ông Tướng Mỹ. Ông đi nhanh đến gặp viên sĩ quan chỉ huy để hỏi ngay tình hình, góp ý và khuyến cáo ông này làm thế nào để giải quyết trận chiến nhanh chóng. Ông yêu cầu cho biết bao nhiêu phi tuần phi cơ khu trục Việt Nam có thể yểm trợ ngay cho quân bạn. Tùy tình hình, ông cho chỉ thị gọi phi cơ đến oanh tạc vị trí địch, chỉ thị cho pháo binh sẵn sàng để tiếp tục yểm trợ xa ra nếu cần, để khi chấm dứt ông có thể ra lệnh cho bộ binh tấn công ngay vào phòng tuyến địch. Nhiều khi để làm gương cho binh sĩ còn e ngại, ông chạy bộ ra phía trước của các binh sĩ đang nằm ở

tuyên đầu, hô to: “Tiến nhanh lên các em!” - một hành động mà ông đã từng làm trước kia, khi ông còn là một Thiếu Úy của một đơn vị Nhảy Dù. Các quân nhân trong binh chủng Nhảy Dù đã từng chứng kiến hành động này của ông, lúc nào cũng mến phục và coi ông như là một “thần tượng” của họ. Chính **Chuẩn Tướng Dunlop** là người thường bay với ông rất thân phục ông và đã nhiều lần nói: “Tướng Trí luôn tỏ ra là một quân nhân can đảm, một cấp chỉ huy có sức lôi cuốn quân nhân thuộc quyền, không bao giờ sợ chết!”.

Lúc nào Tướng Trí cũng ước tính tình hình mặt trận rất nhanh và chính xác. Nếu cần, ông quyết định chuyển thêm quân rất nhanh đề đề bẹp lực lượng địch. Bất chấp lửa đạn, ông luôn đứng tại chỗ chờ đơn vị bạn chu toàn nhiệm vụ. Ông cũng không quên yêu cầu gọi ngay trực thăng tản thương đến gấp để bốc ngay các thương binh. Trung Tướng Trí đứng tại chiến trường, dù địch dùng hỏa tiễn, súng cối hay các loại súng khác pháo vào chỗ ông đang đứng.

Đại Tướng Westmoreland, một thời làm Tổng Tư Lệnh Quân Đội Mỹ ở Việt Nam đã hết lời ngợi khen Tướng Trí trong báo Newsweek như sau: “Trí was a tiger in combat, South Viet Nam's George Patton” (Tướng Trí là một mãnh hổ khi lâm trận, như Tướng

George Patton của Quân Đội Mỹ tại Âu Châu hồi Đệ Nhị Thế Chiến).

H. ĐỂ CÓ THÊM PHƯƠNG TIỆN YỂM TRỢ VỀ HỎA LỰC VÀ PHI PHÁO CHO CÁC ĐƠN VỊ CỦA QLVNCH, TƯỚNG TRÍ ĐƯA RA KẾ HOẠCH “ĐỒNG TIỀN”.

Trung Tướng Trí đề nghị với Tướng Kervin cho phối hợp hoạt động các đơn vị Việt-Mỹ để trao đổi kinh nghiệm về chiến thuật. Thực ra, Tướng Trí muốn lợi dụng phương tiện hỏa lực quá đầy đủ của Hoa Kỳ để yểm trợ cho các đơn vị Việt Nam mỗi khi hoạt động chung với các đơn vị Mỹ. Đồng thời cung cấp cho các cấp chỉ huy cấp nhỏ của Việt Nam kinh nghiệm về cách phối hợp sử dụng phi pháo và bộ binh trong mọi tình thế. Đề nghị này của Tướng Trí được Trung Tướng Kervin đồng ý. Nhờ vậy vào khoảng cuối 1968, một số Tiểu Đoàn Bộ Binh Việt Nam được phép hoạt động chung với một số Tiểu Đoàn Bộ Binh Mỹ và một số Trung Đoàn Bộ Binh Việt Nam cũng được phép hoạt động chung với các Trung Đoàn Bộ Binh Mỹ, lẽ dĩ nhiên là đặt dưới quyền của một Bộ Chỉ Huy hỗn hợp Việt-Mỹ. Kế hoạch Đồng Tiền này đã mang lại nhiều kết quả tốt đẹp vì nó giúp cho các đơn vị Bộ Binh Việt Nam có thêm niềm tin vào hỏa lực yểm trợ, đồng thời cũng khuyến khích binh sĩ người Việt, vì lòng tự hào

dân tộc, cố gắng chiến đấu giỏi hơn khi phải chiến đấu bên cạnh các đơn vị Mỹ.

Kế hoạch Đồng Tiến của Trung Tướng Trí ra đời đúng lúc cần chặn đứng âm mưu của Cộng Sản Bắc Việt sau thảm bại của Tết Mậu Thân 1968 đã cố gắng quay về các địa phương để phá rối. Cuối cùng, chúng đã phải chạy qua bên kia biên giới Miên để tái tổ chức và tìm cách xâm nhập trở lại với ý đồ đánh chiếm cho được một Tỉnh trong lãnh thổ Quân Đoàn III, nhằm đặt trụ sở cho cái “Chính Phủ giả tạo” mà họ gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

I. ÂM MƯU CỦA BẮC VIỆT KHI MỞ BA CUỘC TẤN CÔNG VÀO TỈNH TÂY NINH.

a/- Ba âm mưu tấn kích vào Tỉnh Tây Ninh đã xảy ra liên tiếp như sau: Lần đầu tiên vào khoảng tháng 8 năm 1968, Cộng Sản Bắc Việt đưa một Trung Đoàn Bộ Binh có hỏa tiễn và súng cối 120 ly yểm trợ để đánh vào Tỉnh Tây Ninh. Trước tiên, họ tấn công vào đồn Phước Tân của Tỉnh Tây Ninh, cách biên giới Miên khoảng 2 cây số, do một Đại Đội Địa Phương Quân trấn giữ. Do được tin tình báo, Tướng Trí cho trực thăng vận ngay một Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến (được Bộ Tổng Tham Mưu tăng phái trước đó) đúng vào buổi trưa ngay trước khi họ dự định tấn công. Đến 3 giờ sáng, Cộng sản đánh ngay vào đội hình phòng

thủ của Thủy Quân Lục Chiến. Họ bị đẩy lui và tổn thất rất nặng. Đúng 7 giờ sáng, Trung Tướng Trí đáp trực thăng xuống ngay đồn Phước Tân trong lúc địch còn cố gắng bắn vào đồn để yểm trợ cho chúng rút lui và kéo các thương binh về phía bên kia biên giới Campuchia. Tướng Trí bảo ông Tiểu Đoàn Trưởng đưa ông đi xem các vị trí chiến đấu của quân ta. Ông quan sát số địch chết tại chỗ và vũ khí tịch thu được. Ông bảo Tiểu Đoàn Trưởng tập hợp số quân nhân cần ân thưởng cấp bậc hay huy chương lại để ông đích thân trao gấn. Tiểu Đoàn Trưởng đề nghị ông xuống dưới hầm để gấn huy chương cho an toàn vì địch vẫn còn pháo vào đồn, Tướng Trí nói với vị Tiểu Đoàn Trưởng là ông chỉ gấn cấp bậc và huy chương ngay trên mặt đất chứ ông không muốn xuống dưới hầm. Khi xong, ông cho lệnh liên lạc phía Mỹ mượn 3 trực thăng vận tải Chinook để chuyển một Tiểu Đoàn Nhảy Dù (cũng được Bộ Tổng Tham Mưu tăng phái trước đó) vào thay thế ngay Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, được ông cho về hậu cứ để tĩnh dưỡng một tuần. Ông còn căn dặn vị Tiểu Đoàn Trưởng Thủy Quân Lục Chiến sắp xếp đơn vị mình, sẵn sàng để cho một Đại Đội của mình rời đồn Phước Tân khi Chinook đổ xuống một Đại Đội Nhảy Dù. Ông chỉ thị rõ là việc thay quân cần phải thi hành một cách lặng lẽ, tránh gây náo nhiệt để địch lầm tưởng là ta đã rút hết quân tăng viện ra.

Đúng là như Tướng Trí đã dự đoán, địch trở lại 2 ngày sau, với một lực lượng hùng hậu hơn, nhưng họ đã bị “tài thao lược” của Tướng Trí khi gặp phải Tiểu Đoàn Nhảy Dù mới vào thế. Tổng kết hai trận tấn công vào Phước Tân: khoảng 500 địch chết tại chỗ, chưa kể một số chết và bị thương mà họ đã kéo về bên kia biên giới Kampuchia. Số vũ khí tịch thu lên đến khoảng 200 súng đủ loại. Một chiến thắng làm cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà lấy lại khí thế chiến đấu. Các Tư Lệnh Đại Đơn Vị Mỹ tại Quân Đoàn III bắt đầu nỗ lực phục tề điều quân và sự gan dạ của một Tướng Lãnh của Miền Nam.

b/-Đợt tấn công thứ hai của địch vào Tỉnh Tây Ninh xảy ra cách đó 2 tháng sau, khi Quân Đoàn III và Lực Lượng II Dã Chiến đã cho triển khai Kế Hoạch Đồng Tiến.

Do tình hình mặt trận Tây Ninh trở nên sôi động hơn, Trung Tướng Trí và Trung Tướng Kervin đã cho phối trí tại khu vực phi trường Trảng Lớn, ở phía Bắc cách Tỉnh Lý Tây Ninh khoảng 8 cây số, Lữ Đoàn 2 của Sư Đoàn 25 Bộ Binh Mỹ và Trung Đoàn 49 Bộ Binh thuộc Sư Đoàn 25 Bộ Binh Việt Nam, với một Bộ Chỉ Huy Hỗn Hợp của hai đơn vị Việt-Mỹ. Gần như mỗi ngày, Tướng Trí và Tướng Kervin đáp trực thăng đến Bộ Chỉ Huy Hỗn Hợp này, từ tờ mờ sáng để duyệt

xét kế hoạch phối hợp hành quân mỗi ngày của hai đơn vị, đồng thời ban chỉ thị bổ túc nếu thấy cần.

Một buổi sáng, khoảng 7:30 giờ, khi hai Tư Lệnh đang nghe thuyết trình trong một phòng họp đặt trên mặt đất có cọc sắt, bao cát và lưới chống B40 bao quanh, thành lĩnh địch quân pháo hai hỏa tiễn loại 107 ly vào chỗ đó. Một quả làm sập một góc phòng thuyết trình, khói, cát, cọc sắt bay tứ phía. Quả thứ hai trúng một số máy điện lưu động đặt trên các “rờ-móc” ở phía sau phòng thuyết trình bị cháy.

Hai tiếng nổ khủng khiếp của hai hỏa tiễn làm rung chuyển một khu vực và làm tắt hệ thống đèn. Hầu hết quân nhân, nhất là Mỹ theo phản ứng tự nhiên nằm rạp xuống đất. Khi đèn bật sáng, mọi người đều nhìn thấy Trung Tướng Trí vẫn ngồi thản nhiên trên ghế, miệng ngâm ông điều thường lệ.

Sau buổi thuyết trình, Tướng Trí đề nghị Tướng Kervin đi vòng chung quanh căn cứ đóng quân của Lữ Đoàn 2/Sư Đoàn 25 Hoa Kỳ và Trung Đoàn 49 của Sư Đoàn 25 Bộ Binh Việt Nam. Ông lưu ý các quân nhân phải dùng các cuộn kẽm concertina kéo ngăn chặn từng khu vực của mỗi đơn vị lúc ban đêm, đề phòng quân đặc công của địch khi xâm nhập được vào căn cứ, sẽ chạy tự do từ chỗ này sang chỗ khác, đánh phá một cách “vô tội vạ”. Ngoài ra, Tướng Trí còn nhắc nhở

phải cho quân trú phòng hoạt động trinh sát, chung quanh căn cứ, xa hơn tầm hỏa tiễn của địch, để đảm bảo an ninh cho quân trú phòng. Tướng Kevin tán đồng các lời nhắc nhở của Tướng Trí vì ông biết Tướng Trí có rất nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Lực lượng Bắc Việt bị hai đơn vị của Sư Đoàn 25 Bộ Binh Mỹ và Sư Đoàn 25 Bộ Binh Việt Nam đánh bại. Do đó, *Cuộc Tấn Kịch lần thứ hai của quân Bắc Việt hoàn toàn thất bại*. Họ bắt đầu nhìn nhận là phi pháo của Mỹ cộng với kinh nghiệm chiến đấu của các quân nhân Việt Nam là yếu tố quyết định sự thất bại của họ.

c/- Cuộc tấn kích lần thứ ba của Bắc Việt vào Tỉnh Tây Ninh lại xảy ra sau đó khoảng ba tháng với một cường độ cao hơn trước. Bắc Việt vẫn quyết tâm đánh chiếm cho kỳ được Tỉnh Tây Ninh để thiết lập Thủ Đô cho cái Chính Phủ Ma Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam của chúng. Chúng cấp tốc tập hợp hai Sư Đoàn Công Trường 7 và Sư Đoàn Công Trường 9 với sự yểm trợ của các đơn vị địa phương của chúng ở vùng Tây Ninh, Trảng Bàng v.v... đưa ra ba Mũi Tấn Kịch chủ yếu.

Mũi thứ nhất từ hướng Bắc đánh vào Phi Trường Trảng Lớn. Mũi tấn công thứ hai từ phía Tây đánh thẳng vào Tỉnh Lỵ Tây Ninh qua ngã đồn biên giới Phước Tân. Hai mũi tấn công thất bại của Bắc Việt từ

phía Bắc và phía Tây đều bị Lữ Đoàn 2 của Sư Đoàn 25 Bộ Binh Mỹ phối hợp với Trung Đoàn 49 và một Chi Đoàn Hỗn Hợp Chiến Xa Thiết Quân Vận của Sư Đoàn 25 Bộ Binh Việt Nam đánh trả và phản công quyết liệt. Hỏa lực hùng hậu của Hoa Kỳ gồm có Pháo Binh hùng hậu và Trục Thăng Võ Trang Cobra phối hợp với sự điều binh hữu hiệu của Trung Đoàn 49/ Sư Đoàn 25 Bộ Binh Việt Nam làm cho các bộ đội Bắc Việt vỡ mộng phiêu lưu, để lại chiến trường gần một ngàn quân nhân vừa chết vừa bị thương, buộc họ phải rút lui về phía bên kia biên giới Campuchia. Mũi tấn công thứ ba của Bắc Việt đi từ hướng Tây Nam của thị xã Tây Ninh, định tiến chiếm Tòa Thánh Cao Đài (một nơi Thờ Phụng quan trọng mà chúng biết ta không thể dùng phi pháo tự do diệt chúng).

Trung Tướng Đỗ Cao Trí đoán ngay ra ý đồ của họ. Ông chỉ thị chúng tôi xin Mỹ cung cấp ngay một số đội trực thăng UH-1 để chuyển cấp tốc một Tiểu Đoàn Nhảy Dù/Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù từ một vùng hành quân khoảng 40 cây số về phía Nam của Tây Ninh, vào thẳng phía Nam của khu vực “Long Hoa” của Tòa Thánh. Với sự gan dạ và kinh nghiệm trong thế đánh cận chiến, Tiểu Đoàn Nhảy Dù đầu tiên nhận được chỉ thị của Tướng Trí, đã lạng lẽ tiến sâu vào khu vực Long Hoa khi được trực thăng thả xuống. Cấp chỉ huy của Dù cho lệnh trong vòng ba ngày binh lính phải khai

triển nhanh chóng đội hình, làm chủ khu vực và giải quyết mũi tấn công của Bắc Việt mà không được gây đổ nát, xáo trộn hay thiệt hại nào cho dân chúng. Ngoài ra, binh lính phải cẩn thận tiến sâu vào phía Nam của khu vực Long Hoa, dùng súng nhẹ của Bộ Binh để diệt địch, từng nhà một, từng khu phố một, tránh dùng các loại súng cối hay pháo binh có thể gây thương tích cho các đạo hữu Cao Đài và gây đổ nát cho các kiến trúc có tính cách lịch sử của Tòa Thánh Long-Hoa của đạo Cao-Đài.

Hai Tiểu Đoàn còn lại được quân xa chuyển trong đêm lên Tây Ninh, trong khi Bộ Tư Lệnh của Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù được trực thăng bốc thẳng về Tây Ninh, đóng cạnh Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Quân Đoàn III.

Lữ Đoàn 3 Sư Đoàn Nhảy Dù, như Trung Tướng Trí dự tính, đã giải quyết một cách êm đẹp và nhanh chóng khi càn quét quân Cộng Sản đang cố gắng len lút xâm nhập vào các xóm đạo của khu Long Hoa và Tòa Thánh Cao Đài. Binh lính Nhảy Dù đã luôn luôn chứng tỏ với nhân dân Miền Nam là một đội ngũ có kỷ luật và có lòng nhân ái, mặc dù họ rất hăng say chiến đấu chống Cộng Sản.

Đây là lần thứ ba các Đại Đơn Vị của Cộng Sản Bắc Việt cấp Sư Đoàn bị Trung Tướng Đỗ Cao Trí

giáng cho những trận đòn chí mạng tại Tỉnh Tây Ninh, nơi mà họ nhiều lần cố gắng đánh chiếm để đặt Thủ Đô của cái gọi là Chính Phủ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mà chúng mới nặn ra để hỗ trợ cho Hội Đàm Paris (một mưu mô chính trị mà họ đã thảo luận với Cố Vấn Henry Kissinger).

J. CUỘC TẤN CÔNG CỦA BẮC VIỆT VÀO TỈNH BÌNH LONG LẦN THỨ NHẤT, VÀO THÁNG 9/1969 CŨNG BỊ DỆP TAN RẤT NHANH CHÓNG.

Sau ba lần thất bại tại Tây Ninh, Bắc Việt lại âm mưu đánh chiếm Tỉnh Bình Long vào khoảng tháng 9 năm 1969, nhưng chúng cũng bị Trung Tướng Trí tiêu diệt ngay vào những ngày đầu tiên.

Nhận được tin tức từ một điệp viên “hai mang” của Cộng Sản, Trung Tướng Trí đã nhanh chóng ra lệnh cho Thiếu Tướng Hiếu, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, điều động ngay Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh của Sư Đoàn, tăng thêm lực lượng của Thiết Đoàn 15 Kỵ Binh của Quân Đoàn mới được thành lập và một Trung Đoàn của Sư Đoàn 5. Ngoài ra, Trung Tướng Trí còn tăng cường thêm cho Tướng Hiếu Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân. Tất cả đặt dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tướng Hiếu, Tư Lệnh Sư Đoàn 5, để được sử dụng mai phục quanh Tỉnh Bình Long, sẵn sàng đánh trả và phản

công lại địch quân. Cuộc tấn kích của quân Bắc Việt với khoảng gần 2 Sư Đoàn bị bẻ gãy một cách nhanh chóng, với rất nhiều tổn thất về nhân mạng (khoảng 300 xác chết tại chỗ, chưa kể số thương binh được kéo đi) và nhiều vũ khí để lại tại trận địa. Địch không ngờ là kế hoạch của họ đã bị “điệp viên hai mang” của họ tiết lộ cho Phòng Nhì của Quân Đoàn III, nhưng họ chưa chịu từ bỏ ý định này, vì đã có những yếu tố về địa thế của Tỉnh này qua các cuộc điều nghiên lần trước.

Sau đó khoảng 3 năm, nhận thấy sự suy yếu dần về khả năng quân sự của Quân Đoàn III sau cái chết bí ẩn của cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí vào ngày 23/2/1971, Bắc Việt cho nghiên cứu lại Trận Đánh Chiếm Tỉnh Bình Long, với một lực lượng quy mô hơn (với khoảng 4 Sư Đoàn Bộ Binh, một Trung Đoàn Đại Pháo, một Trung Đoàn Thiết Giáp T-54, nhiều vũ khí tối tân như hỏa tiễn đối không S-R 7 v.v...) để mở trận đánh thứ hai vào An Lộc vào đầu tháng 5 năm 1972. Tuy không còn cố Đại Tướng Trí nhưng chúng vẫn thất bại vì B.52 của Hoa Kỳ và lòng hăng say chiến đấu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã giáng cho chúng một trận thảm bại với khoảng 20 ngàn xác chết do B.52 và gần 100 Chiến Xa T-54 bị quân ta diệt bằng hỏa tiễn cầm tay M.72.

K. MUU MÔ THẢ 3 TÙ BINH MỸ CỦA CỘNG SẢN BẮC VIỆT VÀO CUỐI NĂM 1968.

Mưu mô của Cộng Sản Bắc Việt khi chúng thả 3 tù binh Mỹ tại Tây Ninh vào cuối năm 1968 để chuẩn bị việc chúng sắp đưa cái Chính Phủ ma Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ra Hội Đàm Paris (vào năm 1969) như là một Chính Phủ hợp pháp ngang hàng với chính phủ của Miền Nam Tự Do (đã được Quốc Tế công nhận là một Chính Phủ đối đầu với Chính Phủ Bắc-Việt, từ Hiệp Định Genève). Đây là một sự dàn dựng giữa Tiến Sĩ Kissinger và Cộng Sản Bắc Việt!

Một buổi sáng gần cuối tháng 12 năm 1968, Trung Tướng Trí gọi tôi vào văn phòng lúc 11 giờ trưa, bảo tôi sẵn sàng bay lên Tây Ninh với ông. Khi lên trực thăng, ông cho tôi biết sẽ đến ngay Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Sư Đoàn 25 Mỹ ở Trảng Lớn. Ông nói thêm, ông và tôi sẽ gặp Trung Tướng Kevin và một nhân vật của Tòa Đại Sứ Mỹ. Ông căn dặn tôi phải chú ý ghi rõ những gì sẽ xảy ra sau đó để làm báo cáo, gửi ngay lên cho Văn Phòng Tổng Thống. Tôi chỉ biết có thế thôi vì ông không nói thêm gì hết.

Khi Trung Tướng Trí và tôi đến Trảng Lớn, chúng tôi được đưa vào chiếc xe Trailer dùng làm Văn Phòng cho Thiếu Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 25 Bộ Binh Mỹ. Ông này cùng Trung Tướng Kevin Tư Lệnh Lực

Lượng II Dã Chiến bước ra đón Trung Tướng Trí và tôi vào một trailer dùng làm phòng họp. Tướng Kevin cho Tướng Trí biết sẽ có một Đại Diện của Tòa Đại Sứ Mỹ đến họp. Khi ông này đến, tôi nhận ra ngay: ông là Mục Sư Sauvageot mà tôi đã có dịp gặp tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III trong một buổi họp về chương trình Bình Định Phát Triển cách đó khoảng một năm. Lúc bấy giờ ông này mặc quân phục kaki với cấp bậc là một Thiếu Tá Tuyên Úy. Tôi để ý khi nghe thuyết trình bằng tiếng Việt Nam ông không dùng máy nghe có chuyển âm ra tiếng Mỹ. Ông ghi tóm tắt cả bài thuyết trình bằng tiếng Việt rất nhanh mà không dùng máy nghe (chuyển từ tiếng Việt ra tiếng Anh). Sau buổi họp, tôi gặp ông tại bàn giải lao và khen ông về khả năng quá giỏi của ông về tiếng Việt Nam. Ông tự giới thiệu một cách khiêm nhường: ông đã học tiếng Việt trong chương trình đào tạo Mục Sư Tin Lành. Ông tên Sauvageot. Trước thái độ ngạc nhiên của tôi, ông nói tiếp ông có vợ là người Việt Nam.

Gặp lại ông ở buổi họp tiếp đón tù binh này, ông làm như không nhận ra tôi. Lẽ dĩ nhiên tôi cũng giữ thái độ lãnh đạm như ông. Khi vào họp, tôi phải cố gắng nghe rất kỹ. Trung Tướng Kevin cho biết Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (tức là Cộng Sản Bắc Việt) trả tự do cho ba quân nhân Mỹ trong khu rừng nhỏ có tên là rừng Long Khánh, ở phía Tây Nam tỉnh ly Tây

Ninh, độ 20 cây số (chỉ tọa độ trên bản đồ). Tôi lập tức ghi nhận. Giờ trả tù binh là vào khoảng 2 giờ trưa (tôi không còn nhớ rõ giờ chính xác) Ông Sauvageot, hôm nay mặc thường phục với một áo gió vàng lợt, bên ngoài áo sơ-mi trắng và quần kaki vàng.

Ông Sauvageot sẽ đi một trực thăng tản thương có sơn chữ thập đỏ của Hồng Thập Tự Quốc Tế có mang theo 3 chiếc cáng (stretcher) để chở 3 tù binh Mỹ về. Một “Light Fire Team” (gồm 1 Trực Thăng Chỉ huy và 2 Trực Thăng Cobra bay theo hộ tống và sẽ đáp xuống điểm trao tù binh. Một “Light Fire Team” thứ hai sẽ bay vòng quanh điểm thả tù binh, để sẵn-sàng can thiệp và gọi tiếp ứng nếu cần. Tôi được Đại Tá Chỉ huy toàn bộ Toán đi đón tù binh này mời lên Trực Thăng Chỉ Huy của Ông ấy, bay vòng trên trời để các chuyên viên nhiếp ảnh và quay phim dùng Telephoto-lens thu hình diễn tiến Cuộc Trao Trả tù binh này. Ông Sauvageot, Đại Diện của Tòa Đại-Sứ Mỹ, liên lạc với Đại Tá Mỹ chỉ huy toàn bộ đoàn trực thăng hộ tống, bằng một Micro có âm thanh rất mạnh của Ô. Savageot. Sau đây là những gì Ông Sauvageot kể khi đưa tù binh về Trạm Cứu Thương của Sư Đoàn 25 Mỹ tại Trảng Lớn. Ô. Sauvageot kể: Khi Ông vừa bước xuống Trực Thăng, thì một toán cộng sản khoảng 6 người, ăn mặc quân phục rất tươm-tắt, chạy đến níu-kéo và lôi ông về phía một bàn gỗ đặt ở giữa sân cỏ.

Bàn dài độ 3 thước, có trải một khăn bàn trắng. Trên bàn có một vài bình hoa và nhiều đĩa bánh kẹo. Có một số tách, vài bình đựng cà-phê hay trà. Đặc biệt là sau bàn này, cách đó chừng 4 thước, có dựng hai cột cờ cao độ 4 thước, một treo Cờ Đỏ Sao Vàng của Bắc-Việt và một treo lá Cờ xanh và đỏ mà Ông nghi là cờ của Mặt Trận Giải Phóng. Ông biết âm mưu của V.C. là muốn giữ bằng cứ về sự thỏa thuận giữa Mỹ và MTGPMN, Ông Sauvageot nghe hiểu những gì bọn cộng sản nói với nhau (bằng tiếng Việt Nam), “phải cố gắng chụp hình Ô. Sauvageot ở một góc độ mà có thể thấy hai lá Cờ của bọn chúng phía sau lưng ông”. Vì vậy, Ông Sauvageot phải liên tục tìm cách tránh né, cho đến khi họ chịu cho Ông ra về với các tù binh.

Trung Tướng Trí về đến Biên Hoà khoảng 7 giờ chiều. Tôi được lệnh làm ngay một Bản Phúc Trình, đệ trình Trung Tướng duyệt ký và cho sĩ quan thân tín mang về Phủ Tổng Thống để tường trình mọi việc (kèm theo một bộ ảnh do Toán chuyên viên Mỹ của Sư Đoàn 25 Mỹ chụp bằng Telephoto lens từ trực Thăng) trình ngay lên cho Tổng Thống lúc 10 giờ đêm cùng ngày.

*Phần II được tạm ngừng ở đây và nối tiếp là Sự
Tường Thuật về Mặt Trận Kampuchia do Trung
Tướng Đỗ Cao Trí đích thân chỉ huy.*

VINH DANH CỐ ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ

PHẦN THỨ BA

Mặt Trận Campuchia

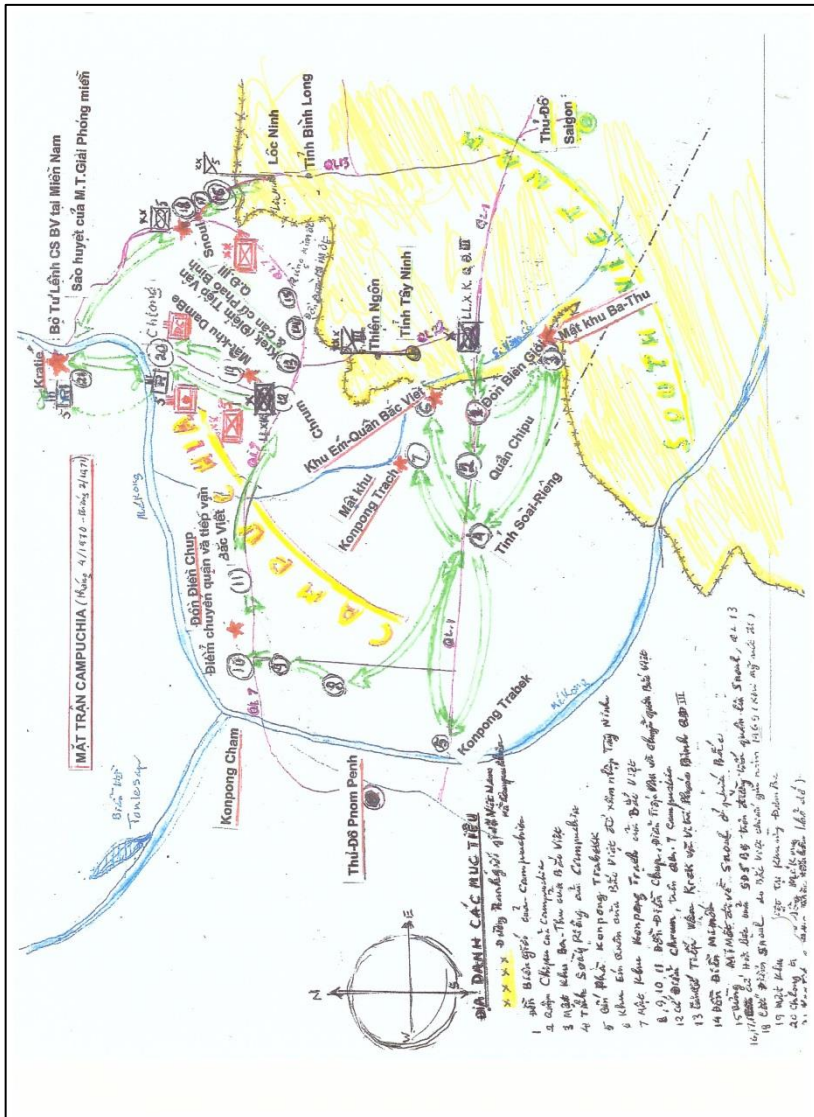
Bài viết của cựu Đại Tá Ngô Văn Minh, Tham Muu Trưởng tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương kiêm Phụ Tá Hành Quân cho cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí Tư Lệnh Quân Đoàn III, tại Mặt Trận Campuchia (kể từ tháng 4 năm 1970 đến 23/2/1971, là ngày Tướng Trí tử nạn trực thăng tại mặt trận).

Hơn năm mươi năm đã trôi qua, những gì đã xảy ra chỉ còn là những kỷ niệm đang phai mờ dần trong ký ức của người viết. Mục đích của chúng tôi là muốn “vinh danh” cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, một Tướng lãnh lỗi lạc và anh hùng, có lòng yêu nước tuyệt đối, đồng thời tôi cũng muốn nêu ra một số chiến tích oai hùng của người lính Việt Nam Cộng Hoà. Do khoảng cách thời gian quá lâu, chúng tôi nghĩ rằng có thể có những thiếu sót hoặc sai lầm liên quan đến những sự

kiện được nhắc đến. Chúng tôi thành thật cáo lỗi với các Niên Trưởng và các chiến hữu về các sai sót, nếu có, liên quan đến những sự kiện nêu ra. Trong các cuộc hành quân trên đất Campuchia, Trung Tướng Trí có đề cử Thiếu Tướng Nguyễn Xuân Thịnh, Tư Lệnh Sư Đoàn 25 Bộ Binh kiêm nhiệm chức Tư Lệnh Phó Chiến Dịch cho ông, nhưng vì bận rộn với việc điều động các chiến đoàn của Sư Đoàn 25 nên Tướng Thịnh không thể thường nhật bay theo Tướng Trí được, nên chúng tôi được Tướng Trí chỉ định thừa hành luôn nhiệm vụ của một Phụ Tá Hành Quân ngoài chức vụ Tham Mưu Trưởng, để thường xuyên bay theo giúp ông. Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III gồm một số đơn vị lấy từ ba Sư Đoàn 5, 18 và 25 Bộ Binh cùng các đơn vị cơ hữu của Quân Đoàn III như Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh, ba Liên Đoàn 3, 5, 6 Biệt Động Quân và các đơn vị Pháo Binh cơ hữu của Quân Đoàn III.

CHINH PHỤC CỘNG SẢN BẮC VIỆT TRÊN ĐẤT CAMPUCHIA

Theo chân Đại Tướng Đỗ Cao Trí đưa Quân Đoàn III vào đánh tan quân Cộng Sản Bắc Việt ẩn náu trên đất Chùa Tháp, gây thiệt hại khoảng 70% về nhân mạng và vật chất cho các Sư Đoàn 5, 7, 9 Bắc Việt,



Phóng Đồ Hành Quân Mặt Trận Campuchia

triệt tiêu khoảng 90% các căn cứ hậu cần quan trọng của chúng, như mật khu Ba Thu, Kon Pong Trach, đồn điền Chup, Dambe và cứ điểm Snoul từ đầu tháng 4 năm 1970 đến 23/2/1971. Tôi xin ghi lại một số sự kiện sau.

Trong một số bài viết trước đây, chúng tôi đã có dịp đề cập đến con người của cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, một tướng lãnh gan dạ và lỗi lạc, một thiên tài về chiến thuật và chiến lược quân sự hiếm có trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà.

Sau đây chúng tôi xin kể tiếp về cuộc hành quân chinh phạt quân Cộng Sản Bắc Việt trên đất Campuchia do Đại Tướng Đỗ Cao Trí trực tiếp chỉ huy.

Đầu tháng 4 năm 1970, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh cho Quân Đoàn III và Quân Đoàn IV Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà phối hợp tấn công vào lãnh thổ Campuchia để đánh tan các đại đơn vị Cộng Sản Bắc Việt và triệt tiêu các cơ sở hậu cần của họ, được vua Shianouk thân Cộng cho phép trú đóng trên đất Miên. Lúc bấy giờ, ông vua này vừa bị Tướng Lon Nol thân Mỹ đảo chánh, nhưng chính quyền Lon Nol chưa kiểm soát được hết các cơ sở hành chánh và đơn vị quân sự ở xa thủ đô Pnom Pênh, nên vẫn còn nằm dưới quyền kiểm soát của các thuộc hạ trung thành với Shianouk. Vì vậy, Hoa-Kỳ đã phải yêu cầu VNCH

đưa quân sang Campuchia giúp cho Lon Nol ổn định tình hình và truy kích các đơn vị Cộng Sản Bắc Việt và Khmer Đỏ.

Trung Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III lập tức ra lệnh cho Lực Lượng Xung Kích của Quân Đoàn III, đã sẵn sàng trước đó gần một tháng (nhờ Tướng Trí cho theo dõi tin tức tình báo và ý định của chính phủ VNCH và chính phủ Mỹ qua tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn) ồ ạt tấn công vào lực lượng thân Cộng của vua Shianouk và các đơn vị của Cộng Sản Bắc Việt ẩn náu trên đất Campuchia, mở màn cho Cuộc Hành Quân Toàn Thắng 72 khai diễn vào đầu tháng 4 năm 1970.

A. CUỘC HÀNH QUÂN TOÀN THẮNG 72.

Được chia ra làm 5 giai đoạn (xin xem sơ đồ đính kèm,

Giai đoạn I.

Nhằm các mục tiêu: 1, 2, 3 trên sơ đồ.

1. Tổ chức lực lượng: Sử dụng 3 Chiến Đoàn hỗn hợp Thiết Giáp và Bộ Binh.

Chiến Đoàn A gồm Bộ Chỉ Huy của một Trung Đoàn Bộ Binh thuộc Sư Đoàn 25 Bộ Binh với 2 Tiểu Đoàn Bộ Binh, 1 Chi Đoàn Thiết Quân Vận & Chiến Xa và 1 Pháo Đội 105 ly tương ứng.

Chiến Đoàn B gồm Bộ Chỉ Huy của Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân của Quân Đoàn III tăng phái, với 2 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân, 1 Chi Đoàn Thiết Quân Vận & Chiến Xa và 1 Pháo Đội 105 ly tương ứng.

Chiến Đoàn C gồm Bộ Chỉ Huy của Thiết Đoàn Kỵ Binh của Sư Đoàn 18 với 2 Chi Đoàn Thiết Quân Vận và Chiến Xa, 1 Tiểu Đoàn Bộ Binh của Sư Đoàn 18, 1 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân và thành phần Pháo Binh tương ứng.

Một căn cứ hỏa lực để yểm trợ tổng quát cho 3 Chiến Đoàn A, B và C được đặt tại Gò Dầu với Bộ Chỉ Huy của Tiểu Đoàn Pháo Binh 155 ly của Quân Đoàn cùng với 2 Pháo Đội 155 ly và 1 Pháo Đội 105 ly được đặt cạnh Bộ Chỉ Huy Tiền Phương của Quân Đoàn III.

2. Diễn tiến hành quân của Giai Đoạn I:

Sau các đợt dội bom của hai Phi Tuần Khu Trục Việt Nam vào lúc 5 giờ sáng ngày N, Chiến Đoàn A tấn công chớp nhoáng vào mục tiêu 1 (đồn biên giới của quân đội Shianouk) ở cách biên giới Việt-Miên khoảng 500 thước do một Đại Đội lính Miên canh giữ.



Các binh sĩ của Chiến Đoàn A xung phong vào đồn biên giới của quân đội Shianouk đánh chiếm mục tiêu 1 một cách dễ dàng, hạ sát 20 lính Miên và bắt 30 tù binh. Đơn vị Miên nhanh chóng đầu hàng. Chiến Đoàn A tiến nhanh về phía Tây theo Quốc Lộ 1 đánh chiếm mục tiêu 2 (quận lỵ Chi Pu) của quân Shianouk cách đó khoảng 15 cây số, tấn công và hạ sát 30 tên, bắt sống 50 lính Miên còn kháng cự, lục soát địa thế và bố trí một Tuyến An Ngủ hướng về phía Tây trên Quốc Lộ

I, ngăn chặn địch từ Pnom Pênh đến và bảo vệ sườn phía Tây của hai Chiến Đoàn B và C đang tiến nhanh về phía Nam, tấn công vào Mật Khu Ba Thu (mục tiêu 3).

Mục tiêu Ba Thu là một Cơ Sở Hậu Cần rất quan trọng của Cộng Sản Bắc Việt để tiếp tế cho các đơn vị Cộng Sản đang hoạt động trong lãnh thổ miền Nam, đồng thời cũng là nơi đặt Bộ Chỉ Huy Tiền Phương của Mặt Trận B3 phụ trách chỉ huy tất cả các đơn vị Cộng sản đang hoạt động trong lãnh thổ của Quân Đoàn III và Quân Đoàn IV của Miền Nam.

Tướng Trí bay trực thăng đốc thúc 2 Chiến Đoàn B và C tiến nhanh xuống Mật Khu Ba Thu ở phía Nam khi được báo cáo Chiến Đoàn A đã chiếm xong Chi Pu. Ông chỉ thị cho Chiến Đoàn C bọc xuống phía Tây của mục tiêu 3 để tấn công qua phía Đông, trong khi Chiến Đoàn B sẽ tấn công trực diện xuống thẳng mục tiêu 3 từ Bắc xuống Nam. Sau khi cho 5 phi tuần Không Quân dội bom và pháo binh của các Chiến Đoàn bạn yểm trợ kế tiếp, các Chi Đoàn Chiến Xa và Thiết Quân Vận phối hợp với Biệt Động Quân và Bộ Binh của 2 Chiến Đoàn B và C đồng loạt tấn công vào các vị trí địch. Địch chạy tán loạn như ong vỡ tổ. Một số lớn địch nằm chết la liệt trên trận địa.

Tướng Trí xông pha vào trận mạc như lân thây pháo. Khi thì ông đích thân chạy bộ, đôn đốc các lính trẻ xung phong giết địch, khi thì ông ngồi trên xe M113 chỉ thị binh sĩ rượt theo đám tàn quân địch đang tìm nơi ẩn náu. Địch quân để lại tại mặt trận khoảng 200 xác chết (do Không Quân, Pháo Binh và Bộ Binh hạ sát). Các đơn vị ta bắt được khoảng 100 tù binh và thương binh còn nằm tại chiến trường được di tản bằng quân xa Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà về các điểm tập trung ở Gò Dầu gần biên giới Việt-Miên để khai thác tin tức. Nhiều quân địch chạy trốn tứ phía hoặc chui vào các hầm và hệ thống giao thông hào chằng chịt của mật khu Ba Thu. Súng đạn của địch vút bừa bãi khắp nơi sẽ được các Chiến Đoàn của ta thu gom về sau.

Tướng Trí đi đi lại lại khắp nơi trên mặt trận, rất hài lòng về sự chiến đấu của binh sĩ thuộc quyền. Suốt ngày ông chỉ ăn vài mẩu bánh lát trong hộp Ration C và uống vài ngụm nước lọc. Ông ra lệnh cho tản thương gấp các thương binh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà bằng trực thăng về Điểm Lượm Thương gần Trảng Bàng, Tây Ninh hoặc chuyển về Tổng Y Viện Cộng Hoà khi có trường hợp bị thương nặng. Có những trường hợp quá cấp bách mà chưa có trực thăng tản thương, ông còn chỉ thị sĩ quan tùy viên lấy trực thăng chỉ huy của ông để làm việc đó.

Các tù binh và thương binh cộng sản được băng bó và di tản bằng quân xa của Việt Nam Cộng Hoà. Xác chết của địch được chôn tại chỗ theo thủ tục vệ sinh của Quân Y. Mặc dù Tướng Trí bị bệnh tiêu đường khá nặng nhưng lúc nào ông cũng hoạt động suốt ngày và ở lại chiến trường rất trẻ. Ông chỉ ra về khi đã ra lệnh căn kè cho các Chiến Đoàn Trưởng và khi người thương binh cuối cùng đã được di tản. Phá vỡ xong mật khu Ba Thu, Tướng Trí ra lệnh cho Chiến Đoàn A từ Chi Pu lần lượt di chuyển xuống Ba Thu thay thế cho hai Chiến Đoàn B và C được nhanh chóng đưa lên Chi Pu thay thế Chiến Đoàn A. Chiến Đoàn A được đưa xuống mật khu Ba Thu để tiếp tục thanh toán các nhóm tàn quân địch còn sót lại trong hệ thống hang hầm chằng chịt của mật khu này, đồng thời thu gom tiếp số vũ khí còn sót lại được che giấu rất kỹ trong các kho nằm sâu dưới đất, mới toanh, còn nguyên vẹn bọc trong giấy.

3. Kết quả Giai Đoạn I của cuộc hành quân rất đáng khích lệ.

Chưa bao giờ Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đạt được những kết quả lớn lao như thế. Số quân Việt Cộng bị giết do phi cơ oanh kích, Pháo Binh yểm trợ và Bộ Binh hạ sát lên đến khoảng 200 người. Số tù binh và thương binh bị bắt gồm khoảng 100 người. Số vũ khí

lấy được tại trận địa và tìm được trong các hầm kho cất giấu dưới đất lên đến gần 5 ngàn khẩu đủ loại, từ các loại súng cộng đồng như đại bác chống xe tăng SKZ 100 ly, 75 ly và 57 ly; đại liên phòng không 12 ly 7; đại liên chống Bộ Binh 12 ly 7 và 7,6 ly; súng cối 120 ly, 81 ly và 60 ly, toàn của Trung Cộng, đến các tiểu liên AK 47 của Tiệp Khắc hoặc Trung Cộng với cả ngàn tấn đạn dược tương ứng. Tất cả vũ khí, đạn dược này được quân Bắc Việt, lần hồi chuyển từ Bắc vào đây theo đường mòn Hồ Chí Minh, để tiếp tế cho bọn chúng đánh phá miền Nam. Tất cả vũ khí, đạn dược chuyển về Nha Quân Cụ xử lý. Dưới phía Nam của ranh giới giữa Quân Đoàn III và Quân Đoàn IV, Thiếu Tướng Nguyễn Viết Thanh, Tư Lệnh Quân Đoàn IV cũng đạt được nhiều chiến công tuy có phần kém hơn Quân Đoàn III.

Ghi chú: Tuần báo News Week của Hoa Kỳ lúc bấy giờ có đăng nhiều phóng sự ca tụng hai Tướng Đỗ Cao Trí và Nguyễn Viết Thanh là những Tướng lãnh lỗi lạc đã chỉ huy lính Việt Nam Cộng Hoà có hiệu quả xuất sắc. Trước kia báo chí ngoại quốc thường ví người lính Việt Nam Cộng Hoà như “những con thỏ”, nay chúng phải công nhận những con thỏ đó đã trở thành những “mãnh hổ oai hùng” khi chạm trán với quân Cộng Sản Bắc Việt trên lãnh thổ Campuchia, do được chỉ huy bởi hai Tướng lỗi lạc nêu trên.

Trở lại hoạt động của các Chiến Đoàn của Quân Đoàn III: Chiến Đoàn B và C được di chuyển gấp về một điểm tập trung gần Chi Pu thay thế nhiệm vụ của Chiến Đoàn A. Chiến Đoàn A được đưa xuống Ba Thu để tiếp tục truy lùng số địch quân còn đang lẩn trốn và tìm thêm các vũ khí còn bỏ sót trên trận địa cũng như còn chôn cất trong các hầm chứa vũ khí.

Hai Chiến Đoàn B và C di chuyển lên Vùng Tập Trung gần Chi Pu, nhận tiếp tế và bổ sung quân số tại mặt trận do đơn vị của Bộ Chỉ Huy 3 Tiếp Vận từ hậu cứ Quân Đoàn III đưa đến.

4. Giải cứu hai ngàn đồng bào Việt Nam tại tỉnh Soài Riêng.

Trong lúc giải quyết gần xong mặt khu Ba Thu (trong vòng 5 ngày), Tướng Trí nhận được tin tức cho biết là khoảng hai ngàn dân Việt Nam ngụ trên đất Miên đã bị chính quyền của Shianouk cho tập trung lại gần tỉnh lỵ Soài Riêng khi được mật báo là Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà sắp tấn công. Họ định cướp bóc tài sản của những người Việt trước khi đem ra giết (theo tiếng Miên gọi là “cáp duồng”). Tỉnh Soài Riêng do một Đại Tá Tỉnh Trưởng thời Shianouk chưa được chính quyền Lon Nol thay thế. Tướng Trí lập tức chỉ thị cho Chiến Đoàn C trên đường trở về từ Ba Thu (với Bộ Chỉ Huy Thiết Đoàn 5 và 2 Chi Đoàn Thiết Quân

Các T. Sĩ. Báo Mỹ khen tặng Đại Tướng Đỗ Cao Tri và Trung Tướng Nguyễn Việt Thanh, như hai Tướng Lãnh duy nhất của QLVNCH có biệt tài chỉ huy binh lính thuộc quyền và đưa họ đến Chiến-Thắng (tháng 6.1970), tại Mạt-Trận, Campuchia

Two Fighting Generals

When MACV issued a "report card" on Vietnamese division commanders in early 1970, many of the ARVN generals received failing grades. Quoting anonymous U.S. senior advisers, the report minced no words in its descriptions. A few of the evaluations read, "coward," "super defensive," "weak," "the Vietnamese generals... hate his guts," and "domineering—scores his commanders." Paradoxically, an effective and popular general with loyal troops often came to be considered a political threat in a country that had experienced more than its share of military coups. "This is a country that won't allow anyone to remain a hero very long," an American observer in Saigon explained. "But they sure could use one."

For a time, ARVN got its hero; in fact two outstanding fighting (as opposed to political) generals emerged from the pack of mediocre officers to take command of III and IV Corps shortly after the 1968 Tet offensive. Both young, confident, and aggressive, Lieutenant General Do Cao Tri and Major General Nguyen Viet Thanh proved themselves capable military strategists and inspiring leaders.



Lieutenant General Do Cao Tri on the battlefield in 1970.

As reports of ARVN successes reached Saigon, Thanh's death was overshadowed by the exploits of Tri, who catapulted to the status of national hero. Hard work and careful planning were as much a part of his accomplishment as his inspiring presence on the battlefield. Tri achieved effective results with his use of armor. A sound tactician, he was not satisfied unless he personally directed the battle. More than one hesitant tank commander found the excited three-star general in camouflage jungle suit, baseball cap, and sunglasses dashing through machine-gun fire, shouting "Go fast, mom! Go fast." For men starved for leadership, the assurance that Tri's helicopter might set down whenever they were in trouble or stalled worked marvels with their morale. "Tri was a tiger in combat, South Vietnam's George Patton," Gen. Westmoreland later wrote in admiration.

Vận & Chiến Xa và 1 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân) tiến gấp về hướng Tây đến bao vây tỉnh lỵ Soài Riêng. Trung Tướng Trí bay trực thăng đến gặp tên Đại Tá Tỉnh Trưởng người Miên. Ông cho gọi hắn ra và chỉ thị cho hắn "không được động đến bất cứ một người Việt Nam nào đang bị tạm giữ" ở một trại tập trung gần đó. Ông cho biết là ông sẽ gọi một đoàn quân xa của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đến để rước về Việt Nam và sẽ cho Trung Tâm Chiêu Hồi của Quân Đoàn

III thanh lọc. Trước thái độ ngập ngừng của tên Đại Tá Tỉnh Trưởng này, Tướng Trí cầm gậy chỉ cho hắn thấy đoàn Chiến Xa và Thiết Quân Vận của Việt Nam vừa chạy đến.

Ông nói: “Tôi sẽ cho bắn nát tỉnh lỵ Soài Riêng của anh nếu anh không tuân lệnh tôi.”

Viên Tỉnh Trưởng sợ hãi, đứng nghiêm chào tuân lệnh. Ông gọi vô tuyến về hậu cứ Quân Đoàn chỉ thị trình sự việc này lên Thủ Tướng Chính Phủ xin phép đưa 2.000 dân về nước, đồng thời chỉ thị hậu cứ Quân Đoàn đưa quân xa của Liên Đoàn 10 Vận Tải lên chuyên chở 2.000 kiều dân Việt Nam về Trung tâm Chiêu Hồi của Quân Đoàn III thanh lọc. Sự việc này cho thấy trước mọi tình thế bất chợt xảy ra, Trung Tướng trí lúc nào cũng giải quyết đúng và nhanh những khó khăn đó.

GIAI ĐOẠN II

Các mục tiêu của giai đoạn này gồm mục tiêu 4, 5, 6, 7.

1. Tổ chức lực lượng: Theo lệnh Trung Tướng Trí, Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh của Quân Đoàn III mới thành lập bởi hai Thiết Đoàn 15 và 18 với thành phần gồm Chiến Xa M41 và Thiết Quân Vận (Thiết Đoàn thứ ba gồm có Chiến Xa M48 chưa sẵn sàng vì Hoa Kỳ

chưa bàn giao loại Chiến Xa M48 cho Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh) và Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân được điều động đến Chi Pu để gia nhập vào Lực Lượng Xung Kích của Quân Đoàn III kể từ giai đoạn II. Hai Thiết Đoàn 15 và 18 của Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh và Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân được đặt dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Trần Quang Khôi, Tư Lệnh Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh.

Trung Tướng Trí cho hai Chiến Đoàn B và C vào mục tiêu số 6, chia nhau tấn công vào các cứ điểm “ém quân” của Bắc Việt dùng để đánh phá các làng mạc và đơn vị của ta đang hoạt động gần biên giới phía Tây tỉnh Tây Ninh.

Hai Chiến Đoàn B và C đã tiêu diệt được một số đơn vị nhỏ, phá hủy những cứ điểm ém quân này, hạ sát khoảng 50 người, bắt được 30 tù binh và thu được 50 vũ khí đủ loại. Một số địch quân khác đã nhanh chân chạy về phía Tây Bắc lên hướng của mật khu Konpong Trach.

2. Diễn tiến hành quân của Giai Đoạn II.

Trung Tướng Trí chỉ thị Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh tiến nhanh về phía Tây trên quốc lộ I, đánh chiếm cứ điểm địch tại bến phà Konpong Trabek cạnh sông Mê-kông (đường dẫn đến thủ đô Pnom Pênh). Tuy có đề phòng nhưng đơn vị địch phòng thủ cứ điểm Konpong Trabek không chịu nổi sức tấn công của hai Chiến Đoàn 15 và

18 Thiết Kỵ của chúng ta. Một số khoảng 50 địch bị hạ sát tại chỗ. Số còn lại khoảng 50 người khác tháo chạy lên phía Bắc hoặc về hướng Pnom Pênh ở phía Tây. Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh thi hành lệnh của Trung Tướng Trí hành quân lục soát mở rộng khu vực trách nhiệm đến khoảng 20 cây số nhờ các xe Thiết Quân Vận và Chiến Xa M41 hùng hậu của đơn vị. Trung Tướng cho để lại một Chi Đội Thiết Quân Vận và một Đại Đội Biệt Động Quân canh chừng bên phà Konpong Trabek một thời gian.

***Trung Tướng Trí dùng trực thăng chỉ huy của ông chặn bắt hai xe vận tải địch dùng để tẩu tán 10 khẩu đại bác SKZ 100 ly và đạn được che giấu ở phía Bắc khu vực Konpong Trabek:**

Ngày hôm sau, khi ông đã chỉ thị cho Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh hành quân trở lại phía Soài Riêng, ông dùng trực thăng chỉ huy bay quan sát khu vực Bắc của bên phà. Ông thấy có hai xe vận tải dân sự đi ra từ một ven rừng cạnh một con đường mòn nhỏ đi về phía Bắc (hướng về đồn điền Chup). Ông liền chỉ thị cho Chi Đội Thiết Quân Vận còn để lại ở Konpong Trabek lập tức đưa hai Thiết Quân Vận lên phía Bắc để đuổi theo hai xe vận tải đó. Trong khi chờ đợi các Thiết Quân Vận đến nơi, ông ra lệnh xạ thủ của trực thăng chỉ huy bắn đại liên xuống ngăn chặn không cho hai xe vận tải

khả nghi này tiếp tục di chuyển lên phía Bắc. Sau đó ông ra lệnh cho trực thăng đáp xuống. Ông cùng các quân nhân tháp tùng nhảy xuống trực thăng và ra lệnh các xe vận tải này phải đậu lại, bắt sống 5 lính cộng sản trên xe trói lại. Khoảng 15 phút sau, hai Thiết Quân Vận của ta đến kịp, khám xét và phát hiện 10 khẩu đại bác “không giật” dùng chống xe tăng, kiểu SKZ 100 ly mà họ định đưa về hậu cứ của họ ở đồn điền Chup khoảng 30 cây số ở phía Bắc.

Lữ Đoàn 3 Ky Binh cùng hai Thiết Đoàn 15 và 18 và Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân được Trung Tướng Trí cho quay trở về hướng Soài Riêng.

***Hành quân đặc biệt: đột kích vào mật khu Konpong Trach trong đêm tối (mục tiêu số 7)**

Sau khi cho Lữ Đoàn 3 Ky Binh nghỉ một ngày, Tướng Trí ra lệnh cho Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3 Ky Binh tổ chức cuộc hành quân đột kích vào mật khu Konpong Trach. Ông chỉ thị Đại Tá Lữ Đoàn Trưởng chọn một Tiểu Đoàn Biệt Động Quân của Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân và một số lượng Thiết Quân Vận vừa đủ để chở hết binh sĩ của đơn vị này sẵn sàng di chuyển vào mật khu Konpong Trach, lúc 7 giờ tối, lúc trăng chưa lên để kịp đánh đột kích vào mật khu mật khu Konpong Trach lúc trời còn tối. Tất cả phải nai nịt gọn ghẽ, âm thầm và lặng lẽ di chuyển về hướng mục tiêu

(xe phải tắt hết đèn, người không được nói chuyện, không hút thuốc, một phương thức hoạt động rất thích hợp với Biệt Động Quân). Khi đến mục tiêu, đoàn quân đặc nhiệm này bất thần khai hỏa và tấn công vào cứ điểm của Việt Cộng khiến chúng hoàn toàn bất ngờ, đập nhau đổ chạy, không kịp phản ứng, thì đã lăn ra chết.

Một thành công rất lớn của Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh, với hơn 100 cộng sản chết tại chỗ, một số khác thừa đêm tối lén chạy trốn. Số địch bị thương cộng với số địch đang nằm dưỡng bệnh trong bệnh viện đã chiến cộng sản lên đến hơn 200 người. Quân ta thu được khoảng 100 vũ khí đủ loại của quân bố phòng và vô số dụng cụ y tế đủ loại, có thể dùng tiếp tế cho ba Sư Đoàn Bắc Việt trong hai năm. Tất cả đều được chuyển về Cục Quân Y của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa để xử lý.

Ghi chú: Theo lời kể của Luật Gia Lâm Lễ Trinh, cựu Tổng Trưởng Nội Vụ của thời Đệ Nhất Cộng Hòa, có dịp gặp lại vua Shianouk là bạn học cũ sau ngày chiến tranh Việt Nam chấm dứt. Ông này có cho biết là một nữ Bác Sĩ (con một nhà trí thức miền Nam, đã nghe lời Cộng sản tuyên truyền và gia nhập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) phục vụ tại bệnh viện dã chiến Cộng sản ở Konpong Trabek, đã chạy thoát

khi bị quân ta bắt thần tấn công vào giữa đêm khuya. Để chuẩn bị cho cuộc đột kích vào Konpong Trach, Trung Tướng Trí đã xin Bộ Tổng Tham Mưu tăng phái cho Quân Đoàn III hai Giang Đoàn Xung Phong và Ngăn Chận của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa để hoạt động dọc theo sông Vàm Cỏ, từ Tây Ninh lên đến Konpong Trach, nhằm khóa chặt mật khu Konpong Trach, không cho địch rút qua phía bên kia sông Vàm Cỏ và chạy lên hướng Bắc.

Chiến lợi phẩm lấy được ở mật khu này gồm có: dụng cụ y tế rất nhiều và đa dạng, có thể dùng để tiếp tế cho khoảng 3 Sư Đoàn Bắc Việt đang hoạt động tại miền Nam trong thời gian hai năm. Số gạo lấy trong kho dự trữ được Tướng Trí ra lệnh cho một Ủy Ban của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương đem bán đấu giá tại chợ Tây Ninh, lên đến khoảng 13 triệu bạc (tiền miền Nam lúc bấy giờ). Tướng Trí ra lệnh trích ra 3 triệu cho Tiểu Khu Tây Ninh để mua một số máy lạnh loại lớn trang bị cho các phòng giải phẫu và hồi sinh của bệnh viện Tây Ninh mà ông đề ý thấy không được trang bị khi ông đến thăm các thương binh của cuộc hành quân được điều trị khẩn cấp tại đó. Số tiền bán gạo còn lại được Tướng Trí ra lệnh cho “Ủy Ban thanh toán chiến lợi phẩm” hợp với các Phòng của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương và các đại diện Chiến Đoàn phân chia đồng đều cho các nơi (tính theo quân số đang tham dự hành

quân). Riêng tất cả dụng cụ y khoa được đưa về cho Cục Quân Y của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà để tùy nghi sử dụng.

Trung Tướng Trí để lại Chiến Đoàn B một thời gian ngắn, tiếp tục lục soát khu Konpong Trach và đưa Chiến Đoàn C về hậu cứ của Sư Đoàn 25 để dưỡng quân và sắp xếp một lực lượng mới với thành phần tương đương với tên gọi mới là Chiến Đoàn 225, làm đơn vị trừ bị cho các Cuộc Hành Quân và tạm thời hoạt động tại khu vực Soài Riêng.

GIAI ĐOẠN III: ĐÁNH CHIẾM ĐỒN ĐIỀN CHUP.

Các mục tiêu của giai đoạn này gồm mục tiêu 8, 9 và 10.

Sau khi sắp xếp xong lực lượng, Tướng Trí chỉ thị cho Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh với 2 Thiết Đoàn 15 và 18 cố hữu, tăng cường thêm Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân, thành lập 3 Chiến Đoàn hỗn hợp gồm có Chiến Đoàn 5 Thiết Giáp/Biệt Động Quân, Chiến Đoàn 15 TG/BĐQ15 và Chiến Đoàn 18 TG/BĐQ.

Đồn điền cao su Chup là một đồn điền rộng lớn, dài khoảng 30 cây số, phía Tây giáp với sông Mê-kông và tỉnh lỵ Konpong Chàm, phía Đông gần đến khu rừng Đam Be. Bề rộng khu rừng khoảng 30 cây số. Phía Bắc

giáp với bờ sông Mê-kông (khúc sông chảy từ Đông sang Tây). Phía Nam là quốc lộ 7 đi về Pnom Pênh nếu hướng về phía Tây. Đồn điền Chup là một lãnh địa của Pháp, được đặc quyền kinh tế của vua Shianouk. Lẽ dĩ nhiên chủ đồn điền Chup là một Pháp kiều, đã bắt tay với Cộng Sản Bắc Việt để có thể làm ăn dễ dàng. Chủ đồn điền Pháp này đã cho bộ đội Bắc Việt đặt một cơ sở hậu cần tại đồn điền này. Chủ đồn điền cũng cho phép bộ đội Bắc Việt sử dụng các phương tiện vật chất của đồn điền như nhà thương, nhà máy lọc nước, máy cung cấp điện khí v.v....

Mặc dù địch đã tiên đoán được sự tấn công của Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III vào đây nhưng họ không làm sao ngăn chặn sức tấn công mãnh liệt của ba Chiến Đoàn của Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh đánh chiếm và lục soát đồn điền này trong vòng 20 ngày. Liên Đoàn 3 Kỵ Binh hạ sát khoảng 70 địch, bắt sống được 50 tù binh, số còn lại chạy trốn về phía Bắc (khu vực Bộ Tư Lệnh của mặt trận B3 Cộng Sản Bắc Việt) hoặc về phía Đông vào khu rừng Đam Be, bỏ lại khoảng 100 vũ khí đủ loại. Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh bắn cháy một số khoảng 10 xe vận tải dân sự đã được địch biến đổi thành loại xe có trí súng đại liên để chống lại quân ta. Một số khá lớn quân địch bỏ chạy nhờ khu rừng cao su rộng lớn. Họ chạy qua khu rừng Đam Be ở phía Đông

hoặc chạy lên phía Bắc về khu vực của mặt trận B3 của Cộng Sản Bắc Việt đặt ở Kratié.

Trung Tướng Trí cho Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh tiếp tục hoạt động và lục soát khu vực Chup và phía Nam gần 15 ngày (ở các mục tiêu 8, 9, 10) để kiểm kê số lượng xe của đồn điền được Cộng Sản Bắc Việt trưng dụng làm phương tiện chuyên chở, tiếp tế và chuyển binh lính của họ. Trung Tướng Trí gọi điện về đề nghị Thủ Tướng Chính Phủ Việt Nam Cộng Hoà cho phép kéo tất cả các xe vận tải được dịch mượn của đồn điền này về Quân Đoàn III để bán đấu giá cho chính phủ nhưng phía chính phủ Pháp đã can thiệp với Bộ Ngoại Giao Việt Nam xin trả các xe trên cho đồn điền Chup (mọi người đều biết là chính phủ Pháp đã công nhận chính phủ của Hồ Chí Minh trước đó khá lâu. Pháp đang âm thầm hỗ trợ cho Cộng Sản Bắc Việt để họ có cơ hội đánh phá miền Nam, chống lại nỗ lực của chính phủ Mỹ muốn giúp cho Việt Nam Cộng Hòa duy trì nền Độc Lập của mình. Pháp vẫn không quên ý đồ của Mỹ muốn thay họ tại Đông Dương khi để cho họ thua Cộng Sản ở Điện Biên Phủ). Tuy nhiên, kết quả của Giai Đoạn III cũng đã giúp cho Quân Đoàn III nói rộng được vùng kiểm soát của mình phía bên kia biên giới Việt-Miên, từ Mật Khu Ba Thu lên đến tỉnh Konpong Chàm, một khu vực rộng lớn mà từ trước đến lúc bấy

giờ Cộng Sản Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng coi như là một khu vực hoạt động an toàn của chúng.

GIAI ĐOẠN IV

Đầu mỗi tháng 6, mùa “nước lũ” tràn ngập các khu vực đồng bằng ở Campuchia, gây trở ngại cho hoạt động của chiến xa và cơ giới cũng như sự di chuyển của Pháo Binh và đạn dược được đưa theo yểm trợ cho các Chiến Đoàn. Mọi hoạt động quân sự bị hạn chế khoảng 80% khiến Tướng Trí phải tái phối trí lực lượng, chỉ cho một ít Chiến Đoàn cần thiết chiếm giữ một số khu vực xung yếu như khu vực phía Tây Gò Dầu, theo Quốc Lộ 1 sang đất Campuchia và ngã ba Krek ở phía Bắc Tây Ninh theo Quốc Lộ 22 qua Campuchia. Đại bộ phận của Lực Lượng Xung Kích gồm Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh và một phần của các Thiết Đoàn Kỵ Binh thuộc các Sư Đoàn 5, 18 và 25 được đưa về hậu cứ để bổ sung quân số, tu bổ quân dụng, đồng thời cho nghỉ dưỡng quân và huấn luyện bổ túc.

1. Tái tổ chức lực lượng và tái phối trí để chuyển hướng hoạt động lên Quốc Lộ 7 Campuchia. (từ Chrum ở phía Tây qua ngã 3 Krek, đồn điền Mimot và hướng lên Snoul ở phía Bắc).

Trung Tướng Trí cho một số ít đơn vị ở lại hoạt động ở các ngõ vào đất Campuchia. Đại bộ phận các đơn vị cơ giới như Lữ Đoàn III Kỵ Binh, các Thiết

Đoàn Ky Binh 1, 10 và 15 của các Sư Đoàn, một số lớn Tiểu Đoàn Bộ Binh và Biệt Động Quân cũng được đưa về hậu cứ để bổ sung quân số và tái huấn luyện. Thời gian tạm đình chỉ hoạt động của Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III một phần do trở ngại của mùa “nước lũ” đồng thời cũng là thời gian dưỡng quân, bổ sung quân số, tái huấn luyện và tu bổ cơ giới.

Theo tình hình mới, Tướng Trí đã chuyển vùng ưu tiên hoạt động lên phía Bắc, dọc theo Quốc Lộ 7, đi từ phía Nam đồn điền Chup, đi qua phía Đông và hướng lên Snoul (trong lãnh thổ Campuchia, một vùng có thể đất cao hơn các đồng bằng bị ngập nước).

Ông cho lệnh tái tổ chức các Chiến Đoàn và phối trí lại như sau:

Chiến Đoàn 225 của Sư Đoàn 25 tiếp tục hoạt động tại khu vực phía Đông tỉnh Soài Riêng, ngăn chặn các đơn vị cộng sản xâm nhập từ phía Tây qua lãnh thổ Việt Nam.

Dọc theo Quốc lộ 22, từ Tây Ninh lên đến cửa khẩu Xa Mát ở phía Bắc, Chiến Đoàn 50 của Sư Đoàn 25 đóng tại Thiên Ngôn với Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 50, 2 Tiểu Đoàn Bộ Binh và 1 Chi Đoàn Thiết Quân Vận hoạt động để bảo vệ trục giao thông từ Tây Ninh lên đến cửa khẩu Xa Mát theo Quốc Lộ 22.

Chiến Đoàn 6 Biệt Động Quân với 3 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân và 1 Chi Đoàn Thiết Quân Vận hoạt động, mở rộng vùng kiểm soát tại ngã ba Krek thành một khu vực rộng khoảng 3 cây số đường bán kính để thiết lập tại Krek (mục tiêu 12) một vị trí Pháo Binh quan trọng (gồm các loại pháo 155 ly và 105 ly) để yểm trợ tổng quát cho các Chiến Đoàn hoạt động trong tầm tác xạ.

Ông cũng chỉ thị Bộ Chỉ Huy 3 Tiếp Vận lập tại Krek một điểm tiếp tế quan trọng, chủ yếu về xăng dầu cho quân xa và cả cho trực thăng, để nối rộng vùng hoạt động của trực thăng lên phía Bắc hướng về Snoul, Konpong Chàm và Kratié.

Đi về phía Đông của Krek trên Quốc Lộ 7, Chiến Đoàn 48 Bộ Binh thuộc Sư Đoàn 18 Bộ Binh với Bộ Chỉ Huy của Trung Đoàn 48, 3 tiểu Đoàn Bộ Binh và 1 Chi Đoàn Thiết Quân Vận được đưa qua phía Đông của Krek khoảng 20 cây số, mở hành quân lục soát khu vực của đồn điền Mi-Mốt (mục tiêu 14) và khu rừng hướng lên cứ điểm Snoul.

Đi về phía Tây của Krek, Chiến Đoàn 43 của Sư Đoàn 18 với Bộ Chỉ Huy của Trung Đoàn 43, 2 Tiểu Đoàn Bộ Binh và 1 Chi Đoàn Thiết Quân Vận, hoạt động từ Krek lên đến Chrum trên Quốc Lộ 7, sẵn sàng giao tiếp với Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh sẽ rút về hậu cứ ở

Biên Hòa, qua đường Quốc Lộ 7 và Quốc Lộ 22 vào tháng 7/1970 để tu bổ cơ giới và nghỉ dưỡng quân.

2. Cuộc hành quân toàn thắng 72 chuyển về phía Bắc của tỉnh Bình Long.

Vào khoảng đầu tháng 6 năm 1970, Trung Tướng Trí ra lệnh cho Thiếu Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh tổ chức bốn Bộ Chỉ Huy Chiến Đoàn, sử dụng 3 Bộ Chỉ Huy của 3 trung Đoàn 7, 8, 9 và Bộ Chỉ Huy của Thiết Đoàn 1, Sư Đoàn 5 (mỗi Chiến Đoàn gồm có tối thiểu 2 Tiểu Đoàn Bộ Binh và 1 Chi Đoàn Chiến Xa và Thiết Quân Vận). Tướng Hiếu giữ lại 1 Tiểu Đoàn Bộ Binh và 1 Chi Đội Thiết Quân Vận đưa về hậu cứ Lai Khê của Sư Đoàn 5 để tu bổ, tái huấn luyện và phòng thủ.

Thiếu Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 5 trực tiếp chỉ huy 4 Chiến Đoàn trực thuộc này, với Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Sư Đoàn 5 đặt tại Lộc Ninh để mở cuộc hành quân tiến chiếm cứ điểm Snoul đã bị quân Bắc Việt chiếm giữ từ khi Trung Đoàn 1 Thiết Giáp của Hoa Kỳ rút về lãnh thổ Việt Nam hồi năm 1969. Cuộc hành quân của Sư Đoàn 5 Bộ Binh xuất phát từ Lộc Ninh (nơi đặt Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Sư Đoàn 5 Bộ Binh) theo Quốc Lộ 13 tiến lên hướng Tây Bắc đi về hướng Snoul. Trên đường tiến quân lên Snoul, Tướng Hiếu cho tuần tự lập 3 căn cứ hỏa lực A, B và

C (gồm có đại bác 155 ly và 105 ly) để yểm trợ cho cuộc tiến quân từ Lộc Ninh lên Snoul theo Quốc Lộ 13.

Cuộc hành quân của Sư Đoàn 5 được Tướng Trí giao cho Chuẩn Tướng Đào Duy Ân, Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn, tại hậu cứ Biên Hòa giám sát và yểm trợ về hỏa lực và tiếp vận. Sự tiến quân của Sư Đoàn 5 không bị lực lượng quan trọng nào của địch ngăn trở. Đoạn kết thúc được kể trong mục “Tiến chiếm Snoul” ở phần sau.

GIẢI ĐOẠN V: CHIẾM CỨ ĐIỂM SNOUL.

Khoảng đầu tháng 6 năm 1970, Trung Tướng Trí chỉ thị Tướng Hiếu Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh tổ chức cuộc hành quân chiếm lại cứ điểm Snoul, nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Bình Long khoảng 100 cây số trên đất Miên, với 4 Chiến Đoàn hỗn hợp Bộ Binh và Thiết Giáp, sử dụng Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh và 3 Trung Đoàn Bộ Binh 7, 8, 9 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Như đã nói ở trên, Tướng Trí đã phân công cho Chuẩn Tướng Ân Tham Mưu Trưởng ở hậu cứ Quân Đoàn theo dõi, giám sát và yểm trợ về mọi mặt cho cuộc hành quân này.

Với nhiệm vụ Tham Mưu Trưởng Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Quân Đoàn III, tôi chỉ chịu trách nhiệm giám sát và điều hành hoạt động của mặt trận phía Tây và Bắc của tỉnh Tây Ninh với 9 Chiến Đoàn

(như Chiến Đoàn 225 và Chiến Đoàn 50 của Sư Đoàn 25, Chiến Đoàn 43 và 48 của Sư Đoàn 18, Chiến Đoàn biệt lập của Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân, Chiến Đoàn biệt lập của Liên Đoàn 6 Biệt Động Quân, Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh, được tăng cường thêm Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân để thành lập 3 Chiến Đoàn hỗn hợp Thiết Giáp và Biệt Động Quân 5, 15, 18)). Tuy nhiên, với tư cách Tham Mưu Phó Hành Quân Quân Đoàn III, tôi vẫn theo dõi hoạt động của 4 Chiến Đoàn của Sư Đoàn 5 thuộc mặt trận phía Bắc tỉnh Bình Long đang hướng về Snoul để phòng khi Trung Tướng muốn biết ý kiến về một vấn đề gì đó liên quan đến mặt trận Snoul.

Khi các Chiến Đoàn của Sư Đoàn 5 sắp tiến vào Snoul thì vào một buổi chiều của thượng tuần tháng 6 năm 1970, Trung Tướng Trí thành lịnh gọi radio yêu cầu tôi ra bãi đáp trực thăng của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương tại Tây Ninh để đi với ông. Sau khi lên trực thăng, tôi được biết ông muốn tôi bay cùng ông để chứng kiến lực lượng của Sư Đoàn 5 sắp tiến vào Snoul. Trung Tướng Trí cho trực thăng ghé qua Lộc Ninh (nơi có Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Sư Đoàn 5) đón Thiếu Tướng Hiếu, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 cùng đi với ông. Do đã có theo Trung Tướng Ewell, Cố Vấn Quân Đoàn III viếng các đơn vị Mỹ hoạt động ở Snoul hồi năm 1969, Tướng Trí nhớ rõ địa thế nên bảo trực thăng đáp xuống phía Nam rừng cao su bao bọc khu

nhà gạch của chủ đồn điền. Ông bảo trực thăng đáp thẳng xuống trước mặt một Chi Đội Chiến Xa của Sư Đoàn 5 đang di chuyển vào hướng của đồn điền. Ông cùng Thiếu Tướng Hiếu và tôi leo lên nóc một chiến xa M41 đi đầu, ngồi chen chúc xung quanh trong pháo tháp tròn có gắn đại bác.

Ông chỉ thị cho xe chạy về phía khu nhà của chủ đồn điền. Đại Tá Tỷ đang ngồi chờ Trưởng Xa vội vã đưa lên cho ông một áo giáp, nhưng ông không lấy mà bảo cho xe đi nhanh lên, như vậy, cả ông, Tướng Hiếu và tôi ngồi trên nóc xe bao quanh tháp súng đại bác đều không mặc áo giáp. Chiến xa của chúng tôi tách ra khỏi Chi Đội chiến xa đi về một hướng khác, băng qua rừng cao su để tiến nhanh hơn. Trong bóng chiều tà, âm u và tĩnh mịch, tiếng xích của chiến xa gây tiếng động đặc biệt khiến vài đàn chim rừng đang ăn đêm vỗ cánh bay lên kêu “quắc quắc”. Khi gần đến nơi, Tướng Trí bảo Tướng Hiếu xuống xe đi bộ lên phía Bắc cách đó 50 thước để đón 2 Chiến Đoàn của Sư Đoàn 5 đang đi bộ vào Snoul theo Quốc Lộ 23. Riêng tôi và ông sẽ ghé qua khu nhà của chủ đồn điền. Khi chiến xa của chúng tôi đến trước biệt thự lớn của chủ đồn điền, Tướng Trí vội vã nhảy xuống xe chạy vào căn nhà lầu ở giữa. Tôi chỉ kịp vớ một khẩu M16 chạy nhanh theo để bảo vệ ông. Khi tôi lên đến lầu 2 thì thấy ông đang đứng ở cửa

sỏ nhìn về phía sau nhà. Thấy tôi lên tới, ông nói với tôi: “Họ (Cộng sản) mới rời chỗ này khoảng 15 phút.”

Ông chỉ cho tôi một đồng bát đĩa, thức ăn, mẩu thuốc lá bỏ bừa bãi trong bồn rửa chén. Ông chỉ thị cho Đại Tá Tỷ, Chiến Đoàn Trưởng Chiến Đoàn 1 Thiết Giáp/Bộ Binh của Sư Đoàn cũng vừa chạy vào, phải cho lục soát kỹ chung quanh khu nhà và khu phố Snoul trước khi cho quân tiến vào. Ông cho gọi Thiếu Tướng Hiếu đến chỉ thị ông Hiếu cho tổ chức phòng thủ kỹ lưỡng cứ điểm Snoul và thường xuyên cho quân hoạt động rộng ra, tránh việc để cho Việt Cộng tiếp cận, đào hệ thống giao thông hào, đánh úp quân trú phòng. Trung Tướng có nhiều kinh nghiệm chiến trường, đã thấy trước những gì sẽ xảy ra cho Snoul. Sau khi ông tử nạn và người kế vị không thường xuyên đến thăm viếng Snoul để khiến địch tấn công và triệt hạ cứ điểm Snoul khoảng 6 tháng sau đó.

Chỉ thị xong, Trung Tướng Trí từ giã Đại Tá Tỷ hẹn hai ngày sau sẽ trở lại xem việc thiết lập căn cứ Snoul tiến triển đến đâu. Tôi đưa Thiếu Tướng Hiếu về Lộc Ninh và Trung Tướng Trí về tư dinh ở Biên Hòa, riêng tôi phải bay trở lại Tây Ninh nơi tôi làm Tham Mưu kiêm Phụ Tá Hành Quân tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn III.

Trên đường bay về Tây Ninh, đầu óc tôi suy nghĩ miên man về ý định của Tướng Trí khi ông cho Sư Đoàn 5 tiến chiếm Snoul và lập một căn cứ ở đó với mục đích gì (?) vì tôi chỉ phụ trách việc điều hành các Chiến Đoàn hoạt động ở phía Tây và phía Bắc Tây Ninh mà thôi nên chưa hiểu rõ việc điều động lực lượng này của ông.

Trung Tướng Trí là một người ăn nói rất cẩn mật, chỉ cho biết ý định của ông khi cần để thuộc cấp biết và kịp thời thi hành mà thôi. Ông không thích những người tò mò lúc nào cũng muốn tìm hiểu ý định của ông khi ông chưa muốn cho biết. Ông đề phòng việc định tìm hiểu ý định của ông.

Ghi chú: Trung Tướng Trí rất hài lòng về kết quả vang dội của Cuộc Hành Quân Toàn Thắng 72 của năm 1970. Trước đó những người lính Việt Nam Cộng Hoà, ngoại trừ các binh chủng thiện chiến như Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Kích và Biệt Động Quân v.v..., riêng những binh sĩ Bộ Binh thường được các cố vấn Mỹ cho là yếu kém, nhưng nay dưới sự trực tiếp hướng dẫn của ông, họ đã trở thành những “mãnh hổ” trên đất Campuchia. Theo các bài viết đăng trên các tuần báo Mỹ như Newsweek và Time v.v..., nhiều ký giả Mỹ ca tụng sự tiến bộ của toàn Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Nói về Trung Tướng Đỗ Cao Trí

(Quân Đoàn III) và Thiếu Tướng Nguyễn Viết Thanh (Quân Đoàn IV), các ký giả đó công nhận hai Tướng lĩnh này có tài điều binh xuất sắc và được binh sĩ thương mến nhất. Riêng ký giả Francois Sully của Tuần Báo Newsweek, ông đã hết lời ca tụng khi viết những phóng sự về Trung Tướng Trí ở mặt trận khi ông được phép tháp tùng cùng Tướng Trí. Ông nói: “Có thể sánh Tướng Trí với danh Tướng George Patton của Mỹ đã nổi danh tại chiến trường Âu Châu, thời Đệ Nhị Thế Chiến”. Ký giả Francois Sully đã tử nạn trực thăng cùng Trung Tướng Đỗ Cao Trí vào ngày 23/2/1971 khi cùng ông bay đến Chlong để ghi nhận cuộc tấn công vào Kratié, mà Trung Tướng Trí vẫn còn giữ kín cho đến lúc bấy giờ.

Sau chiến thắng vang dội của Cuộc Hành Quân Toàn Thắng (1970) được báo chí ngoại quốc và trong nước ca tụng, Tổng Thống Thiệu cho mời Tướng Trí lên gặp ông vào cuối tháng 7/1970. Ông cho Tướng Trí biết ông muốn đề bạt Tướng Trí lên cấp Đại Tướng và muốn nhờ ông xuống Quân Đoàn IV để chỉnh đốn tình trạng yếu kém của Quân Đoàn này, sau khi Trung Tướng Nguyễn Viết Thanh tử nạn trực thăng vào tháng 4 vừa qua. Trung Tướng Trí khéo léo từ chối việc thăng chức và giải thích như sau: “Ông nghĩ quân đội có một Đại Tướng làm Tổng Tham Mưu Trưởng (là Đại Tướng Cao Văn Viên) là đủ rồi”. Trước sự ân cần của

Tổng Thống Thiệu muốn ông nhận ngôi sao thứ tư, ông xin nhường sao đó lại cho Đại Tá Đào Duy Ân đang làm Tham Mưu Trưởng tại hậu cứ Quân Đoàn. Riêng việc đi xuống Quân Đoàn IV ông sẵn sàng đi nhận lãnh chức vụ mới. Tôi nhận thấy nét mặt ông không được vui vì phải rời Quân Đoàn III (theo ý của riêng tôi, ông buồn là không thực hiện được kế hoạch thâm kín của ông “muốn đích thân ông đánh vào Kratié”. Nếu ông phải xuống Quân Đoàn IV, ông không còn lý do và cơ hội để thực hiện kế hoạch đó). Không rõ vì sao lệnh chuyển của Trung Tướng Trí đi Quân Đoàn IV lại bị đình chỉ khoảng hai tháng sau đó.

Với khoảng cách thời gian, giờ đây chúng tôi mới thấu hiểu được tại sao có sự đình chỉ chuyển Tướng Trí xuống Quân Khu 4. Do lúc bấy giờ các chính trị gia Mỹ đang cần Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà tạo nhiều chiến thắng trên chiến trường, giúp cho họ có nhiều lợi thế để mặc cả với Bắc Việt tại hội đàm Paris nên họ không cho ông Thiệu thay thế Tướng Trí bằng một Tướng quá kém (được các Cố Vấn của Tổng Thống đề nghị cho thay thế, để củng cố chính quyền Trung Ương thường xuyên bị đe dọa bởi phe nhóm của ông Kỳ). Mỹ còn khuyến cáo Tổng Thống Thiệu cho tổ chức cuộc hành quân sang Hạ Lào để thị oai với Bắc Việt. Trong trường hợp thất bại như đã xảy ra, họ sẽ làm tiêu diệt những đơn vị chủ lực của Quân

Lực Việt Nam Cộng Hoà và bất Tổng Thống Thiệu phải ký cái “Hiệp Định đầu hàng” vì không còn nắm thế “thượng phong” nữa. Đến đầu năm 1971, có lẽ phía Mỹ đã sắp xếp công việc bỏ rơi miền Nam với Lê Đức Thọ nên họ đã lần hồi cắt bỏ sự viện trợ tối thiểu cho miền Nam, không cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà mở những cuộc hành quân quy mô như trước, đặc biệt là kế hoạch “bắt thần tấn công vào Kratié” của Tướng Trí mà ông Cố Vấn Phó (tình báo?) Amst có nhiệm vụ theo dõi từng giờ từng phút. Tướng Trí phải chết để Hiệp Định sớm được ký kết, để Trung Cộng nhận được quyền thống trị cả Đông Nam Á và Cộng Sản Bắc Việt được quyền cai trị cả đất nước Việt Nam. Các chính trị gia non nớt của Hoa Kỳ tưởng lầm là đã kết thân được với Trung Cộng và sẽ tách rời được Trung Cộng với Đế Quốc Liên Xô. Một lần nữa, sau cái ngu đại khi họ bỏ người đồng minh lâu đời là Tưởng Giới Thạch khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, để ôm tên “đồ tể” Mao Trạch Đông vào lòng được tái diễn. Đó là cái “đại họa” mà dân tộc Mỹ phải gánh chịu ngày nay. Trung Cộng được những Tổng Thống liên tiếp, từ ông Clinton đến ông Bush và Obama “vỗ béo” bằng những đặc quyền kinh tế, bằng những sự nâng đỡ như cho vào “Hội Đồng Bảo An của Liên Hiệp Quốc” v.v... để cho con “sư tử ngủ yên” ngày xưa, đúng theo lời tiên tri của

Thủ Tướng Churchill của nước Anh, đã “trỗi dậy” và đang gây ra tai họa cho cả “Thế Giới Tự Do”.

“Cộng Sản vẫn là Cộng Sản, không bao giờ có sự thay đổi”. Putin là sự tái sinh của Staline. Tập Cận Bình vẫn hành động đúng theo đường lối của đàn anh của họ, ngoại trừ một vài khác biệt do tình hình thế giới tác động.

Trở lại tình hình chiến sự tại Quân Đoàn III. Do trở ngại của mùa nước lũ và để chuẩn bị cho kế hoạch hành quân trong tương lai, Trung Tướng Trí đã cho đại bộ phận các Chiến Đoàn đang hành quân ở mặt trận Bắc và Tây Bắc tỉnh Tây Ninh rút về hậu cứ. Ông chỉ để lại vài ba Chiến Đoàn giữ các “khu vực đầu cầu” như một Chiến Đoàn ở Soài Riêng, phía Tây của Tây Ninh, và ba Chiến Đoàn trên Quốc Lộ 7 Campuchia đóng ở khu vực Ngã Ba Krek, phía Bắc Tây Ninh. Trung Tướng Trí chỉ thị cho tổ chức một tiệc dành khoản đãi tất cả các sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ của Quân Đoàn III tại Câu Lạc Bộ của Quân Đoàn vào một buổi trưa giữa tháng 7 năm 1970.

B. CUỘC “HÀNH QUÂN TRỰC THĂNG VẬN” VÀ “KHÔNG VẬN” CỦA QUÂN ĐOÀN III ĐỂ GIẢI CỨU KONPONG CHÀM VÀ BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU I CỦA CAMPUCHIA VÀO THÁNG 10 NĂM 1970.

1. Bối cảnh lịch sử.

Lợi dụng mùa nước lũ hạn chế hoạt động của Lực Lượng Xung Kích của Quân Đoàn III Việt Nam Cộng Hòa phải tạm thời đưa về lãnh thổ Việt Nam, Cộng Sản Bắc Việt tập trung hơn hai Sư Đoàn đến bao vây tỉnh Konpong Chàm, cũng là nơi đặt Bộ Tư Lệnh Quân Khu I Campuchia, để cô lập khu vực này. Một Sư Đoàn Cộng Sản Bắc Việt đến án ngữ dọc theo Quốc Lộ 7 từ phía Tây của Konpong Chàm đi về hướng Pnom Pênh, ngăn chặn mọi tiếp vận bằng đường bộ cho Quân Khu này từ thủ đô Pnom Pênh xuống. Một Sư Đoàn thứ hai được mai phục ở phía Đông của Konpong Chàm dọc theo Quốc Lộ 7 từ phía Nam của đồn điền Chup đến phía Tây của Chrum để chặn đánh quân chi viện đến từ Quân Đoàn III Việt Nam nhằm giải cứu cho Konpong Chàm.

Do không có kinh nghiệm chiến trường, Bộ Tư Lệnh Quân Khu I Campuchia không cho các đơn vị trú phòng thường xuyên hoạt động ra xa chu vi phòng thủ khiến cho địch quân từ từ siết chặt vòng vây quanh Konpong Chàm. Địch thường xuyên dùng súng cối 81 ly và 60 ly để bắn phá tỉnh lỵ này. Trung Tướng Trí nghĩ ra phương cách duy nhất là tổ chức một cuộc hành quân trực thăng và không vận để đưa quân đến giải cứu Konpong Chàm. Ông xin phép Bộ Tổng Tham Mưu

được sử dụng một Lữ Đoàn Nhảy Dù với 3 Tiểu Đoàn tác chiến và một số đơn vị chuyên môn tương ứng, gồm các thành phần Pháo Binh, Công Binh, Truyền Tin v.v... để yểm trợ cho Lữ Đoàn Dù sang tiếp cứu đơn vị bạn.

Trung Tướng Trí chỉ thị cho tôi đích thân dùng trực thăng bay qua gặp Tướng In-Tam, Tư Lệnh Quân Khu I Campuchia và Đại Tá Tư (sĩ quan liên lạc của Quân Đoàn III) để biết rõ tình hình và chuyển chỉ thị của ông để các ông này phải tuyệt đối thi hành hầu ông đưa quân sang tiếp cứu. Khi trực thăng của tôi đáp xuống phía sau tư dinh của tướng In-Tam thì địch dùng súng cối 60 ly cách đó khoảng 500 thước pháo vào bãi trực thăng rất dữ dội. Tôi phải cho trực thăng bay vòng quanh trên không trung, tìm cách đáp xuống ngay sau lưng tư dinh của Tướng In-Tam, Tư Lệnh Quân Khu 1 Campuchia. Ông này cùng Đại Tá Tư, sĩ quan liên lạc của Quân Đoàn 3, chạy nhanh ra kéo tôi vào một lô cốt gần đó để tôi chuyển lệnh hành quân của Trung Tướng Trí cho các ông ấy. Tôi giải thích cho họ biết là Tướng Trí muốn họ phải cố gắng đưa một số đơn vị trú phòng tiến ra chiếm cho được khu vực phi trường Konpong Chàm lập tức để Quân Khu III có thể tổ chức việc không vận cho một Lữ Đoàn Nhảy Dù đến tiếp cứu Konpongcham vào hai ngày sau.

Chúng tôi trở về Biên Hòa và báo cáo sự việc cho Trung Tướng Trí vào xế chiều ngày hôm đó. Với sự đồng ý của Bộ Tổng Tham Mưu và sự chấp thuận của Tổng Thống Thiệu, Tướng Trí ra lệnh chúng tôi triệu tập một buổi họp khẩn cấp với đại diện của Bộ Tham Mưu hành quân của Bộ Tư Lệnh Không Quân và Bộ Chỉ Huy của Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù để trình bày cho họ biết về kế hoạch hành quân này. Các sĩ quan đại diện này đã phải ở lại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III làm việc với chúng tôi suốt đêm để bàn thảo chi tiết về nhu cầu chuyển vận về quân sĩ, vũ khí, đạn dược và các loại quân dụng như: kẽm gai, bao cát v.v... Ngay sáng hôm sau chúng tôi phải trình lại cho Tướng Trí toàn bộ kế hoạch để được ông duyệt thuận và báo cáo lên Bộ Tổng Tham Mưu kịp cho thi hành kế hoạch hành quân vào ngày kế tiếp.

Đối với chúng tôi và các sĩ quan tham mưu của Quân Đoàn III, đây là một việc làm mới lạ, rất khó khăn, đòi hỏi sự tính toán từng chi tiết một và sự phối hợp các chi tiết đó theo một lịch trình thời gian rất chính xác giữa hoạt động của các đơn vị Không Quân và các đơn vị Bộ Binh (trường hợp này là đơn vị Nhảy Dù). Trung Tướng Trí đã tạo cơ hội cho chúng tôi và sĩ quan tham mưu của Quân Đoàn III một cơ hội làm quen với sự dàn dựng, nghiên cứu, ước tính và điều hành tốt những nhu cầu cần thiết cho sự đòi hỏi của

chiến trường. Đối với chúng tôi, Trung Tướng Trí chẳng những là một tướng lãnh lỗi lạc, thông minh và gan dạ mà còn là một ông thầy biết tạo điều kiện cho đàn em làm việc dưới quyền có cơ hội để học hỏi tại chiến trường những kiến thức thực tế hầu ứng dụng về sau. Ông khác với những Tướng lãnh chỉ biết quát tháo, chửi thề, “văng tục” hay đánh đập thuộc cấp để che lấp sự kém cỏi, ngu dốt hay sợ hãi của mình ngoài mặt trận.

Sự thành công của Cuộc Hành Quân Trục Thăng Vận và Không Vận này làm cho Trung Tướng Trí có thêm uy danh trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Ngay cả Trường Chỉ Huy và Tham Mưu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã đưa một số sĩ quan thuộc bộ phận nghiên cứu về Chiến Thuật Quân Sự đến Quân Đoàn III để tham khảo và xin bản sao của toàn bộ hồ sơ liên quan đến Cuộc Hành Quân này để làm tài liệu tham khảo về sau.

2. Diễn tiến của Cuộc Hành Quân giải cứu Konpong Chàm.

Đúng theo kế hoạch hành quân đã được Trung Tướng Trí duyệt thuận, chúng tôi đã cùng Trung Tướng Trí bay đến ngay khu vực Konpong Chàm vào ngày N lúc 7 giờ sáng để theo dõi diễn tiến cuộc hành quân bằng trục thăng vận và không vận.

Trực thăng của Trung Tướng Trí và tôi đến khu vực Konpong Chàm vào ngày khai diễn hành quân khoảng 7 giờ sáng khi mặt trời mới chiếu qua ngọn cây. Đúng theo kế hoạch, 2 phi tuần khu vực vừa đội bom và các trực thăng vũ trang của Không Quân Việt Nam đang tiếp tục oanh kích để dọn bãi đáp. Đợt trực thăng chở Bộ Chỉ Huy và Tiểu Đoàn Nhảy Dù đầu tiên cũng vừa đến. Trung Tướng Trí ra lệnh cho trực thăng của ông đáp xuống luôn. Ông và tôi đến đứng cạnh Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng Dù để theo dõi cuộc trực thăng vận. Tiểu Đoàn Trưởng lập tức cho các Đại Đội bung quân ra xa để kiểm soát một khu vực với đường bán kính 3 cây số để đảm bảo an ninh cho các trực thăng và phi cơ vận tải sẽ đáp xuống sau đó. Tiểu Đoàn Nhảy Dù này tạm thời được giữ lại để bảo đảm an ninh cho một khu vực rộng khoảng 6 cây số chung quanh phi trường.

Các Hợp Đoàn trực thăng kế tiếp đưa Bộ Chỉ Huy của Lữ Đoàn 1 Dù và 2 Tiểu Đoàn còn lại xuống chiếm các điểm tập trung quân đã dự định trong kế hoạch hành quân. Kế tiếp là 6 trực thăng Chinook câu 6 khẩu sơn pháo loại 105 ly là loại dùng riêng cho Sư Đoàn Dù cùng với các bao đạn cấp liệu sơ khởi vào vị trí đã dự trù. Sau đó, Pháo Binh Dù bắt đầu bắn yểm trợ cho quân bạn đang mở rộng thêm vùng kiểm soát đến 6 cây số bao quanh phi trường Konpong Chàm để

các phi cơ vận tải Dakota tiếp tục đáp xuống đưa các quân nhân còn lại của 2 Tiểu Đoàn đổ xuống phi trường. Theo kế hoạch, Lữ Đoàn hành quân lập tức đưa 1 Tiểu Đoàn Nhảy Dù tấn công lực lượng địch dọc theo Quốc Lộ 7 đi về phía Tây là hướng của tỉnh lỵ Konpong Chàm. Tiểu Đoàn Nhảy Dù thứ hai cũng nối tiếp Tiểu Đoàn đầu tiên đi về phía Tây độ 5 cây số rồi lại đổi hướng lên phía Tây Bắc đánh vào khu vực địch chọn đặt Bộ Chỉ Huy của họ, như tin tức tình báo do Quân Khu 1 Campuchia cung cấp. Tiểu Đoàn Nhảy Dù thứ nhất cũng hướng về phía Tây làm trừ bị và đồng thời kiểm soát ngoại vi của tỉnh lỵ Konpong Chàm và Bộ Tư Lệnh Quân Khu 1 Campuchia. Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù còn đưa các Toán trinh sát ra xa tỉnh lỵ khoảng 10 cây số để theo dõi hoạt động địch.

Sau giai đoạn chuyển quân, phi cơ vận tải tiếp tục chuyển quân dụng đủ loại cho Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù. Việc chuyển vận còn kéo dài đến sáng hôm sau mới chấm dứt.

Trung Tướng Trí ra về rất hài lòng sau khi đã chỉ thị cận kề cho Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù. Ngày hôm sau Trung Tướng Trí trở lại Konpong Chàm để đôn đốc hoạt động của Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù. Sau 15 ngày quây phá, 2 Sư Đoàn Bắc Việt đã phải lạng lẽ rút đi trước khi chúng phải chịu khoảng 40% về tổn thất

nhân mạng và bỏ lại khoảng 200 vũ khí đủ loại trên chiến trường.

Trung Tướng còn chỉ thị cho Chuẩn Tướng In-Tam, Tư Lệnh Quân Khu 1 Campuchia phối trí lại quân trú phòng và thường xuyên cho hoạt động ra xa chu vi phòng thủ, phải giữ liên lạc với Thủ Đô Pnom Pênh, bảo vệ Quốc Lộ 7 để tránh việc Bắc Việt có thể đưa quân trở lại sách nhiễu.

Mừng chiến thắng cuộc Hành Quân Toàn Thắng 72, năm 1970 tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III.

Sau khi đại bộ phận của Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn được cho về hậu cứ dưỡng quân vào mùa “nước lũ”, Trung Tướng Trí cũng cho Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn rút về hậu cứ Quân Đoàn III. Vào khoảng giữa tháng 7 năm 1970, ông cho tổ chức ăn mừng chiến thắng cuộc Hành Quân Toàn Thắng 72 tại Câu Lạc Bộ Quân Đoàn cho Sĩ Quan, Hạ Sĩ Quan, binh sĩ thuộc Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III.

Một tiệc trang trọng hơn dành khoản đãi các Sĩ Quan từ cấp Tá, Đại Tá lên đến Tướng lĩnh của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III và các Sư Đoàn 5, 18, 25 trực thuộc.

Ghi chú: Sau khi Trung Tướng Trí nâng ly mừng chiến thắng và sự thành công của mỗi người, ông

tình cờ quay sang tôi và nói bằng một giọng chậm rãi và nghiêm nghị, đủ lớn cho các Tướng lĩnh và Đại Tá ngồi trong bàn danh dự với ông nghe được: “Anh Minh, tôi có lời ngợi khen anh (ông dùng một từ tiếng Pháp “admirer” để diễn tả ý nghĩ ngợi khen). Tôi muốn đánh thế nào anh đều làm theo ý tôi. Tôi đi đến đâu anh đi đến đó. Tôi nói cho anh biết tụi Tướng Mỹ phục anh sát đất”. Một lời khen mà tôi rất hãnh diện, từ một cấp chỉ huy ăn nói rất thận trọng. Sau khi ông tử nạn trực thăng, tôi phải tiếp tục phục vụ ở Quân Đoàn III với một vài cấp chỉ huy bất xứng, tham nhũng, chuyên đưa các đàn em thân cận giữ những chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn, Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng để làm tiền và dặt gài cho mình cũng như nạp vào “quỹ đen tham nhũng”, cho riêng cá nhân họ và cho các cấp lãnh đạo ở trên. Chính vì hệ thống thối nát của Đế Nhị Cộng Hòa này đã làm suy yếu và làm tan rã chế độ Dân Chủ miền Nam Tự Do. Một vài ngày sau buổi tiệc khao quân của Quân Đoàn vừa kể trên, nhân lúc tôi đến gặp Trung Tướng Trí tại tư dinh vào một buổi chiều để báo cáo tình hình chiến sự mỗi ngày, tôi có nài nỉ xin ông cho tôi theo học khóa Tham Mưu Chỉ Huy tại Fort Leavenworth của Mỹ.

Ông từ chối một cách khéo léo bằng cách nói với tôi: “Tôi đã có học khóa Tham Mưu đó rồi. Những người tốt nghiệp trường đó giỏi lắm là được như anh

thôi. Anh đừng nghĩ là sau khi học khóa đó anh có thể làm tốt hơn những gì anh đã làm cho tôi trong thời gian qua”. Tôi cảm ơn ông đã đánh giá cao việc làm của tôi nhưng tôi nói với ông là nếu không có bằng Tham Mưu đó tôi sẽ không được một cấp chỉ huy khác tin tưởng tôi như ông. Tướng Trí liền nói tiếp, trước mặt của Thiếu Tướng Dương Ngọc Lắm và Chuẩn Tướng Lam Sơn: “Tôi sẽ đề bạt anh lên Tướng sau trận đánh “Tỷ Phù” vào đầu năm nay”.

Trung Tướng Trí mời một số Tướng lãnh đồng minh và Việt Nam dự tiệc trà tại tư dinh để bày tỏ lòng biết ơn của ông, một vài ngày trước Lễ Giáng Sinh năm 1970.

Một tiệc trà khác nhằm khoản đãi các Tư Lệnh Đồng Minh được tổ chức tại sân cỏ trước tư dinh của Tướng Trí ở Biên Hòa vào một buổi chiều trước Lễ Giáng Sinh năm 1970 để khoản đãi các Tướng lãnh Mỹ và Đồng Minh như Tư Lệnh Lực Lượng II Dã Chiến Hoa Kỳ, Tư Lệnh Sư Đoàn 25 Bộ Binh Hoa Kỳ, Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhảy Dù Biệt Lập 173 Hoa Kỳ, Tư Lệnh Chiến Đoàn Úc, Tư Lệnh Sư Đoàn Thái Lan v.v....

Trong buổi lễ ân thưởng, trước sân cỏ của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn sáng ngày hôm đó, Trung Tướng Trí đứng ra ngỏ lời cảm ơn các Tư Lệnh này đã giúp đỡ

ông và Quân Đoàn III hoàn thành nhiệm vụ gìn giữ an ninh cho Quân Khu 3, chiến đấu đánh bại quân Cộng Sản để bảo vệ miền Nam. Ông đặc biệt vinh danh Chuẩn Tướng Mỹ Mc Auliff, Cố Vấn Phó của Quân Đoàn III phục vụ thường xuyên tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Quân Đoàn III với chúng tôi, và được ông trao tặng Đệ Ngũ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương kèm Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu. Ngoài ra, Ông cũng đề cao sự giúp đỡ to lớn của chính phủ Mỹ và quân đội Hoa Kỳ cho miền Nam Việt Nam.

Riêng về bản thân ông, nhìn lại những gì ông đã làm cho Quân Đoàn III từ khi ông xin từ chức Đại Sứ Việt Nam tại Nam Hàn vào đầu năm 1968, để về Quân Đoàn III cùng tất cả quân nhân thuộc quyền chiến đấu không ngừng đánh bại quân Cộng Sản ở khắp lãnh thổ Quân Khu III, đánh đuổi chúng qua đất Campuchia và tiếp tục triệt hạ chúng ở khắp nơi trên đất “Chùa Tháp”. Ông không quên vinh danh quân nhân các cấp của Quân Đoàn III đã theo ông, hy sinh mạng sống hoặc một phần thân thể để giữ nền độc lập của miền Nam. Bản thân ông đã phục vụ đất nước 24 năm. Đến năm tới ông sẽ xin hồi hưu vì đã phục vụ đủ 25 năm quân vụ. Ông sẽ xin chính phủ VNCH cho ông trở về đời sống dân sự để lo cho gia đình (một câu “nói gở” làm mọi người có mặt hôm đó đều ngạc nhiên vì ông mới có 41 tuổi và lại là một trong các Tướng lãnh “rường

cột” của Quân Đội). Riêng cá nhân tôi, tôi hiểu được tâm tư của ông qua những dịp trao đổi ý kiến với ông khi rảnh rỗi. Tướng Trí tỏ ra lo âu về sự chia rẽ giữa các cấp lãnh đạo miền Nam lúc bấy giờ (giữa ông Thiệu, ông Kỳ, ông Khiêm v.v...), giữa các đảng phái Quốc Gia, giữa các người khác địa phương (Bắc, Trung, Nam), giữa các tôn giáo (như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo). Hầu hết đều bị cán bộ Cộng Sản xâm nhập, tuyên truyền ly gián, xúi giục như tên Dương Văn Nhứt, Trung Tá Cộng sản, khuyến dụ anh ruột là Đại Tướng Dương Văn Minh, tổ chức đảo chánh giết Tổng Thống Diệm, năm 1963 và cuối cùng xúi anh mình đoạt chức Tổng Thống của Tổng Thống Trần Văn Hương, cuối tháng 4/1975, để dâng cả miền Nam cho Cộng Sản Bắc Việt vào ngày 30/4/1975. Do sự “ngây thơ, ngu dại” của các chính trị gia và nhân dân miền Nam, cộng thêm bàn tay ly gián của Cộng Sản Bắc Việt đưa điệp viên vào hoạt động trong cơ quan đầu não của ta (như Huỳnh Văn Trọng, Phạm Ngọc Thảo), trong tổ chức tình báo Mỹ (Phạm Xuân Ẩn). Bọn điệp viên này tìm cách triệt tiêu các cấp lãnh Đạo yêu nước như Tổng Thống Ngô Đình Diệm, bồi nhọ và làm giảm uy tín các Tướng tài, thường bị các cấp lãnh đạo nghi kỵ và không bảo vệ, để chống lại kế hoạch “dân vận” của Cộng Sản. Sự chủ trương chia rẽ nội bộ để dễ cai trị của các cấp lãnh đạo làm buồn lòng

Tướng Trí rất nhiều, khiến ông nói lên “lời già từ vũ khí” ở cái tuổi mà ông còn hăng say chiến đấu bảo vệ đất nước. Ông nói ông sẽ tìm một việc làm khác thích hợp hơn để có thời gian chăm sóc gia đình. Mặc dù ai cũng biết cha mẹ ông có nhiều điền sản nhưng lời tuyên bố xin về hưu của ông làm cho các cộng sự viên của ông kể cả tôi rất ngạc nhiên. Theo sự tiết lộ của ông Đỗ Cao Luyện (thân sinh của Trung Tướng Trí) với chúng tôi: Tướng Trí rất lo âu vì sự chia rẽ giữa ba ông Thiệu, Kỳ và Khiêm, chỉ lo tranh giành ảnh hưởng để nắm quyền lãnh đạo đất nước mặc cho những thế lực quốc tế đang tìm cách dăng miền Nam Việt Nam cho Cộng Sản.

Một số lớn các cấp lãnh đạo miền Nam và Tướng lãnh cao cấp chỉ lo “hốt đô la, ôm gái tơ” để cho các đàn em tổ chức “mua quan, bán chức”, lợi dụng tình thế kiếm chút tiền đút lót cấp trên, “thăng cấp không kịp mua lon”, nhận chức Quận Trưởng, Tỉnh Trưởng, Tư Lệnh Sư Đoàn còn dễ hơn ăn cháo. Đến khi giặc đến thì các cấp lãnh đạo và Tướng lãnh này xếp hàng lên đài truyền hình Cộng Hoà Việt Nam “đổ tội cho Mỹ” rồi chờ sự chấp thuận của CIA “dẫn vợ con, ôm bạc mà chạy”. Có những ông Tướng “vô liêm sỉ” còn “đóng kịch”, nạt nộ thuộc cấp, bảo phải tự thu xếp các đơn vị cơ hữu để chiến đấu, để ông yên tâm chạy theo Mỹ. Đó là cảnh hỗn loạn của một Quân Đội

“ô tạp”. Thế là xong màn kịch của các “Tướng Hát Bội” thời xưa. Chúng tôi cũng xin phép đề nghị “hủy bỏ thủ tục phủ cờ Việt Nam Cộng Hòa” lên quan tài vì đâu biết ai có công và ai là người có tội để được phủ cờ? “Có tội với Tổ Quốc” vì bỏ ngũ chạy trốn, nhưng nếu còn nhiều tiền hoặc có nhiều đàn em hỗ trợ để viết báo, viết sách thì cũng có thể trở thành “người có công (!)”. Chỉ có các chiến sĩ đã hy sinh một phần thân thể hoặc đã chết vì đất nước Việt Nam Cộng Hoà mới đáng được vinh danh và phủ cờ lên quan tài mà thôi.

C. KRATIÉ MỤC TIÊU “TÔI HẠU” BỊ HỦY BỎ DO TƯỚNG TRÍ BỊ ÁM HẠI (?). NHỮNG GIỜ PHÚT CUỐI CÙNG CỦA MỘT TƯỚNG LÃNH GIÀU LÒNG YÊU NƯỚC.

Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí âm thầm dự tính kế hoạch triệt tiêu Bộ Tư Lệnh của quân Cộng Sản Bắc Việt tại miền Nam và của mặt Trận Giải Phóng tại Kratié, khiến ông bị các thế lực phản động dự mưu giết chết vào ngày 23/2/1971.

1. Tình hình địch.

Có lẽ Bộ Tư Lệnh Mặt Trận B3 của Cộng Sản Bắc Việt có nghi ngờ việc Quân Đoàn III của Việt Nam Cộng Hoà sẽ đưa quân đánh vào mật khu Đam Be (một mật khu kiên cố, được coi như tuyến phòng thủ từ xa của Kratié) vào mùa Xuân năm 1971. do đó họ đã đưa

vào khu vực này hai Sư Đoàn Công Trường 5, Sư Đoàn Công Trường 7, một Trung Đoàn Pháo và một Trung Đoàn Đặc Công để tăng cường “hệ thống phòng thủ từ xa” cho Kratié, tuy họ không nghĩ là Tướng Trí dám đánh thẳng vào Kratié, một địa điểm nằm trên đất Miên quá xa lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hoà. Cũng có thể Lê Đức Thọ được một số chính trị gia Mỹ bảo đảm sự an toàn của khu vực này vì họ sắp ký Hiệp Định Paris và sẽ cho phép Cộng Sản tự do đưa quân vào chiếm miền Nam. Tổng Thống Nixon đã mật ước với Mao Trạch Đông sẽ giao cả Đông Dương cho Trung Cộng. Tuy không được Tướng Trí chính thức báo cho tôi biết ý định của ông nhưng tôi đã phần nào dự đoán ý định thâm kín này của ông khi ông cho tái chiếm Snoul với 4 Chiến Đoàn của Sư Đoàn 5 và tập trung một số lớn Chiến Đoàn dọc theo Quốc Lộ 7 vào tháng Giêng năm 1971.

2. Ý niệm tổng quát về cuộc Hành Quân Toàn Thắng năm 1971 (theo hồ sơ lưu trữ).

Như đã nói ở trên, Trung Tướng Trí chỉ nói một cách tổng quát là ông dự định đưa một Lực Lượng Xung Kích hùng hậu vào khu rừng Đam Be yểm trợ cho Đội Khai Quang Rom Plow. Đội này có nhiệm vụ ủi khai quang làm thành nhiều con đường rộng 6 thước từ ngã ba của Quốc Lộ 7 đi vào Đam Be, thẳng lên bờ

sông Mê-kông ở phía Bắc. Sau đó ông sẽ cho ủi tiếp một số đường ngang và đường dọc để đưa cơ giới vào tuần tiễu và kiểm soát hoạt động địch trong khu rừng đó.

3. Tổ chức Lực Lượng Xung Kích của Quân Đoàn III:

Gồm chủ yếu là Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh với thành phần trực thuộc là hai Thiết Đoàn 15, 18 Chiến Xa/Thiết Quân Vận cộng thêm Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân là đơn vị từng thiết. Đi song song với Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh là Chiến Đoàn 333 Biệt Động Quân biệt lập gồm có Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân với 3 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân và 1 Chi Đoàn chiến xa Thiết Quân Vận vừa được đưa lên để bổ sung cho Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III.

Đi sau hai đơn vị chủ lực này là Đội “Rom Plow” làm nhiệm vụ ủi quang cây rừng và mở rộng đường như đã nói trên. Tôi có hỏi riêng Trung Tướng Trí muốn cho Lực Lượng Xung Kích này sẽ đi về phía nào sau khi yểm trợ cho Đội Rom Plow ủi con đường chính này lên đến sông Mê-kông. Ông nói có thể ông sẽ cho toàn bộ lực lượng rẽ về phía Tây để giao tiếp với Chiến Đoàn 48 đang hoạt động ở khu vực phía Đông đồn điền Chup. Chúng tôi không dám hỏi thêm nhưng thấy ý định này không được hợp lý vì khu vực

Chup đã được Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh “cày nát” hồi tháng 6 năm 1970.

Đúng vào lúc này, ông tân Cố Vấn Phó của Quân Đoàn, Chuẩn Tướng Amst đão nhiệm Bộ Tư Lệnh Tiền Phương, thay thế Chuẩn Tướng Mc Auliff, làm việc chung với tôi. Với cái cảm nhọn, đôi mắt sắc sảo, dáng đi nhẹ nhàng, ăn nói nhỏ nhẹ, ông giống một thám tử hơn là một Tướng đánh trận (Đại Tá Lê Đạt Cống, Trưởng Phòng 2 của Quân Đoàn III có nói riêng cho tôi biết dường như ông này trước đó có làm phòng tình báo của Bộ Tư Lệnh MACV Mỹ ở Sài Gòn). Khi đến nơi, ông mời tôi vào văn phòng để hỏi qua về tình hình địch, sự phối trí và hoạt động của các Chiến Đoàn bạn. Ông có hỏi thêm quan niệm hành quân của Tướng Trí trong những ngày sắp tới. Tôi nói với ông tôi thực sự chưa biết gì thêm ngoài Lệnh Hành Quân dành cho năm 1971 do Bộ Tham Mưu Quân Đoàn III thảo ra, đã được Tướng Trí duyệt và ban hành trước đó một tháng mà văn phòng của ông có nhận một bản tiếng Anh. Mỗi ngày khi bay thị sát trở về, Tướng Trí có buổi họp tại phòng thuyết trình khoảng 5 giờ chiều, với sự có mặt của các Sĩ Quan hai Bộ Tham Mưu Việt-Mỹ để ông cho biết ý định hành quân của ông vào ngày hôm sau. Chuẩn Tướng Amst cảm ơn tôi và không hỏi gì thêm.

4. Diễn tiến hành quân.

Do mức độ tiếp tế xăng dầu cho chiến xa và Thiết Quân Vận cũng như đạn dược cho pháo binh lên đến một khối lượng quá lớn. Do đó, việc điều động phương tiện tiếp tế đòi hỏi sự có mặt của chúng tôi ở Bộ Tư Lệnh Tiền Phương tại Tây Ninh thường xuyên hơn lúc trước nên Trung Tướng chỉ thị chúng tôi cách khoảng hai ngày mới bay theo ông một lần. Những ngày khác tôi phải túc trực tại Trung Tâm Hành Quân Tây Ninh để thi hành chỉ thị của ông qua hệ thống vô tuyến về ưu tiên yểm trợ cho các Chiến Đoàn cả về phương tiện Không Quân lẫn Tiếp Vận.

Do hỏa lực quá mạnh của địch làm trì hoãn bước tiến của Lực Lượng Xung Kích, Trung Tướng Trí chỉ thị tôi tổ chức trực thăng vận Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân vào Chlong tại một khoảng đất rộng cách Kratié 20 cây số về phía Nam sông Mê-kông vào sáng ngày 22/3/1971.

Chúng tôi xin Tướng Trí nhờ Trung Tướng Daviron, Tư Lệnh Lực Lượng 2 Dã Chiến Mỹ và là Cố Vấn Quân Đoàn III, cho chúng tôi mượn 6 trực thăng Chinook vào hôm đó để dùng thay vào việc tiếp tế. Chúng tôi sẽ dùng 6 Chinook của Không Quân Việt Nam để câu 6 khẩu 105 ly vào Chlong, một nhiệm vụ nguy hiểm hơn. Trung Tướng Daviron vui vẻ chấp

thuận ngay trước mặt hai Bộ Tham Mưu Việt Mỹ vào chiều ngày 21/2/1971.

Sáng ngày 22/2/1971, Trung Tướng Trí bay đến Bộ Tư Lệnh Tiền Phương rất sớm. Ông đích thân bay giám sát cuộc đổ quân của Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân và đưa 6 khẩu pháo 105 ly vào Chlong. Sau khi được các khu trục và trực thăng võ trang của Không Quân Việt Nam dội bom và bắn dọn bãi đáp, ông cho trực thăng chỉ huy của ông cùng đáp xuống với các Toán Biệt Động Quân nhảy xuống đầu tiên.

Địch quân hoàn toàn bị bất ngờ vì chúng cứ tưởng rằng Lực Lượng Xung Kích của Quân Đoàn III vẫn còn bị “cầm chân” ở khu rừng Đam Be chưa thể đến Chlong lúc đó.

Ngay khi chạm đất, Biệt Động Quân đã giết được khoảng 30 người, bắt sống được độ 5, 6 tù binh Việt Cộng đang canh gác tại đó. Đến chiều thì số chết tăng lên đến khoảng 50 người và bắt sống thêm được khoảng 5, 6 tên nữa vào buổi trưa.

Trong khi Trung Tướng Trí bận theo dõi việc trực thăng vận của Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân thì tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Tây Ninh, chúng tôi đang tìm cách giải quyết trở ngại do ông Amst báo tin là Mỹ không thể cho mượn 6 Chinook như đã hứa ngày hôm trước. Chúng tôi phải lấy quyết định liều lĩnh là chỉ thị

cho Bộ Chỉ Huy 3 Tiếp Vận tổ chức ngay đoàn xe dùng đường bộ để tiếp tế cho các Chiến Đoàn đang hoạt động dọc theo Quốc Lộ 7 trong lãnh thổ Campuchia, cũng như sẽ dùng 6 trực thăng Chinook của Không Quân Việt Nam câu 6 khẩu pháo 105 ly vào Chlong cho Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân sử dụng.

Vào buổi chiều ngày 22/2/1971, khi Trung Tướng Trí trở về Bộ Tư Lệnh Tiền Phương ở Tây Ninh lúc 6 giờ, ông tỏ vẻ hài lòng vì cuộc hành quân trực thăng vận đã được hoàn thành tốt đẹp. Ông cho gọi tôi vào văn phòng và cho biết mọi việc đều tiến triển tốt đẹp. Tôi liền báo cáo cho ông biết việc Chuẩn Tướng Amst không cho mượn 6 Chinook Mỹ như đã hứa chiều ngày hôm qua. Do đó, tôi phải liệu lĩnh cho tiếp tế các Chiến Đoàn bạn đang hoạt động trên Quốc Lộ 7 bằng đường bộ để dùng 6 trực thăng Chinook của Không Quân Việt Nam vào việc câu 6 khẩu pháo 105 ly vào Chlong cho Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân. Mọi việc đều hoàn tất tốt đẹp.

Trung Tướng Trí giận lắm nhưng ông bình tĩnh đợi Trung Tướng Daviron sắp sang dự thuyết trình vào buổi chiều để nghe báo cáo về cuộc hành quân trực thăng vận của Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân với kết quả rất tốt. Sau buổi thuyết trình, Trung Tướng Trí than phiền với Tướng Daviron việc ông Amst đã không cho

Quân Đoàn III mượn 6 Chinook như đã hứa chiều ngày hôm qua 21/2/1971.

Trung Tướng Daviron nổi giận, quay lại hỏi ngay ông Amst: “tại sao không có Chinook?”. Ông nói tiếp bằng một giọng giận dữ: “Khi tôi và Trung Tướng Trí đã đồng thuận một việc gì, các anh phải triệt để thi hành. “You understand?” (nguyên văn “Anh hiểu chưa?”) lập đi lập lại 3 lần. Tướng Amst đứng phắt dậy trả lời 3 lần “Yes, Sir”, “Yes, Sir”, “Yes, Sir” (nguyên văn: “Thưa vâng”). Sau buổi họp, mọi người đứng lên rời phòng họp. Riêng tôi cảm thấy hả dạ vì được phục vụ với một cấp chỉ huy xứng đáng mà các Tướng Mỹ lúc nào cũng nề phục sự gan dạ trong lửa đạn và tài điều binh kiệt xuất, có tầm vóc quốc tế.

Thường nhật vào khoảng 7 giờ sáng, tôi phải đón Trung Tướng Trí tại bãi đáp trực thăng trước Bộ Tư Lệnh Tiền Phương và đưa ông bằng xe jeep thẳng vào Phòng Thuyết Trình để ông dự buổi thuyết trình tình hình trong đêm qua và giờ giấc xuất phát của các Chiến Đoàn sáng ngày hôm đó cùng các điểm chạm súng nếu có. Trung Tướng Trí sẽ quyết định bay đến giúp cho Chiến Đoàn nào mà ông nghĩ cần được giúp đỡ trước nhất. Sau gần 8 hoặc 9 giờ bay, từ Chiến Đoàn này sang Chiến Đoàn khác để giúp các Chiến Đoàn Trưởng tại chỗ, Trung Tướng Trí bay trở về Bộ Tư Lệnh Tiền

Phương dự phiên họp buổi chiều và ra chỉ thị đề Bộ Tham Mưu soạn Đoàn Lệnh Hành Quân cho ngày hôm sau. Chúng tôi thường đưa ông ra trực thăng bay về Biên Hòa lúc 7 hoặc 8 giờ tối để nghỉ đêm. Trường hợp nếu tôi quấy rầy ông trong giấc ngủ vì phải báo cáo những sự kiện quan trọng xảy ra lúc giữa đêm, lúc nào ông cũng vui vẻ nhận tin và cho chỉ thị đề thi hành chứ không bao giờ cau có như các ông Tư Lệnh khác khi bị quấy rối giấc ngủ.

Sau khi Trung Tướng Trí bay về tư dinh vào mỗi buổi chiều tối thì chúng tôi phải vội vã đi tắm rửa và ăn cơm tối. Tôi trở lên văn phòng giúp các phòng ban soạn thảo Đoàn Lệnh Hành Quân và ký vào Phó Bản để chuyển ra cho các Chiến Đoàn thi hành. Nhiều khi tôi còn phải đích thân gọi máy nói thẳng với các Chiến Đoàn Trưởng cho biết những điểm quan trọng cần biết cho ngày mai.

Kế hoạch Kratié phải hủy bỏ do Tướng Trí bị ám hại (?) sáng ngày 23/2/1971 trước khi ông đến Chlong để khai diễn cuộc tấn công vào Kratié.

Những giờ phút cuối cùng của một Tướng lãnh giàu lòng yêu nước.

Đặc biệt đêm 22/2/1971, Trung Tướng Trí quyết định ngủ lại tại Bộ Tư Lệnh Tiên Phương để theo dõi tình hình và chuẩn bị việc thi hành kế hoạch đặc biệt

của riêng ông vào sáng ngày hôm sau 23/2/1971. Ông yêu cầu tôi gọi điện thoại cho các đơn vị trưởng liên quan đến cuộc tấn kích vào ngày mai để nhắc nhở thêm một số chi tiết mặc dù mục tiêu Kratié chưa hề được công bố trước. Sau đó Ông bảo tôi đi ngủ, để dành sức chuẩn bị cho kế hoạch ngày mai.

Ngày 23/2/1971 lúc 6 giờ sáng tôi đã nai nịt xong đến chỗ xe trailer dùng làm phòng nghỉ của Tướng Trí và mời ông qua Câu Lạc Bộ ăn sáng. Ông ăn tô hủ tiếu rất vội vã, uống một ít cà phê và đi ngay lên Phòng Thuyết Trình để nghe báo cáo về tình hình đêm qua. Ông vừa trở qua văn phòng làm việc thì sĩ quan thuộc phòng Tổng Quản Trị đến xin ông gắn cấp bậc cho 4 Đại Úy vừa được vinh thăng Thiếu Tá. Ngay lúc đó, ký giả Francois Sully xin vào gặp ông. Anh này nói tiếng Pháp với ông và nhắc ông đã có hứa cho anh ấy đi theo làm một “thiên phóng sự chiến trường đặc biệt” ngày hôm đó. Trung Tướng Trí tươi cười hỏi Sully có sẵn sàng chưa? Anh này khoe ra ba máy ảnh với “máy radio cầm tay rất đặc biệt”. Anh ta nói sẵn sàng ghi nhận tất cả “những gì đặc biệt nhất” và sẽ chuyển tin tức hành quân trực tiếp bằng radio về toà báo của anh ở Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn. Trung Tướng Trí quay lại phía tôi nói: “Hôm nay anh phải ở lại đây, nhường chỗ để Sully đi với tôi. Anh sẽ đi gắn cấp bậc cho các sĩ quan tân thăng và xuống túc trực ngay tại

Trung Tâm Hành Quân theo dõi diễn tiến việc làm, sẵn sàng yểm trợ cho tôi. Anh giữ lại tất cả các phi tuần khu trục và trực thăng UH1 của Sư Đoàn 3 Không Quân chờ tôi quyết định”.

Tôi đứng nghiêm chào kính khi ông lên xe Jeep đi ra bãi đáp. Ông khoát tay không cho tôi đi theo. Độ 10 phút sau, trực thăng chỉ huy của ông nổ tung khi vừa bay lên được 3 phút, ở phía Tây Bắc cách phi đạo khoảng 1 cây số.

CÁI CHẾT BÍ ẨN CỦA CỐ ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ.

Khi tôi gần xong cấp bậc cho 4 Đại Úy vừa được đặc cách vinh thăng Thiếu Tá, tôi vội vã chạy xuống Trung Tâm Hành Quân để theo dõi chuyến bay của Trung Tướng Trí. Tôi hỏi Đại Tá Phụng Phòng 6 Quân Đoàn đang ngồi trực máy vô tuyến xem đã liên lạc được với trực thăng chỉ huy của Trung Tướng Trí vừa cất cánh chưa? Ông này lắc đầu báo chưa! Tôi rất ngạc nhiên nhưng chưa hiểu vì sao thì Thiếu Tá Luyện, Sĩ Quan Liên Lạc Không Quân của Quân Đoàn III, hốt hoảng chạy vào cho biết “đường như trực thăng của Trung Tướng Trí đã rơi xuống đất khi vừa cất cánh ở cuối phi đạo, phía Bắc sân bay”, cách cổng Bộ Tư Lệnh Tiền Phương khoảng 1 cây số. Tôi vội hă chạy bộ ra bãi đáp trực thăng để kiểm một chiếc trực thăng đi cấp

cứu thì ngay khi đó Toán cứu nạn Mỹ (U.S. Air Rescue Team) đưa thi hài Trung Tướng Trí về ngay tại công trại. Tôi đứng nghiêm chào ông Thầy của tôi rồi cúi xuống kiểm tra danh tánh ghi trên tấm thẻ bài bằng kim khí ông đeo nơi cổ có ghi rõ tên ông. Xem sơ qua tôi thấy thi hài của ông bị cháy, rút ngắn lại khoảng 30%. Ở bụng có một khoảnh vải treillis bị cháy bằng một bàn tay cho thấy lớp da ở phần bụng bị cháy. Ba ngón tay bên trái bị cháy mất một nửa. Tôi không cảm được nỗi đau đớn trong lòng, nước mắt tuôn trào trước cái chết đau thương của một vị anh hùng đã từng nói với anh em chúng tôi: “Đã làm Tướng thì phải chết trên lưng ngựa với ba quân, đền ơn nợ nước, không chờ đến già chết trên giường bệnh”.

Ghi chú: Trong lúc tôi gọi điện thoại cho Chuẩn Tướng Đào Duy Ân, Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn 3, tại ngay điểm gác ở công trại để báo hung tin, tôi liếc thấy ông Amst đứng cách tôi khoảng 5 thước đang quan sát mọi việc diễn ra, gương mặt thản nhiên, không chút ngạc nhiên. Ông không buồn bước tới chia buồn với tôi. Hai ngày sau đó ông vội vã ra đi không một lời từ biệt với tôi!

Người đến thay thế ông trong chức vụ Cố Vấn Phó của Quân Đoàn III đến gặp chúng tôi, cho biết trước đó ông thuộc Sư Đoàn I Không Kỵ Mỹ (1st Air

Cavalry Division). Ông là một người Mỹ gốc Đức cao lớn (tôi không còn nhớ tên), ăn nói rồn rảng, cởi mở, bộc trực, đúng là một Sĩ Quan tác chiến. Ông đến gặp tôi, hỏi một vài câu hỏi cần thiết xong vui vẻ bắt tay vào việc. Lúc nào ông cũng sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi.

Một toán điều tra Không Quân Việt-Mỹ đến điều tra về cái chết của Tướng Trí nhưng không có kết quả.

Trở lại sự việc sau khi Trung Tướng Trí tử nạn, Đại Tá Tỉnh Trưởng Tây Ninh có đến gặp tôi. Tôi liền nhờ ông đưa thi hài Trung Tướng Trí về quàn tạm tại dinh Tỉnh Trưởng Tây Ninh trong khi chờ bà Trung Tướng Trí và gia đình sẽ lên bằng trực thăng để đưa thi hài ông về tẩm liệm tại tư dinh ở Biên Hòa.

Thế là hết cuộc đời của một “danh tướng”! Với một khí tiết can trường, một tấm lòng yêu nước tuyệt đối, ông đã hy sinh bản thân đền nợ nước.

Độ một tiếng sau khi tôi báo hung tin cho Chuẩn Tướng Đào Duy Ân, Tham Mưu ở Biên Hòa, tôi được lệnh phải ra sân bay đón ông Cố Vấn Tối Cao của Tổng Thống Thiệu. Ông Cố Vấn đích thân đưa Trung Tướng Tân Tư Lệnh đến nhận chức tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương. Ông Cố Vấn tươi cười bước xuống trực thăng, vừa cười vừa nói: “Số ông này thì phải chết bất đắc kỳ tử thôi, đúng theo tử vi của ông ấy”. Thấy vẻ mặt đau buồn của chúng tôi, ông không nói thêm gì nữa (được

biết ông Cố Vấn đã có thời gian phục vụ dưới quyền của Tướng Trí ở Quân Đoàn I và có lẽ không thích ông xếp cũ của ông vừa nằm xuống). Chúng tôi mời hai ông vào phòng thuyết trình. Trước mặt 7 Đại Tá Trưởng Phòng và đại diện các binh chủng tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương, tôi đích thân thuyết trình về tình hình địch và hoạt động các Chiến Đoàn bạn từ đầu tháng 2/1971 đến lúc bấy giờ. Trung Tướng Tân Tư Lệnh chỉ thị tôi tiếp tục ở lại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương và báo cáo tình hình chiến sự cho ông khi cần.

Tôi không được phép về dự tang lễ của ông Thầy tôi. Năm ngày sau đó tôi chỉ được phép hướng dẫn một Toán nhỏ gồm hai Sĩ Quan, hai Hạ Sĩ Quan và hai binh sĩ đã từng phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương bay trực thăng về Biên Hòa mang vòng hoa đến làm lễ phúng điếu và từ biệt “ông Thầy đáng quý của chúng tôi”. Xong việc, chúng tôi liền lên trực thăng bay trở về nhiệm sở ở Tây Ninh ngay. Chúng tôi chỉ được biết qua màn ảnh truyền hình, trung Tướng Đỗ Cao Trí được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu truy thăng lên cấp Đại Tướng. Ngoài ra, Đại Tướng Abraham Tư Lệnh MACV đại diện cho chính phủ Hoa Kỳ có đến cúi đầu trước quan tài và trao tặng các huân chương như “Legion of Merit”, “Silver Star” và “Bronze Star” của chính phủ Mỹ cho Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí.

Những chuyện bên lề cái chết của cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí.

Sau khi Đại Tướng Trí mất, tinh thần tôi rất sa sút. Tôi mất đi điểm tựa vững chắc khi cần được hướng dẫn để chu toàn bất cứ một nhiệm vụ khó khăn hoặc nhận được từ ông một lời khen ngợi để khích lệ mỗi khi tôi hoàn thành một nhiệm vụ mà ông đã giao cho tôi. Tôi nhớ một đoạn trong quyển sách “les misérables” của văn hào Pháp Victor Hugo mô tả trường hợp một Thiếu Tá Kỵ Binh phi ngựa về trình diện trước hoàng đế Napoléon trong một trận đánh cuối cùng khi đạo quân Pháp bị các quân Đồng Minh bao vây tứ phía, báo cáo là đã hoàn tất một nhiệm vụ khó khăn. Napoléon đã nói với ông này: “Tôi cho anh thăng cấp lên Trung Tá, ân thưởng anh Đệ Tứ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh và anh có thể hãnh diện nói với mọi người rằng anh đã tham dự với tôi tại các trận đánh lẫy lừng của quân đội Pháp ở Châu Âu như Arcole, Leipzig v.v...”

Sau trận thảm bại Waterloo, Napoléon bị lưu đày ra khỏi nước Pháp lần thứ hai, ở đảo Saint Hélène và chết ở đó. Người Trung Tá được ông vinh thăng trong trận đánh cuối cùng đã bị giải ngũ sau sự sụp đổ của “Chế Độ Đệ Nhất Vương Quốc Pháp” (le premier Empire de l'Empereur Napoléon Bonaparte). Mặc dù

viên Trung Tá này phải sống một cuộc đời hẩm hiu với một đồng lương hưu trí thấp kém nhưng “nhân phẩm” của ông vẫn được tôn trọng. Ông không bao giờ quên vị Tư Lệnh xứng đáng đã cùng ông “vào sanh ra tử” để mang lại những chiến thắng vẻ vang cho dân tộc Pháp.

Trong khi đó, sau ngày 30/4/1975, anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà đã bị Cộng Sản Bắc Việt giam cầm, hành hạ và giết hại. Họ bị các cấp lãnh đạo và Tướng lãnh hèn nhát bỏ rơi khi người bạn Đồng Minh không còn yểm trợ nữa. Cũng may là nhờ có Tổng Thống Hoa Kỳ Ronald Reagan ra tay cứu vớt cho sang Mỹ định cư và làm lại cuộc đời. Họ mất tất cả các phúc lợi như hưu trí và bảo hiểm cũng như quyền sở hữu tài sản do họ tạo ra hoặc do ông bà, cha mẹ để lại theo quyền thừa kế hợp pháp. Họ phải giao nộp tất cả tài sản cho Cộng Sản, ra đi với hai bàn tay trắng. Mặc dù số người tị nạn đều ở tuổi già yếu, họ phải cố gắng xây dựng lại cuộc sống mới từ đầu, nếu không muốn bạn bè đã “khôn ngoan” bỏ nước ra đi hồi 30/4/1975 khinh rẻ vì phải mang danh gọi là người tị nạn H.O., phải tạm lãnh tiền trợ cấp của chính phủ Mỹ (được khoảng 6 tháng). Họ phải làm đủ nghề để mưu sinh nơi miền quê hương thứ hai này. Thế mà ngày nay gia đình của các “ông lớn của chế độ miền Nam” còn muốn người Việt tị nạn làm lễ “phủ cờ Quốc Gia lên quan tài” của các ông lớn đã chạy trốn hồi 30/4/1975 hoặc hoan nghênh

việc tổ chức “lễ Vinh Danh” hay “Tưởng Niệm” gì đó (!).

Đó là những việc mà người tị nạn Cộng Sản cần nên suy nghĩ lại kéo những người ngoại quốc am hiểu lịch sử của miền Nam chê cười vì cho là “đỏm dáng”.

1. Vong linh cố Đại Tướng Trí rất linh thiêng

Một đêm vào khoảng tháng 3 năm 1971 khi tôi đang ngủ tại căn phòng siêu vẹo của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương ở Tây Ninh, tôi nằm mơ thấy Cố Đại Tướng về gặp tôi, cho đến nay đó chỉ là một lần duy nhất. Tôi mơ thấy tôi đến dự một buổi tiếp tân tại tư dinh của Cố Đại Tướng Trí như đã từng có trước đó khi ông còn sống. Tôi thấy trong giấc mơ mình đang đi lên cầu thang lớn ở giữa tư dinh của ông tại Biên Hòa.

Khi tôi lên đến tầng lầu của dinh, tôi liếc mắt nhìn quanh các quan khách tham dự đông đảo. Thành linh tôi thấy Trung Tướng Trí đứng cách tôi khoảng 15 thước phía bên kia góc lan can, cũng cái đầu với mái tóc hớt rất ngắn gần sát da đầu, cái ót trắng xanh. Tôi mừng quá vội vã đi nhanh về phía ông và không nhớ là ông đã qua đời. Tôi đi thật nhanh tới chỗ ông đứng và gọi ông khi còn cách ông độ 1 thước: “Trung Tướng! Trung Tướng!”. Ông mặc bộ đại lễ quân đội màu trắng với tất cả huy chương đeo trên ngực (tôi được biết về sau do Trung Úy Hương, cận vệ của ông, nói với tôi:

Đó là bộ quân phục dùng tấm liệm ông). Ông từ từ quay lại đối diện với tôi với một vẻ mặt đượm buồn man mác. Tôi vội hỏi ông: “Trung Tướng đi đâu lâu quá không thấy trở lên với chúng tôi?”. (Lúc bấy giờ tôi nghĩ đến việc ông bị Tổng Thống Thiệu định chuyển ông xuống Quân Đoàn IV hồi tháng 7/1970 và định cho tôi đi theo ông trong đợt đầu) nên tôi nói tiếp: “Trung Tướng nhớ cho tôi đi theo với!”. Ông trả lời bằng một giọng nói xa lạ, buồn bã như không chú ý đến những gì ông đang nói: “Anh phải cố gắng tự lo lấy. Bây giờ tôi với anh mỗi người có một nhiệm vụ khác nhau”. Tôi bất chợt nhớ lại là ông đã qua đời! Hình dáng của ông trước mắt tôi cũng mờ dần và biến mất. Tôi rất đau buồn và đã khóc trong giấc mơ. Khi tỉnh lại, tôi cảm thấy mắt tôi vẫn còn đọng nước và cái gôi dưới đầu vẫn còn thấm nước ươn ướt. Ngày hôm sau tôi đem chuyện giấc mơ của tôi kể cho Trung Tá Khỏe (người lớn tuổi hơn tôi và theo đạo Cao Đài) đang làm nhiệm vụ Chỉ Huy Trưởng Tổng Hành Dinh tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương. Ông này lần tay tính lại và nói cho tôi biết đêm qua khi tôi nằm mơ là đúng ngày thứ 49 sau khi Tướng Trí tử nạn, một ngày mà theo Phật giáo là ngày cúng “cái thất” thứ 7 cho ông. Có lẽ cố Đại Tướng ghé thăm tôi trước khi phải đi đến một nơi nào đó ở “cõi âm” để đi “đầu thai” qua một kiếp khác (?).

2. Cố Đại Tướng “lên cơ” và nói chuyện với chúng tôi.

Đại Tá Lê Văn Phú, Quận Trưởng Tân Uyên (là bạn học rất thân với Tướng Trí khi còn nhỏ) được Tướng Trí đưa về làm Chánh Văn Phòng cho ông tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III. Ông Phú là một người rất chân thật, hiền lành, tu đạo Phật và ăn chay trường. Vì là bạn thân của Tướng Trí nên ông muốn theo dõi vong linh của Tướng Trí sau khi chết “bất đắc kỳ tử”. Ông Phú có người cháu gái ruột có nghiên cứu và thường sử dụng “ván thiên” đã dùng để liệm xác người chết để “xây cơ” và gọi hồn người chết trở về nói chuyện với người sống. Kể từ ngày Tướng Trí chết, anh Phú đã nhờ cô cháu gái này tổ chức “xây cơ” nhiều lần và đã có tiếp xúc được với Tướng Trí nhiều lần. Ông muốn cho Chuẩn Tướng Ân và tôi là những người phục vụ thân cận với Tướng Trí trực tiếp nói chuyện với cố Đại Tướng Trí xem sao!

Cố Đại Tướng lên cơ và cho biết “tiền kiếp ông là Bác Sĩ Abasarur” (có lẽ là người gốc Chăm). Khi tôi hỏi ai đã giết ông, ông đánh vắn ngay chữ Thompson. Cho tới ngày nay, chúng tôi cũng không biết người đó là ai? Cứ cho đó là một chuyện mê tín dị đoan hoang đường!

MÙA HÈ ĐỎ LỬA

Rút kinh nghiệm từ sự thất bại của “Cuộc Tổng Tấn Công và Tổng Nổi Dậy” trong Tết Mậu Thân 1968 mà lực lượng tấn công của Bắc Việt đã phải rải ra, khắp các Tỉnh và Đô Thị Miền Nam, gây trở ngại cho Bộ Tư Lệnh của Bắc Việt tại Miền Nam trong việc chỉ huy và tiếp tế cho các đơn vị của chúng, Kế hoạch tấn kích Mùa Hè Đỏ Lửa của chúng đã dựa trên ba yếu tố quan trọng mới.

Thứ nhất, chọn một địa điểm rất gần biên giới Miên/Lào với Việt Nam như Bình Long, Kon-Tum, Quảng trị, để dễ tiếp tế, tăng cường quân hoặc rút quân khi bị Không Quân Hoa Kỳ truy kích.

Thứ hai, dùng chiến thuật “biển người” của Trung Cộng và mô thức bộ binh - thiết giáp”lần đầu được trang bị và sử dụng trên chiến trường Miền Nam Việt Nam, cũng như sử dụng loại hỏa tiễn SR7 chống lại hoạt động của các loại trực thăng UH1 hữu dụng.

Thứ ba, sử dụng tối đa các loại vũ khí mới mà Nga Tàu vừa mới viện trợ cho họ như hoả tiễn đất đôi không SR7 chống trực thăng và phi cơ chiến đấu và tiếp tế của ta rất hữu hiệu, các loại hỏa tiễn mới như 107, 122 ly của Trung Cộng. Các loại chiến xa như T54, PT76 mà địch chưa bao giờ sử dụng trên chiến trường miền Nam trước đó.

Trong thời gian tiến hành Hiệp Định Paris, ngoại trưởng Kissinger được tự do liên lạc với Bắc Việt, là đối tác thảo luận của Mỹ cho nên có lẽ ông đã thấy được đường lối sách lược của Cộng Sản là “cái gì không mua được bằng tiền thì sẽ mua được bằng rất nhiều tiền”. Tiền của Trung Cộng qua tay ông đã làm đảo lộn phương cách bang giao giữa Mỹ và Miền Nam. Ông đã giúp cho Trung Cộng việc buộc các đơn vị Đồng Minh của Miền Nam phải rút ra khỏi Miền Nam ngay, trong khi lại cho phép các đơn vị cộng sản Bắc Việt được tiếp tục chiếm giữ các “mật khu” của chúng nằm trong lãnh thổ của Miền Nam, với cái chủ thuyết vô lý mà ông gọi là “Đình Chiến Da Beo”?? Kissinger cũng tìm cách đưa Tổng Thống Nixon sang viếng Trung Cộng và ký với nhau “Mật Ước” Thượng Hải. Ông đã mượn tay Tổng Thống Nixon bóp chết Miền Nam ngay từ lúc đó. Chính vào lúc này (1971), tôi được Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình, Tư Lệnh CSQG, đề nghị với Đại Tướng Trần Thiện Khiêm, Thủ

Tướng Chính Phủ, cho tôi được biệt phái về Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, để giữ chức vụ Phụ Tá Đặc Biệt Kế Hoạch.

Sau một thời gian ngắn, sau khi đã tham khảo những tài liệu về “Tình Báo Quốc Tế” do Thiếu Tướng Bình trao cho tôi để nghiên cứu, ông đã chỉ thị cho tôi đi thăm viếng và quan sát các cơ sở Cảnh Sát tại Đô Thành và ở các Vùng 1, Vùng 2, Vùng 3 và Vùng 4, sau đó là Học Viện CSQG tại Thủ Đức, Trung Tâm Huấn Luyện Cảnh Sát Dã Chiến ở Đà Lạt, v.v... Cùng đi với tôi có Đại Tá CSQG Nguyễn Phúc, Trưởng Khối Huấn Luyện BTL/CSQG. (Sau ngày mất nước 30/4/1975, tôi đã gặp lại Đại Tá Phúc ở trại tù cộng sản tại Nam Hà. Cả hai chúng tôi đã bị giam tại trại tù này, nhưng khoảng một năm sau đó, DT Phúc đã mất tại đây).

Ở các cơ sở Cảnh Sát, nơi tôi đến thăm viếng, tôi và Đại Tá Phúc đều hỏi kỹ về số lượng nhân viên đã được phân bổ theo cấp số, ý kiến của các Đơn Vị Trưởng về khả năng của nhân viên thuộc quyền, mức độ đã được huấn luyện và sự hữu hiệu trong các công tác được giao phó, v.v... Tất cả những việc này đều được tôi trình bày cặn kẽ trong báo cáo trình lên Thiếu Tướng Tư Lệnh qua trung gian của Đại Tá Trương Bảy, Phụ Tá Đặc Biệt Điều Hành. Điều quan trọng mà

tôi luôn luôn nhắc nhở ở các nơi đến thăm viếng là mức độ xâm nhập của đối phương vào hệ thống hành chánh và tình báo của ta.

Do tình trạng lạm phát gia tăng khiến mức lương của quân nhân, công chức và cảnh sát không đủ sống, nên các viên chức điều hành của ta dễ bị địch mua chuộc. Cho nên ở tất cả các nơi chúng tôi đến, tôi đều lập đi lập lại những lời khuyên nhủ của vị chỉ huy CSQG là Thiếu Tướng Tư Lệnh về các biện pháp an ninh liên quan đến an ninh nội bộ, chống lại sự xâm nhập của địch qua kế hoạch “Ba mũi giáp công” (quân vận, trí vận, và dân vận) của địch.

Ngoài việc nghiên cứu nhằm cải tổ thường xuyên, tôi còn phải nghiên cứu và tập trung tài liệu để thuyết trình cho các phái đoàn quân sự và cảnh sát của các nước bạn còn duy trì bang giao với Miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ. Như phái đoàn của Trường Võ Bị Saint Cyr của Pháp, một số Trường Quân Sự của Hoa Kỳ về Chiến Tranh Tâm Lý, nhưng rất tiếc nay tôi không còn nhớ tên.

Công việc làm của tôi tại Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát đang tiến triển tốt đẹp thì tôi lại bị điều động trở về Quân Đoàn III để đảm nhiệm chức vụ Tham Mưu Trưởng mà tôi đã đảm nhiệm hai năm trước đó, trong hơn ba năm.

Điều may mắn là trong thời gian đảm nhiệm chức vụ Phụ Tá Đặc Biệt về Kế Hoạch cho Thiếu Tướng Tư Lệnh CSQG, tôi đã được làm việc chung với Đại Tá CSQG Nguyễn Phúc, một vị sĩ quan chuyên nghiệp thâm niên của Ngành Cảnh Sát. Ông đã cùng tôi đi thăm viếng các nơi và cùng đề nghị lên Thiếu Tướng Tư Lệnh những cải tổ như tái tổ chức các Phòng, Sở tại các đơn vị, đặc biệt là các đồn Cảnh Sát Dã Chiến cần được tăng cường thêm nhân số và vũ khí.

Tuy nhiên, mặc dù công việc đang tiến triển tốt đẹp, do đề nghị của Trung Tướng Dư Quốc Đống, tôi được chuyển về lại Quân Đoàn III để đảm nhiệm chức vụ Tham Mưu Trưởng lần thứ hai cho đến ngày 30/4/1975.



PHẦN THỨ TƯ

Hội Đàm Paris

HỘI ĐÀM PARIS BẮT ĐẦU VÀO NĂM 1969 NHẪM THIẾT LẬP HOÀ BÌNH TẠI VIỆT NAM LÀ MỘT QUỸ KẾ CỦA TIỀN SĨ KISSINGER NHẪM GIÚP TỔNG THỐNG NIXON RÚT CHÂN RA KHỎI CUỘC CHIẾN VIỆT NAM TRONG DANH DỰ

Do muốn thành công nhanh chóng trong sự nghiệp chính trị của mình, Tổng Thống Nixon đã chấp nhận gian kế của ông Cố Vấn Chính Trị Kissinger cam tâm bỏ rơi các đồng minh trung thành của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á như Miền Nam Tự Do, Thái Lan, Phi Luật Tân, Nam Hàn v.v... để kết thân với tên Đại Gian Ác Mao Trạch Đông. Bằng Mật Ước Thượng Hải, Trung Cộng được Hoa Kỳ, do quyết định riêng của Tổng Thống Nixon, giao cho quyền giám sát các khu vực Biển Đông và Biển Hoa Đông. Nhờ vậy Trung Cộng tự cho mình có toàn quyền “về cái Vùng Biển

Hình Lưỡi Bò” dựa trên các chứng cứ lịch sử (chúng có lịch sử ở đây là sự thỏa thuận riêng giữa Tổng Thống Nixon và Mao Trạch Đông). Để thi hành quỹ kế của mình, ông Kissinger đã đồng thuận với Cộng Sản Bắc Việt giới thiệu Chính Phủ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (do Cộng Sản Bắc Việt nặn ra) với các thành viên của Hội Đàm Paris như một Chính Phủ hợp pháp và ngang hàng với Chính Phủ Việt Nam của Miền Nam Tự Do (đã được Quốc Tế Công Nhận như là một Chính Phủ đối đầu với Chính Phủ Cộng Sản Bắc Việt, từ lúc Hội Nghị Genève 20/7/1954)). Đây là một vấn đề căn bản về tổ chức công pháp quốc tế. Không hiểu tại sao các chính trị gia của Miền Nam không nêu ra điểm sai trái này mà lại chấp nhận ngồi ngang hàng với một tổ chức “bất hợp pháp” như Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, để cho Bắc Việt được quyền thảo luận tay đôi với Chính Phủ Hoa Kỳ, và ông Kissinger được tự do đi đêm và bàn thảo riêng với Lê Đức Thọ.

Theo nhận xét của giới trí thức Miền Nam, bản văn của Hiệp Định Paris bằng tiếng Việt nặc mùi văn của Cộng Sản Bắc Việt, có lẽ đã được họ soạn thảo giúp cho ông Kissinger (để rồi dịch ra tiếng Anh dùng làm căn bản cho mọi sự thảo luận), và đương nhiên là phải có lợi cho Cộng Sản Bắc Việt. Trong khi các chính trị gia của Miền Nam gần như không được ông Kissinger tham khảo ý kiến về những vấn đề quan

trọng này (ông Kissinger xem Cộng Sản Bắc Việt là một đồng minh thân thiết trong khi Miền Nam Tự Do được ông xem như là một kẻ xa lạ, nếu không muốn nói là kẻ thù).

Về mặt quân sự, cả hai bên, Cộng Sản Bắc Việt và Việt Nam Cộng Hòa, đều cố gắng lập nhiều chiến công để hỗ trợ cho “tiếng nói” của mình trên diễn đàn của Hội Đàm Paris. Năm 1969 và 1970, Tướng Nguyễn Việt Thanh ở Quân Đoàn IV và Tướng Đỗ Cao Trí ở Quân Đoàn III đã thành công vẻ vang trong kế hoạch Chiến Thắng Cộng Sản Bắc Việt ở khắp nơi, kể cả tại Chiến Trường Kampuchia. Nhưng sau hai cái chết bí ẩn và liên tiếp của Tướng Nguyễn Việt Thanh, tháng 4 năm 1970, và của Tướng Trí, tháng 3 năm 1971, mặt trận Kampuchia sụp đổ và sự thất bại của Cuộc Hành Quân sang Hạ Lào làm suy yếu tiềm năng quân sự của Việt Nam Cộng Hòa.

Lại nữa, Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa phải đương đầu với nhiều xáo trộn chính trị trong nước do các điệp viên Bắc Việt và các chính trị gia “xôi thịt” khuấy động. Tất cả các điểm yếu kém về quân sự và chính trị của Miền Nam chung quy đều do việc dùng người không đúng chỗ của các Cấp Lãnh Đạo Quốc Gia thích dùng những Cố Vấn thiên cận, Tướng Lãnh bất tài, họ hàng tham nhũng và thân cận kém tài đức

chỉ biết cung cấp tiền và dẫn dắt gái tơ. Đến lúc quân thù ồ ạt tiến vào thì không còn ai đứng chống đỡ, không còn người tài để đưa ra những đường lối, sách lược cứu dân, cứu nước. Những Cấp Lãnh Đạo và Tướng Lãnh là những người chịu trách nhiệm đã không chu toàn nhiệm vụ đối với Quân Đội và dân chúng. Các ông đã cùng nhau tìm đường bỏ trốn để binh lính và dân chúng ở lại, mặc cho Cộng Sản giết hại và tù đầy.

Nhìn lại những tấm gương Anh Hùng của Tổ Tiên dòng giống Lạc Hồng và gần nhất như gương của hai cụ Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Trần Văn Hương, năm vị Tướng đã tuần tiết Phạm Văn Phú, Nguyễn Khoa Nam, Trần Văn Hai, Lê Văn Hưng, Lê Nguyên Vỹ. Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Trung Tá Nguyễn Văn Long và một số Anh Hùng Vô Danh thuộc quân, dân, cán, chính Việt Nam Cộng Hoà đã tự sát sau ngày 30/4/1975, chúng tôi không còn lời gì nói đối với những “Ngài Tham Sanh Úy Tử”, như vậy mà còn muốn “phủ cờ” khi rời khỏi cuộc đời!

Trở lại những ngày Miền Nam sắp hấp hối, khi dân chúng Miền Nam thấy chủ trương khoan dầu ở Biển Đông đã thành công và được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ra khánh thành thì họ rất phấn khởi. Họ nghĩ là Miền Nam sẽ có tiền để tiếp tục cuộc chiến chống Cộng. Không hiểu vì sao các thế lực chống đối

Miền Nam lại nêu ra lý do gì rồi đơn phương đóng “miệng” các giếng khoan này. Dân chúng Miền Nam không hiểu tại sao Chính Phủ của Tổng Thống Thiệu quá dễ dãi trước thái độ phản bội và vô lý của Mỹ!

Hoa Kỳ chẳng những đã dần dần cắt bớt tiền viện trợ mà còn cắt luôn việc tiếp tế xăng dầu, súng đạn và quân dụng cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Trong khi đó, hệ thống kiểm soát không gian Mỹ phát hiện là Trung Cộng và Liên Xô ồ ạt chuyển quân lính, chiến xa, đại bác và vũ khí vào Nam cho các đơn vị của Bắc Việt (ở các vùng chúng được quyền chiếm đóng trên lãnh thổ Miền Nam) theo cái chủ thuyết vô lý “đình chiến da beo” mà ông Kissinger đã buộc Chính Phủ Việt Nam Cộng Hoà phải chấp nhận!

Sau hơn 40 năm mất nước, người dân Miền Nam nghĩ lại các sự việc nêu trên mà hối hận vì đã tin tưởng vào tinh thần yêu nước của “các ông lớn”, nên đã bầu các ông lên làm Lãnh Đạo, nhưng có lẽ các ông ấy quá hiền, hay quá ích kỷ, tham quyền cố vị vì sợ Mỹ không cho ngồi yên trên ghế lãnh đạo nữa, mà phải ngoan ngoãn làm theo những gì họ muốn! Chúng ta hãy nhìn quanh thế giới, những chế độ chính trị nào mà làm đúng những gì người Mỹ muốn đều bị họ khinh thường và bỏ rơi sau đó! Trái lại một ông Tổng Thống cứng

rắn như Duterte (?) của Phi Luật Tân, dù là con người quá ác nhưng hiện nay đã dám đương đầu lại với Mỹ.

Như chúng tôi đã nói qua ở các đoạn trên của bài viết này, duyên số đã cho chúng tôi cơ hội tốt gặp và bàn luận về tình hình đất nước với một vài đàn anh, những người này đều tốt nghiệp Cử Nhân Luật Pháp trước năm 1945, trong các trại tù ở Bắc Việt. Trong hoàn cảnh thuận tiện cùng sống chung trong một căn phòng giam, tôi đã thường bàn luận với Đại Tá Phạm Ngọc Lợi, cựu Giám Đốc Nha Xã Hội của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, Đại Tá Đàm Trung Mộc, thuộc Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia và thỉnh thoảng mới gặp được Luật Sư Trần Văn Tuyên, vì ở khác phòng nên khó gặp. Các ông này đều chỉ trích đường lối chính trị của ba ông Thiệu, Kỳ và Khiêm. Ba vị này đã bị các chính trị gia Mỹ ly gián và CIA đe dọa nên không đoàn kết và chịu ngồi lại cùng một bàn để tìm ra một sách lược có lợi cho đất nước thay vì đấu đá với nhau để làm vừa lòng Mỹ.

Mùa hè đỏ lửa năm 1972 là một “đợt tấn công rất mạnh” của Bắc Việt vào các Tỉnh và Thị Xã quan trọng của Miền Nam như Quảng Trị, Kontum và An Lộc, là một âm mưu của Cộng Sản Bắc Việt nhằm đo lường khả năng phòng thủ của Việt Nam Cộng Hoà. Đồng thời đánh giá quyết tâm Chính Phủ Mỹ và Thế

Giới Tự Do trong việc bảo vệ Miền Nam Việt Nam. Bắc Việt, với sự giúp đỡ tốt độ của Nga-Tàu, dự trù xé bỏ Hiệp Định Paris trong một tương lai gần và xua 20 Sư Đoàn Tân Lập của họ, được Nga-Tàu trang bị vũ khí tối tân vào cưỡng chiếm Miền Nam, có lẽ vì họ đã được ông Kissinger cho biết là Hoa Kỳ sắp bỏ rơi Miền Nam. Ông Kissinger rất có ác cảm với Tổng Thống Thiệu và các viên chức ngoại giao của Miền Nam.

Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn của Việt Nam Cộng Hòa, quân và dân đã đoàn kết, chiến đấu quyết liệt để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ. Phía Bắc Việt bị thua trận rất lớn, thiệt hại gần 100 ngàn quân, vì Mỹ muốn giúp cho Miền Nam Việt Nam lần cuối, nên đã thả rất nhiều bom B.52 tại Cổ Thành Quảng Trị, tại Kontum và cả tại An Lộc, gây sự kinh hoàng và buộc chúng phải rút lui. Nhưng chúng đã trở lại vào ngày 30/4/1975 vì chúng biết chắc là Miền Nam sẽ bị người bạn đồng minh phản bội và bỏ rơi. Trong khi Bắc Việt đưa hết 20 Sư Đoàn tân lập của chúng vào Nam thì Trung Cộng đã lén lút đưa nhiều Sư Đoàn của chúng, ăn vận quân phục lính Bắc Việt, sang đất Bắc để thay thế gìn giữ hậu phương cho Bắc Việt. Không Quân Hoa Kỳ theo dõi và biết hết việc này nhưng ông Cố Vấn Kissinger xoa tay thích thú vì ông nghĩ là đã giải quyết xong Cuộc Chiến phiền toái Miền Nam Việt Nam. Ông cũng vui mừng vì đã trả thù được Tổng Thống Thiệu

và các Chính Trị Gia non nớt, tay chân của ông Thiệu, đã không đối xử với ông y như ông muốn, chẳng hạn bắt ông phải chờ đợi rất lâu mỗi khi ông xin gặp Tổng Thống Thiệu (tài liệu do Luật Sư Lâm Lễ Trinh viết sau khi ghi nhận tin tức qua các lần ông phỏng vấn những Nhân Vật quan trọng của Chế Độ Đệ Nhị Cộng Hòa và ông hoàng Shianook (là bạn học cũ) sau 30/4/1975.)

Khi Miền Nam sụp đổ, chỉ có các cấp Lãnh Đạo, Tướng Lãnh, cộng thêm một số quân nhân tín cẩn đã phục vụ đặc lực cho các “ông xếp” hay “bà xếp” về mọi mặt (tiền bạc cho các bà, gái đẹp cho các ông) hay những sĩ quan nằm trong hệ thống tham nhũng nên có tiền lo cho các sĩ quan được Bộ Tổng Tham Mưu giao phó nhiệm vụ lo di tản quân nhân cấp cao được đi trước. Các ông đó mới có thể theo chân đàn anh bỏ nước ra đi đúng lúc, trước ngày 30/4/75. Các sĩ quan có tinh thần trách nhiệm, hoặc chờ lệnh của Tổng Thống Trần Văn Hương cho phép di tản “đều phải ở lại với quân và dân cả nước, chịu cái nổi nhục của một người dân mất nước.” (đó là lời nói của Cố Tổng Thống Trần Văn Hương, một nhân vật Lãnh Đạo có liêm sỉ đã từ chối bỏ nước ra đi và đã trả lời với Đại Sứ Mỹ Martin câu trên, khi ông này đến gặp ông vào ngày 30/4/1975 để mời ông ra đi và bảo đảm với ông là Mỹ sẽ đài thọ cho ông một cuộc sống đầy đủ ở ngoại quốc).

Bắc Việt đã đơn phương xé bỏ Hiệp Định Paris, xua quân vào cưỡng chiếm Miền Nam. Liên Hiệp Quốc, Hoa Kỳ và 13 Quốc Gia của Thế Giới Tự Do đã ký bảo đảm sự thi hành nội dung của Hiệp Định Paris, đã làm ngơ và khoanh tay đứng nhìn việc Bắc Việt đã trắng trợn vi phạm Hiệp Định Paris khi chúng xua 20 Sư Đoàn của chúng vào cưỡng chiếm Miền Nam. Sự việc này đã làm cho Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa phải sụp đổ. Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà trong cô thế đã bị bức tử và tan rã. Thảm cảnh này đã đến với người dân Miền Nam Việt Nam sau hơn 40 năm chống Cộng Sản, rồi họ lại bị người bạn Đồng Minh phản bội và cả tập thể yếu hèn của Thế Giới Tự Do bỏ rơi. Ông Kissinger, cũng như Hitler hồi Đệ Nhị Thế Chiến đã chủ trương tiêu diệt hết dân Do Thái, muốn triệt tiêu hết người dân Miền Nam khi quyết định đưa họ vào sống dưới Chế Độ “sắt máu” của Cộng Sản.

Ông đã xóa bỏ tên Việt Nam Cộng Hòa trên bản đồ thế giới! Ông Kissinger và dân tộc nước ông sẽ phải trả “cái quả báo” này trong tương lai vì ông đã đề nghị với Tổng Thống Nixon thi hành một Sách Lược chính trị chỉ có lợi nhiều cho Trung Cộng, Hoa Kỳ và cho nước Do Thái của ông. Một việc làm không có “hậu tình”, khiến cả Thế Giới xem Hoa Kỳ như một nước “không còn đáng tin cậy”, nếu không muốn dùng danh từ “phản trắc”. Ngoài ra, cũng do cái đầu óc thấp kém

của ông Tiến Sĩ này mà giờ đây Trung Cộng đã thành một đối thủ nguy hiểm chẳng những cho Hoa Kỳ mà cho cả Thế Giới Tự Do.

Ngày Tổng Thống Donald Trump vừa đắc cử (20/11/2016), người dân Mỹ rất ngạc nhiên khi thấy trên ti-vi ông Tiến Sĩ “già nua và hết thời” Kissinger này lảng vảng chung quanh nhóm người thân cận của Tân Tổng Thống Donald Trump. Rồi sau đó lại nghe tin ông Kissinger “cấp cây dù” đi qua Trung Cộng gặp Tập Cận Bình có lẽ để hiến kế cho ông này tiếp tục kết thân với Mỹ! Sao ông không mau chân theo ông Mao Trạch Đông xin ân thưởng xứng đáng? Sao ông còn ở lại thế gian này làm gì? Chắc ông còn muốn đưa ra thêm một vài quỷ kế nữa để hại những người dân nước cô thế như Miền Nam Việt Nam ngày xưa?

Trở lại câu chuyện hơn 40 năm về trước, khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bỏ nước ra đi nhường quyền lãnh đạo đất nước cho Tổng Thống Trần Văn Hương. Cũng chính tên Cáo Già Kissinger này đã hợp lực với các Chính Trị Gia chủ bại Mỹ và bọn lãnh đạo Bắc Việt, đã cố thuyết phục Đại Tướng Dương Văn Minh, người đã bị Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa loại ra khỏi Chính Quyền từ lâu vì đã cố ý theo phía Cộng Sản Bắc Việt, đứng ra yêu cầu Tổng Thống Trần Văn Hương nhường quyền Lãnh Đạo đất nước lại cho ông.

Trước sự tán thành của một Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa bị phân hóa bởi các gián điệp Cộng Sản và đảng phái thân Cộng, Tổng Thống Trần Văn Hương bị cưỡng ép trao quyền lại cho Tướng Dương Văn Minh, người mà Bắc Việt buộc Hoa Kỳ đưa lên để lập Chính Phủ Trung Lập với ba thành phần theo mưu kế của chúng. Đây chỉ là một trò bịp bợm vì chỉ hai ngày sau, ông Dương Văn Minh, bị ông em là Trung Tá Cộng Sản và ông thầy tu Thích Trí Quang khuyến dụ, ra lệnh cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà phải buông súng đầu hàng địch quân. Toàn bộ Chính Phủ kể cả ông Minh đều bị quân Bắc Việt tràn vào bắt nhốt hết. Thế là cả Miền Nam đi vào tù! Có khi cả ba thế hệ gặp nhau trong tù (ông nội mang cấp Đại Tá, con trai là Thiếu Tá và cháu nội là Thiếu Úy v.v...).

Cái được gọi là “Trại Cải Tạo” của Bắc Việt thực chất là một “Trại Tù Khổ Sai”, rập khuôn theo các trại giam của Cộng Sản Liên Xô thời kỳ Staline và của Trung Cộng thời kỳ Mao Trạch Đông. Nơi đó, những người chống lại Cộng Sản sẽ bị giam cầm “vô hạn định”, bị cán bộ Cộng Sản hành hạ về thể xác và tinh thần, còn được gọi là “tẩy não”. Các trại viên tù Cải Tạo phải lao động ngoài sức chịu đựng để được cấp mỗi ngày, sáng và chiều, một bát sắn lát trộn với vài hột cơm và bốn muỗng cà-phê nước muối. Sau khoảng 4 năm bị giam giữ mới cho tù nhân gởi thư về nhà xin

gởi cho họ mỗi năm hai lần và mỗi lần một gói quà 3 ký để kéo dài sự sống. Có một số tù nhân đã phải tự kết liễu đời mình vì không chịu nổi sự tra tấn về tinh thần và thể xác. Nhiều người khác bị chết vì đói hay bệnh truyền nhiễm như kiết lỵ, rét rừng, lao phổi. Dù trại giam không có thuốc trị bệnh nhưng lại tịch thu thuốc của tù nhân đã mang theo viện cớ là sợ tù có thể trốn trại nếu có thuốc. Anh ruột của người viết bài này là Trung Tá Ngô Văn Sang đã chết vì bệnh kiết lỵ trong trại tù ở Thác Bà. Chính người viết bài này cũng suýt chết vì bệnh kiết lỵ trong trại tù Yên Bái nếu không được Đức Mẹ Maria cứu sống (hoàn cảnh đặc biệt này sẽ được kể trong đoạn “Ơn kêu gọi của Chúa” bên dưới).

Địch đã lợi dụng việc thời gian giam giữ không có hạn định để tổ chức “hệ thống báo cáo” (được tù nhân đặt tên là “hệ thống ăn-ten”) nhằm yêu cầu những tù nhân nào muốn được trả tự do sớm phải cộng tác với chúng.

Những tù nhân có dã tâm phản bội lại anh em tù phải báo cáo cho Cộng sản những tư tưởng, lời nói hay hành động có tính cách chống đối Chế Độ Cộng Sản. Đổi lại, theo lời khuyến dụ của trại, những người tù nhẹ dạ này được Cán Bộ Trại coi như “những phần tử tiến bộ”, sẽ được đề nghị trả tự do sớm. Phương cách thâm

độc này gây thêm cho người tù một sự lo âu vì phải sống trong một môi trường “không còn biết ai là bạn và ai là thù”. Những tù nhân “phản bội” này được cho biệt danh là “antenne” (với nghĩa bóng là các tên này nghe ngóng những lời nói hay hành động của các bạn tù cùng chung số phận, báo cáo ngay cho bọn Cộng Sản, hy vọng chúng sẽ trả tự do sớm hoặc cho làm công việc nhẹ. Có những tù nhân khác được gia đình (dùng tiền tham nhũng trước kia hoặc được bà con đang ở nước ngoài gửi về) để dứt lốt, biểu xén, chu cấp cho các cán bộ trong trại cũng với hy vọng được trả tự do sớm. Các “ông tù phản bội lại anh em” này đã lắm to! Có bao giờ cán bộ Cộng Sản trả tự do cho những tù nhân mà chúng có thể sử dụng để xâm nhập vào các tập thể tù nhân. Đó là những “vú sữa/tên nằm vùng” đang bị lợi dụng nên không thể cho về sớm được!

**TÌM ĐƯỢC TÊN CỔ NHÂN TRÊN NHẬT BÁO
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN CỦA CỘNG SẢN VÀO
MỘT NGÀY CỦA MÙA ĐÔNG NĂM 1987 (?)
SAU 19 NĂM IM HỜI LẶNG TIẾNG (1968-1987).**

Dịp may đã đến cho các người tù khổ sai của Việt Nam Cộng Hòa khi Tổng Thống Ronald Reagan đắc cử Tổng Thống Mỹ (nhiệm kỳ 1 vào năm 1981). Ông đã quyết tâm sửa sai đường lối chính trị “thiếu hậu tình” của Tổng Thống Nixon và Cố Vấn Kissinger khi

lấy quyết định bỏ rơi Miền Nam vào ngày 30/4/1975. Theo tờ báo Quân Đội Nhân Dân của Cộng Sản mà các tù nhân chúng tôi phải nghe đọc mỗi đêm trước khi được phép đi ngủ, có loan tin một Phái Đoàn của Chính Phủ Hoa Kỳ do Đại Tướng John W. Vessey cầm đầu đã đến Hà Nội thảo luận về việc Hoa Kỳ sẽ cấp cho Bắc Việt “một số tay chân giả” để chỉnh hình cho các phê bình Cộng Sản (nhưng ngược lại Bắc Việt phải lập tức thả hết các tù binh của Việt Nam Cộng Hòa mà họ đã giam cầm trái phép). Chính Phủ Mỹ cho biết sẽ nhận hết các tù binh này và cho họ sang Mỹ tị nạn. Phái đoàn Mỹ do Tướng Vessey cầm đầu gồm có khoảng 7 thành viên trong số đó tôi thấy rõ tên ông André Sauvageot, người mà tôi đã có dịp tình cờ gặp gỡ gần 20 năm trước, trong hai trường hợp rất đặc biệt. Ngay khi nghe được bài báo đó, tôi có linh cảm là ngày tôi có thể trở về với Thế Giới Tự Do đã gần kề!

Các bạn tù của tôi ngạc nhiên khi thấy tôi “bỏ hút thuốc lòn”, một tật xấu mà tôi đã mắc phải khi bắt đầu vào sống trong tù Cộng Sản 13 năm trước. Cho đến ngày nay, tôi chưa bao giờ tiết lộ với ai những gì tôi đoán biết về trường hợp của chúng tôi.

NGƯỜI TÙ H.O. (Humannitarian Operation)
Đại Tướng John W. Vessey, Đặc Sứ của Tổng Thống Reagan yêu cầu Cộng Sản Bắc Việt cho ông đi thăm

một số trại “Tù Cải Tạo” ở Miền Bắc Việt Nam. Ông đã chứng kiến tận mắt tình trạng đau yếu, bệnh tật của những chiến sĩ chống Cộng một thời của Việt Nam Cộng Hòa trước ngày 30/4/1975. Ông đã viết một số cảm nghĩ rất thân thương về những người tù cải tạo mà ông gọi là những “Anh Hùng của thời đại chúng ta”, những người mà một số quân và dân Miền Nam (đã nhanh chân bỏ nước ra đi hồi năm 1975) đặt cho cái biệt danh là H.O. với cái ý nghĩ không mấy thiện cảm!

Sau đây là một vài lời nói của Đại Tướng John W. Vessey: “The term H.O. is a badge of courage, service and sacrifice, and those who fall within that context of the term are among the true heroes of our time”(Tạm dịch: Danh xưng H.O. là một biểu tượng của tính can trường, tinh thần phụng sự và lòng hy sinh, và những ai thuộc vào giữa nội dung của thuật ngữ này đều là những anh hùng thật sự của thời đại chúng ta.)

Tôi được trả tự do vào tháng Giêng năm 1988 sau khi bị giam gần tròn 13 năm. Như các bạn tù, tôi phải trải qua 13 năm tù khổ sai ở nhiều trại liên tiếp, tại Miền Bắc Việt Nam, từ Yên Bái đến Thác Bà, cuối cùng ở trại tù khủng khiếp Nam Hà, có biệt danh là trại tù “Đầm Đùn”. Mỗi trại chỉ ở có 5 hoặc 6 tháng, một thời gian vừa đủ để tù nhân lên rừng đốn cây, chặt lồ-ô (tức là cây chôm), xây dựng trại, trồng rau, trồng lúa,

chưa kịp gặt thì phải di chuyển đi qua một khu rừng mới để làm lại từ đầu. Cộng Sản có rất nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và hành hạ tù nhân là không bao giờ cho tù nhân rảnh tay!

Sáng phải thức dậy lúc 5 giờ. Với bụng đói, chúng tôi bị cán bộ võ trang súng dài đưa lên khu rừng già, cách trại độ 7 hay 8 cây số, đốn gỗ hoặc chặt lồ ô về để dựng trại mới. Nếu là lồ-ô thì tiêu chuẩn là 30 cây, mỗi cây dài 5 thước, cho buổi sáng và 20 cây cho buổi chiều. Chúng tôi phải tự vác tất cả cây chặt được, đi bộ về trại lúc gần 12 giờ trưa, ăn một chén sắn lát trộn vài hột cơm. Đến 1 giờ trưa chúng tôi lại phải trở ra rừng làm việc tiếp cho đủ chỉ tiêu yêu cầu và vác về trại lúc 5 giờ chiều. Sau khi ăn vài hột cơm và sắn, chúng tôi đi tắm ở suối cạnh trại. Đến 6 giờ chiều lại phải vào trại. Cán bộ đến điểm danh lúc 7 giờ tối, nghe cán bộ phê bình tư cách làm việc trong ngày, mắng chửi những gì chúng muốn, rồi cho vào các dãy nhà tranh, do chính tù nhân dựng lên, để buộc phải nghe đọc báo Đảng Cộng Sản và nghỉ đêm.

Trong đêm vắng lạnh của núi rừng miền Bắc Việt, tù nhân chỉ nghe những tiếng thở dài của người bạn tù nằm bên cạnh, hồi tiếc cuộc sống tự do ở Miền Nam trước kia. Họ trần trọc vì lo cho đời sống của vợ con ở nhà hoặc lo cho số tiền to lớn mà họ đã lấy cắp

được trước kia, không biết có còn hay không. Họ oán trách những cấp chỉ huy vô trách nhiệm đã chạy thoát thân để họ và gia đình gánh chịu cảnh đói khổ và tù đầy. Giờ đây các ông lớn yên tâm sống ở nước ngoài mà không có một hành động gì để can thiệp cho đàn em bị bỏ lại.

Các quân nhân bị tù đầy cũng không hề nghe sự yêu cầu của các cấp chỉ huy cũ, xin Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế cung cấp thuốc trị bệnh hay lương thực cho thuộc cấp đã từng hết lòng hy sinh khi phục vụ cho đất nước và giúp các ông được thăng chức và thành công trong cuộc đời binh nghiệp cũng như trong chính trường. Còn có một vài ông thuộc hàng ngũ lãnh đạo cao cấp của Quốc Gia trở về đầu hàng với giặc, xin chúng cho hưởng một ít quyền lợi để sống hết cuộc đời “lừa thầy phản bạn” của mình!

Màn kịch đã chấm dứt! Các Tướng “Quảng Lạc”, danh từ dùng chỉ các ông Tướng trong các “tuồng hát” hồi xưa, đã biến đâu hết để lại dân chúng Miền Nam Việt Nam và Thương Phế Binh tàn tật gánh chịu Chế Độ Ác Độc của kẻ thù.

Xin cầu nguyện Vong Linh của Tổ Tiên Dòng Gióng Tiên Rồng và các Anh Hùng Tử Sĩ giúp cho các Người Trẻ yêu nước đang tranh đấu cho Dân Chủ và Dân Quyền ở Việt Nam vững lòng và quyết tâm lật đổ

Bạo Quyền Cộng Sản, phục hưng xứ sở. Ngày đó tất nhiên phải đến cho Dân Tộc Việt Nam.

KHI NGƯỜI TÙ H.O TỊ NẠN GẶP LẠI CÁC CẤP CHỈ HUY CŨ VÀ ĐỒNG BÀO Ở MỸ.

Trở lại vận mạng của những cựu quân cán chính Việt Nam Cộng Hoà khi được Tổng Thống Reagan cho sang Mỹ tị nạn, có một số cấp chỉ huy rã ngũ, bỏ thuộc cấp chạy qua Mỹ vào ngày 30/4/1975, được các ông chủ Mỹ cũ cho vào làm thư ký ở các Sở Xã Hội để lập hồ sơ trợ cấp cho người Việt Nam tị nạn đến đây sau 30/4/1975. Khi các “Ông Kẹ” này, quen thói “thượng đội hạ đạp” thời thực dân, không đối xử tử tế với các quân nhân đã ở lại chiến đấu, thay cho mình ngồi tù, mới sang tị nạn. Họ giữ thái độ lạnh nhạt như chưa từng quen biết, lúc nào cũng cho mình vẫn là ông lớn! Họ có ngờ đâu có những quân nhân H.O. tuy đã chịu tù hơn 10 năm mà giờ đây được Thượng Đế ban phước, đã học rất nhanh, đỗ đạt rất cao và giữ được những chức vụ hữu ích trong xã hội Mỹ, hơn hẳn chức vụ Thư Ký của Sở Xã Hội Mỹ mà các ông được các Xếp Mỹ cũ ban cho. Những con người này cũng thuộc loại những con người Việt Nam bị các Chế Độ Thuộc Địa (Tàu và Pháp) phân hóa nên không còn thuộc Dòng Giống Tiên Rồng của Việt Nam nữa! Có một số người Việt may mắn cũng chạy được qua Mỹ hồi 1975, đã

nghe dư luận của một số người Việt bị địch tuyên truyền, cho là họ phải đóng thêm nhiều tiền thuế để nuôi mấy “ông H.O. ăn hại” này nên đã bày tỏ thái độ tiêu cực đối với việc Chính Phủ Mỹ cho những người tù H.O. qua đây tị nạn. Một số người Việt khác cũng sang Mỹ từ năm 1975 cũng thường dùng “danh tù H.O.” với một hàm ý không đẹp cho lắm!

Trường hợp cá biệt, có một ông cựu phi công của Không Quân Miền Nam còn chê các ông H.O. ngu dốt không biết tiếng Anh, phải nhờ ông điền giấy tờ xin việc gì đó khi mới đến Mỹ. Nhận xét này có thể đúng đối với một số người nào đó nhưng chúng ta cũng không nên “vơ đũa cả nắm”, nhất là đối với một người “có học” như ông Phi Công này thì không nên “ăn nói hàm hồ” như thế!.

Tuy nhiên bên cạnh những người có thành kiến với H.O., cũng có những chiến hữu rất tốt bụng đã hết lòng giúp đỡ các người bạn H.O. trong những bước đầu tại xứ người. Đây là những tấm lòng vàng, đúng theo câu ca dao: “Nhiều điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng”.

Như đã nói ở trên, dựa theo báo cáo của Đại Tướng John Wesley về tình trạng bi đát của các tù nhân chống Cộng bị tạm giữ quá lâu nên Tổng Thống Ronald Reagan đã quyết định cho tất cả các tù nhân bị

giam giữ trên 3 năm đều được sang Mỹ định cư cùng với gia đình của họ, do đó không phải tất cả những người tù mang danh hiệu H.O. đều là sĩ quan của QLVNCH.

“Một con sâu làm rầu nồi canh”, một thành ngữ của Cha, Ông chúng ta để lại có thể giải thích tại sao số đông người Việt Quốc Gia sang đây hồi 30/4/1975 đã xem tất cả tù nhân H.O. là người dốt. Thật ra nhận xét này không đúng. Riêng tôi được biết có một Bác Sĩ phục vụ trong binh chủng Biệt Động Quân tên là Diêm (?), một ông Bác Sĩ phục vụ trong Sư Đoàn 2 Không Quân, nhiều Giáo Sư có bằng Cử Nhân Văn Chương hay Cử Nhân Luật Khoa (như Luật Sư Trần Văn Tuyên, Đại Tá Phạm Ngọc Lợi, Đại Tá Đàm Trung Mộc v.v...) đều không phải là người dốt. Điều đáng trách là có một số anh em có thành tích chống Cộng rất cao lại gồm các thành phần như Đảng Phái Quốc Gia chống Cộng, Nhân Dân Tự Vệ, các Xã Trưởng, Ấp Trưởng, vì lý tưởng hay vì gia đình họ bị Việt Cộng sát hại nên đã giết lại chúng rất nhiều để trả thù. Một ông già 70 tuổi làm Nhân Dân Tự Vệ ở Miền Tây, chỉ làm Nhân Dân Tự Vệ lại bị đày ra Bắc vì bị các Việt Cộng nằm vùng tố cáo là một người hăng say chống Cộng. Đây là những phần tử trung kiên của QLVNCH nhưng là kẻ thù của Việt Cộng khiến chúng đã đẩy các ông này ra đất Bắc. Đối với những tù nhân H.O. này, chúng

ta không thể đòi hỏi họ một sớm một chiều có thể hội nhập vào một Thế Giới Văn Minh như Xã Hội Mỹ. Nếu họ còn trẻ, chúng ta có thể đề nghị với họ tham gia một lớp học Anh Ngữ ESL để sau đó tìm học một nghề và gia nhập vào Lực Lượng Lao Động của Quê Hương thứ hai này. Đối với những người lớn tuổi hơn 60, 70 thì chỉ nên giúp đỡ họ có một cuộc đời khá dĩ đầy đủ, sau bao nhiêu hy sinh cho sự nghiệp chống Cộng và chịu tù đầy. Thật ra có một số điểm sai lầm của các anh em H.O. là “có một cách sống quá thụ động”, không chịu tìm một việc làm “dù rất khiêm nhường” thay vì chỉ thích tụ tập ở các quán ăn, tại khu “Phước Lộc Thọ”. Suốt ngày họ chỉ nghe nhạc hoặc tin tức từ các loa (loud speaker) trong các quán ăn, uống bia, cà phê hoặc ăn những thức ăn Việt Nam. Họ không phải đi làm nhờ được lãnh tiền dành cho người già (aged people) hay tiền dành cho người bị khuyết tật (disable people). Đó là trường hợp mà người ta gọi là “trâu cật ghét trâu ăn”, nói lên lối sống vô ý thức của mấy ông H.O. làm cho một số đồng hương ở Bolsa (sang đây đã lâu, có công việc làm ăn và đời sống ổn định), không thể chấp nhận có những đồng hương được sống phè phỡn như thế mặc dù trước kia khi mới sang tị nạn hồi 30/4/1975, chính họ cũng lãnh tiền phụ cấp tị nạn, có thể còn lâu hơn, khi chưa tìm được việc làm. Nhưng hành động sai trái của một thiểu số tù H.O., nếu có

khiến cho vài đồng hương định cư sớm hơn ở Mỹ không vừa lòng nên thường chê trách. Theo thiên nghĩ của tôi, những ông H.O. còn đáng được giúp đỡ hơn các “chị em ta” được mấy ông lính G.I. Mỹ dắt theo về Mỹ ngày 30/4/1975! Cũng có trường hợp những ông tù H.O. quá ngây ngô đã tin rằng họ sẽ được Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia hân hoan đón tiếp họ như những chiến sĩ đã ở lại chiến đấu, vào ngày Quốc Nạn, để cho các cấp Lãnh Đạo, Tướng Lãnh và đàn anh yên tâm tẩu thoát trước khi được Tổng Thống Trần Văn Hương cho phép. Các tù nhân ngây ngô này do nhận được thư từ của bà con ở Mỹ gửi về để an ủi hay để nâng cao tinh thần cho các tù nhân đã trải qua nhiều năm khổ nhục, nên họ đã in trí họ sẽ được đồng hương đón tiếp nồng hậu, “có một vài ông còn thảo sẵn những bài diễn văn để đọc khi được đón tiếp trọng thể” (sic)! Thực tế sẽ làm cho họ thất vọng hoàn toàn. Đến Mỹ họ được xem như một loại công dân hạng hai vì họ chưa có Quốc Tịch Mỹ, chưa có xe riêng, chưa có nhà, chưa có việc làm!

SỰ PHÂN HÓA CỦA NHỮNG NGƯỜI VIỆT NAM TỪ NHỮNG NĂM 1965-1966.

Đúng như Tổng Thống Ngô Đình Diệm dự đoán, việc Hoa Kỳ đưa Quân Đội vào Miền Nam chẳng

những làm mất Chính Nghĩa Quốc Gia trong sự nghiệp chống Cộng mà còn làm rối loạn nền Kinh Tế và Xã Hội của đất nước Miền Nam Việt Nam (giống như nước Pháp khi được Quân Đội Mỹ giải phóng khỏi Lực Lượng Đức Quốc Xã, hồi Đệ Nhị Thế Chiến và Quân Đội Mỹ đã đóng quân tại Pháp gần 10 năm, làm sụp đổ nền kinh tế Pháp và rối loạn Xã Hội Pháp). Lẽ dĩ nhiên, khi lính Mỹ vào chiến đấu giúp Miền Nam Tự Do chống lại Cộng Sản thì cũng như đã xảy ra tại Pháp, lính Mỹ tung tiền ra rất nhiều để giữ mức sống quá cao của họ, nên sự kiện này chỉ có lợi cho các nhà tư bản Việt và Hoa. Trái lại, tình trạng đó làm sụp đổ nền Kinh Tế Việt Nam và nhất là đảo lộn Trật Tự của Xã Hội Miền Nam. Đồng lương của một Thiếu Tá liên khiết trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà chưa bằng tiền của một cô gái bán rượu trong các “bar Mỹ”. Một thư ký dân sự làm trong các Cơ Quan Mỹ như USUM, USAID lãnh lương hơn lương của một Đại Tá Việt Nam nếu không tham nhũng.

Do có một số người Việt Nam làm những nghề không lương thiện khi Quân Đội Mỹ ồ ạt đổ vào Việt Nam những năm 1965-1966 và kế tiếp như buôn lậu sản phẩm Mỹ từ các kho hàng P.X của Mỹ tuồn ra hoặc ma túy từ các tàu biển đưa vào. Phần lớn việc buôn lậu do các bà vợ các ông lớn cầm đầu hoặc bao che. Giới quân sự của Quân Đoàn III và Quân Khu 3 đều biết vụ

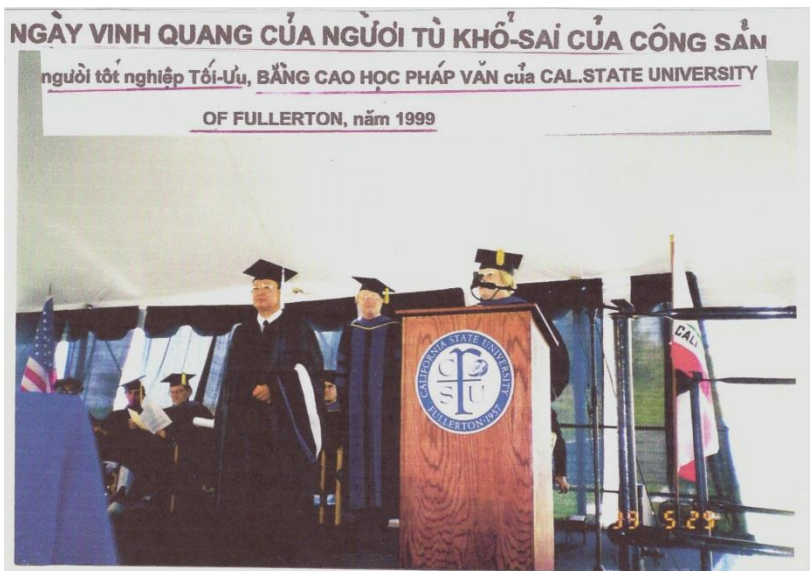
buôn lậu gây ra nhiều tai tiếng vào đầu năm 1974 có tên “Vụ Còi Hụ Long An” làm rung chuyển nền móng của Miền Nam trước khi sụp đổ. Bà lớn nào đã hỗ trợ cho “Phi Vụ Kinh Khủng” này? Chỉ có CIA mới biết nhưng có lẽ chúng không còn bận tâm nữa vì Miền Nam sắp bị Mỹ phản bội và Liên Hiệp Quốc bỏ rơi rồi!

Sự biến chất của đa số con người Miền Nam trải qua thời kỳ chiến tranh chống Cộng dai dẳng đã lần hồi biến thành một bản chất khó gột rửa. Rồi đến khi chen lấn nhau bỏ nước chạy sang Mỹ, tập thể người Quốc Gia hư hỏng này lại mang theo cái tính chất bất lương đó. Sang Quê Hương thứ hai, thay vì học theo lối sống trung thực của người Mỹ da trắng gốc từ Âu Châu sang tị nạn thì họ lại bắt chước dân Mễ Tây Cơ và dân Trung Đông, mà đa số có truyền thống kém đạo đức, ăn chơi, rượu chè, trai gái, sử dụng và buôn bán ma túy v.v.... Việc Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia của chúng ta khó thực hiện được sự Đoàn Kết ngay từ lúc mới sang cũng do những yếu tố phức tạp đó. Giờ đây sự Đoàn Kết có tiến bộ rất nhiều nhưng nếu so với các Cộng Đoàn người Nhật, người Nam Hàn v.v... thì cũng chưa đúng mức. Vì vậy, khi thấy một Người Việt Quốc Gia mới qua định cư (để phân biệt với bọn Việt Cộng vì chúng không bao giờ tự cho chúng thuộc Dòng Giống Tiên Rồng mà chúng chỉ là con cháu của tên “Hò Tào Cộng”), thì đồng bào Việt Nam phải hướng dẫn các

bạn mới sang học một nghề để làm việc và đóng thuế cho Quê Hương thứ hai, không nên chỉ cho người Quốc Gia ta cách “đi làm lãnh tiền mặt” để trốn thuế và sống ngoài “dòng chính của Xã Hội Mỹ” (the American main stream). Làm điều gì phải nghĩ đến sự “tự hào của dân tộc Việt Nam.

Ngày tôi đến phi trường Los Angeles, sau ngày sinh nhật thứ 62 của tôi hai ngày, những cháu nhỏ, trong vòng bạn bè quen biết, khuyên cáo tôi nên tạm thời xin Giấy Chứng Nhận của Bác Sĩ là tôi có bệnh thần kinh (do bị tù Cộng Sản giam 13 năm và đã ở tuổi 62), và chờ đến 65 tuổi thì được lãnh tiền già. Tôi suy nghĩ cả mấy ngày vì chưa có kinh nghiệm về đời sống ở Mỹ lúc bấy giờ, mặc dù trước kia tôi đã có sang Mỹ du học 2 lần (nhưng chỉ trong vòng tối đa một năm rồi lại phải trở về nước). Tuy nhiên tôi cảm thấy nếu làm theo lời các cháu đó thì cuộc đời của tôi coi như sẽ đi vào “ngõ cụt”, không còn là một con người hữu ích cho Xã Hội nữa! Nhớ lại thời vàng son, tôi đã cùng Ông Thầy tôi, Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, xông pha trận mạc, giáng cho quân Bắc Việt nhiều đòn chí tử. Giờ đây, sau 13 năm tù đầy, tại sao tôi lại chịu ngửa tay xin tiền xã hội để sống. Tôi dứt khoát phải đi làm. Lúc đầu, tôi tự tìm việc “làm bằng tay chân” ở các trạm bán xăng, rồi tôi xin vào làm việc ở các xí nghiệp Mỹ. Cuối cùng, tôi thi đỗ vào làm công chức bán thời gian tại các

học khu Fullerton làm Giảng Viên Pháp Văn ở Fullerton College và Học Khu Garden Grove để phục vụ tại các trường Trung và Tiểu Học của Chính Phủ Mỹ. Suốt mấy năm đầu, “ngày tôi đi làm để tự kiếm sống, đêm tôi vào College học lại từ đầu” (vì Mỹ không công nhận các bằng Tú Tài và Cử Nhân Văn Chương Pháp của tôi). Tôi bỏ ra gần tròn 8 năm để cuối cùng tốt nghiệp (Tối Ưu) bằng Cao Học ngành Văn Chương Pháp (graduated Master Degree in French with First Class Honor).



Ngày mãn khóa 29/5/1999 tại Đại Học California State University Fullerton, tôi được ông Giám Đốc Trường Nhân Văn và Sinh Ngữ (một trong

bảy trường của Đại Học CSU Fullerton) gọi tên đầu tiên lên Khán Đài để giới thiệu với cử tọa gồm đa số là sinh viên trẻ Mỹ và ngoại quốc. Tôi là một cựu Đại Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã tốt nghiệp “Tối Ưu” bằng Cao Học Văn Chương Pháp, ở tuổi 68. Đó là một niềm Hãnh Diện cho riêng tôi và cho đất nước Việt Nam, đã bị đắm chìm trong lãng quên (một cựu Đại Tá, chịu tù khổ sai gần tròn 13 năm, một người lính mà Quân Đội đã tan rã , một người dân không còn đất nước!). Tất cả chúng ta đều bị Đồng Minh phản bội, bị các Tướng Lãnh và cấp Lãnh Đạo vô trách nhiệm không dám hy sinh vì vận mạng của đất nước mình. Chúng ta là nạn nhân của ông Tiến Sĩ Kissinger thiên cận, ngây ngô, chưa biết một tí gì về Mưu Đồ của Cộng Sản Quốc Tế. Ông và Nhân Dân của đất nước D.T. của ông còn phải trả cái Quả Báo khi chủ trương xóa tên nước Việt Nam Cộng Hoà trên Bản Đồ Thế Giới!

Tuy rất hãnh diện vì đã đạt được một thành công nhỏ bé, lấy lại được Danh Dự cho một người tù H.O. mà một số bạn bè cũ không dám gọi điện thoại khi mới đến Mỹ để hỏi thăm, vì có lẽ lắm tưởng tôi sẽ mượn tiền họ. May thay sự buồn tủi của tôi, đã được xoa dịu bởi một số đồng ngũ (đã không quên bản chất thành thật của tôi, một sĩ quan chưa bao giờ ăn của đút lót để dâng cho các ông xếp hay dặt gài cho các ông ấy để được thăng cấp một cách bất xứng), đã đến giúp đỡ và

khuyến khích tôi khi thấy tôi trở vào College để học lại ở tuổi trên 62. Tôi không bao giờ quên những tấm lòng nhân ái đó, những người bạn già đã đến với tôi khi tôi mất hết niềm tin vào “nhân tình thế thái”, qua bao cuộc “đổi thay” và xáo trộn của một đất nước mất hết Tự Do vì bị Cộng Sản chiếm đoạt quyền cai trị.

Tôi được hai Trường College ở Orange County (Fullerton College và Long Beach (City) College) tuyển vào làm Giáo Sư Pháp Văn. Tôi rất hãnh diện khi thấy tên tôi trong Quyển Chương Trình các Môn Học với tên Giáo Sư phụ trách (College Catalogue). Khi đi thi để lấy Quốc Tịch Mỹ vào năm 1997 (5 năm sau khi đến Mỹ), tôi không muốn lấy thêm một tên Mỹ (như Paul, John, Brian v.v...) giống như đa số người thi đậu Quốc Tịch Mỹ làm. Tôi muốn giữ nguyên vẹn tên của Cha Mẹ đặt cho tôi, ngoại trừ khi tôi vào đạo Thiên Chúa (vì ơn Đức Mẹ đã cứu sống tôi trong lúc sắp chết trong tù Cộng Sản) tôi phải lấy thêm tên Thánh Anthony (theo thông lệ và chỉ sử dụng trong những trường hợp thờ phượng Chúa và Đức Mẹ Maria mà thôi). Do đó, tôi rất hãnh diện khi mọi người, kể cả học sinh trong trường biết tôi là người Việt Nam nhưng cũng có đủ bằng cấp và điều kiện để làm Giáo Sư như một người sắc dân khác, dạy tiếng Pháp (là một tiếng không phải là tiếng mẹ đẻ của tôi). Mặc dù tôi đã bị bọn Cộng Sản cho giam cầm và hành hạ gần tròn 13

năm, tôi đã gắng sức học được và còn có quyền dạy và cái vinh dự “gỗ đầu” những con cháu của người Mỹ, có thể có liên hệ gia đình với những người đồng minh phản bội như Kissinger và John Kerry! Các sinh viên Mỹ, Pháp, Mễ, Đại Hàn v.v... không hiểu tại sao Trường College của chúng lại tuyển một ông Giáo Sư Pháp Văn có tên không giống Pháp hay Mỹ! Khi đến trình diện tôi ở lớp học, chúng nó cứ tưởng đã vào nhầm lớp học vì một ông “mũi tẹt da vàng” lại dạy Pháp Văn (?). Nhưng khi học với tôi, chúng mới hiểu tại sao Ban Giám Đốc Trường lại mướn tôi. Sinh trưởng ở Miền Nam, tôi bắt đầu học tiếng Pháp từ lúc lên 6 tuổi. Sau đó tôi là học sinh của Trường Trung Học Pháp Chasseloup Laubat dành cho con của Pháp kiều sống ở Miền Nam hoặc các học sinh ưu tú được thi tuyển vào mỗi năm. Rồi tôi có sang Pháp du học. Tôi có bằng Tú Tài và Cử Nhân Pháp. Lẽ dĩ nhiên tôi nói tiếng Pháp rất thông thạo, phát âm đúng tiêu chuẩn. Đây là những gì làm cho tôi hãnh diện là một người Việt Nam, có thể học và nói nhiều thứ tiếng ngoại quốc, nhưng lúc nào cũng muốn giữ tên do Cha Mẹ đặt cho tôi và tự hào mình là người Việt Nam Quốc Gia dù cho đất nước đã lọt vào tay Cộng Sản.

Nói chung đa số dân Mỹ da trắng gốc từ Âu Châu vẫn có đầu óc kỳ thị, nhất là đối với người da đen, rồi đến người Trung Đông và người da vàng,

thường được xem như là những thành phần gian trá khi gặp phải hoàn cảnh khó khăn. Sau khi được tuyển làm Giáo Sư Pháp Văn, tôi vẫn làm công chức cho hai Học Khu ở Orange County cho đến khi phải hồi hưu (vì tuổi đã sắp 80 và có thêm bệnh già). Tôi đã cố gắng suốt đời phục vụ cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975 và trong ngành Giáo Dục của Hoa Kỳ kể từ khi đến tị nạn tại Quê Hương thứ hai này vào năm 1992. Lạy Chúa và Mẹ Maria đã giúp tôi hoàn thành nhiệm vụ.

(Xem tiếp phần Ôn kêu gọi của Chúa)

Ơn Kêu Gọi: **TẠI SAO TÔI TRỞ VỀ VỚI THIÊN CHÚA?**

Tôi đã trở về đạo Thiên Chúa sau khi được Đức Mẹ Maria cứu sống trong một hoàn cảnh đau yếu “thập tử nhất sinh”.

Khi miền Nam bị Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm vào ngày 30 tháng 4, năm 1975, tôi đã vì trách nhiệm của một cấp chỉ huy không muốn rời bỏ nhiệm sở và vợ con, để ra đi nước ngoài như những người khác, nên tôi đã phải chấp nhận chịu cảnh tù đầy, khi quân Cộng sản vào chiếm Thủ Đô Sài Gòn.

Tôi đã cùng các bạn bè cấp tá bị lưu đầy ra miền Bắc, để chịu đựng những cực hình khủng khiếp mà người dân miền Nam không thể tưởng tượng được. Cộng sản bắt người tù “cải tạo” phải làm việc quá sức lực, trong khi chỉ cho họ ăn mỗi ngày có hai lần, và mỗi lần được nửa bát cơm trộn với sắn lát, hoặc ba bát bo bo có vỏ (loại dùng nuôi súc vật). Người tù phải giao tất cả thuốc men (đã mang theo và giấu kỹ trong hành trang) cho các cán bộ V.C. có nhiệm vụ kiểm soát hành trang mỗi tuần, và tịch thu những thuốc nào mà

họ muốn. Vì vậy, người tù không còn thuốc uống khi đau yếu, trái lại trại tù thì không có thuốc để phát cho tù khi bị bệnh. Thuốc bị tịch thu của tù thường bị mất cắp do không được quản lý đúng mức. Ngoài ra, điều kiện vệ sinh của các trại tù rất tồi tệ. Việt Cộng chỉ thị người tù phải dùng nước tiểu và “phân người” để tưới rau cho họ ăn. Vì vậy khi bệnh kiết lỵ bộc phát ở một trại thì gần nửa trại (khoảng 100 người) bị lây nhiễm rất nhanh. Số người chết có thể lên đến 50 người trong một đợt lây nhiễm. Anh ruột tôi N.V.S. ở một trại cấp Trung Tá bị kiết lỵ và chết khoảng tháng 10, năm 1976. Rồi đến lượt tôi cũng bị bệnh kiết lỵ vào tháng 11 cùng năm.

Cộng sản không có đủ thuốc để chữa trị cho một số lượng tù cải tạo quá lớn (ước lượng khoảng hơn 50.000 người bị lưu đày ra miền Bắc). Các tù nhân được di chuyển bằng phi cơ (dành cho cấp Tướng và Đại tá), bằng tàu thủy, bằng xe vận tải và xe lửa (ở đoạn đường từ Thanh Hóa trở ra Bắc) cho sĩ quan cấp úy. Cán bộ Việt Cộng thường nói với chúng tôi là họ không muốn phí một viên đạn để giết chúng tôi. Họ muốn để người tù cải tạo chết lần lần trong các trại giam. Khi tôi bị bệnh kiết lỵ, tôi chỉ có khoảng 10 viên thuốc loại Ganidan và Stovarsol (dùng để trị bệnh tiêu chảy) còn sót lại sau lần tiếp tế cuối cùng, trước khi bị đưa từ Nam ra Bắc, không thăm thía gì với dịch kiết lỵ

đang bộc phát trong trại của tôi. Hàng ngày, tôi cố gắng đi lần xuống nhà bếp trại để xin một ít “nước com” hoặc nước sôi để uống. Tôi tuyệt đối không ăn gì khác. Tôi chịu đựng được 22 ngày (không ăn và cũng không có thuốc để uống). Cứ mỗi lần phải đi tiểu là “bị đau bụng muốn đi cầu và lúc nào cũng đi ngoài ra máu”.

Vì vậy, bất luận ngày hay đêm, tôi phải cố gắng lết ra đến hố xí lộ thiên, được đào gần bờ rào trại, cách xa chỗ ngủ khoảng 200 thước, lặn lội qua các vũng bùn trơn trượt. Tôi cố gắng chịu đựng được 22 ngày. Đến ngày thứ 23 thì tôi gần như kiệt sức, không muốn đi xin nước com hay nước uống vì sợ phải “đi tiểu và đi ngoài ra máu”. Tôi lịm người vì nóng sốt, mê sảng và mệt mỏi vô cùng, ngày cũng như đêm.

Vào đêm của ngày thứ 23, khoảng 2 giờ khuya, trong cơn mê sảng, tôi thấy mình đang vui chơi với các anh chị của tôi như lúc tôi còn nhỏ (tôi là con út trong gia đình có 5 anh em). Một người bảo tôi phải “đi lấy cái Thánh Giá cầm cho giống”. Tôi lập tức cúi xuống đất và thấy ngay một Thánh Giá màu đen. Khi tôi ngược mặt lên định đưa cây Thánh Giá cho người nào vừa yêu cầu tôi, tôi hoảng sợ vì thấy Đức Mẹ Maria trong bộ áo choàng màu xanh biếc với nhiều sọc kim tuyến sáng chói, uy nghi ngồi trên cao gần sát trần nhà.

Do phản ứng tự nhiên vì sợ hãi trước nét mặt trang nghiêm của Đức Mẹ, tôi thấy mình lẹ làng quỳ xuống (trong giấc mơ) và đưa cây Thánh Giá lên cho Mẹ.

Tôi không hiểu tại sao, lúc bấy giờ trong thời tiết giá rét của mùa Đông miền Bắc (lạnh khoảng 3 độ C), mà toàn thân tôi bị đầm ướt mồ hôi; phải chăng vì tôi sợ hãi trước vẻ uy nghi của Đức Mẹ hay do Phép Lạ mà Mẹ Maria đã truyền vào thân thể tôi.

Khi tôi tỉnh giấc, nằm lên chỗ ngủ và cố gắng nhớ lại những gì tôi đã thấy trong giấc mơ, tôi tự hỏi tại sao tôi lại thấy Đức Mẹ, trong khi tôi thuộc một gia đình người Lương chuyên thờ cúng ông bà, riêng mẹ tôi lại là một tín đồ Phật giáo. Mẹ tôi thường căn dặn tôi giữ trong túi áo “treillis” (áo lính đi hành quân) một quyển sách nhỏ “Thủ Lãng Nghiêm Thần Chú” của Đạo Phật để được Phật Bà Quan Âm cứu mạng khi gặp hiểm nguy.

Phép Lạ mà Đức Mẹ ban cho tôi

Ngày hôm sau, khoảng 10 giờ sáng, khi tôi chống gậy ra chờ đi tiểu, một anh bạn tù, anh NNS, trước cùng làm việc chung một đơn vị với tôi, tiến lại sát tôi và hỏi nhỏ tại sao tôi quá gầy yếu (Việt Cộng không cho các người tù liên lạc riêng tư với nhau). Khi anh NNS biết được tôi đang bị kiết lỵ 23 ngày mà không có thuốc uống, anh liền bảo tôi là anh sẽ đi tìm thuốc

cho tôi. Độ một giờ sau, anh trở lại mang cho tôi 2 ống thuốc chích Emythyl để trị kiệt lý (một loại thuốc vô cùng quý giá trong hoàn cảnh lúc bấy giờ). Tôi rất vui mừng và theo đề nghị của anh, tôi trao cho anh một áo thun ngắn tay, loại Montagut để đền ơn người bạn tù nào đó đã cho tôi thuốc Emythyl. Theo tôi nghĩ: Có lẽ anh NNS đã tuân lệnh Mẹ Maria đi tìm thuốc để cứu tôi. Anh NNS là người thuốc một gia đình Công giáo lâu đời ở miền Bắc. Anh vừa được Chúa gọi về cách nay khoảng 2 tháng tại Orange County. Khi đến định cư ở Mỹ, tôi có tìm gặp lại anh NNS. Anh em chúng tôi đã thường gặp nhau và đi ăn cơm với nhau. Anh NNS là một người công giáo thẳng thắn nhưng hiền lành và rất ngoan đạo, một sĩ quan ưu tú cấp Đại tá của QLVNCH. Tôi luôn cầu xin Chúa và Đức Mẹ sớm đưa linh hồn anh về nước Chúa, khi tôi đọc kinh cầu nguyện vào buổi sáng.

Thêm một chuyện nữa bên lề việc Đức Mẹ Maria ban cho tôi thuốc Emythyl để trị bệnh. Trong hoàn cảnh khắt khe của trại tù, tôi không biết làm thế nào để tìm ra một người biết tiêm thuốc và có ống chích để giúp tôi. Cũng chính Đức Mẹ đã soi sáng cho tôi và đưa tôi đến gặp anh DHN, một chiến hữu đã quen biết nhau từ lâu trong lúc chúng tôi còn là sĩ quan cấp úy. Anh DHN là một chiến sĩ chống Cộng rất hăng say, đa năng và tháo vát. Tôi không hiểu sao tôi đi tìm anh ấy.

Chính anh DHN cũng không hiểu tại sao tôi biết là anh có thể giúp tôi. Vì sợ Việt Cộng biết được, nên anh giấu rất kỹ việc anh có thể tiêm thuốc. Nhưng đối với tôi, anh sẵn sàng và tiêm ngay cho tôi một ống Emythyl. Anh tiếp tục tiêm cho tôi một ống thứ hai vào ngày hôm sau. Nhờ ơn Đức Mẹ, tôi đã hết bệnh ngay sau đó. Chính Đức Mẹ đã cứu tôi qua cơn đau “thập tử nhất sinh” đó! Anh DHN hiện vào tu ở một chùa Phật thuộc Quận Riverside (California).

Tôi được Chúa và Đức Mẹ cho sang định cư ở Mỹ vào năm 1992. Vợ chồng tôi quyết định đi học Đạo và được rửa tội vào đầu năm 1997. Cũng nhờ ơn của Chúa và Đức Mẹ, tôi đã tìm được việc làm trong khi đi học lại ở Đại Học. Chúa và Đức Mẹ đã giúp tôi học rất nhanh ở tuổi gần 70 và cho tôi thi đậu bằng Cao Học (master) Pháp Văn (hạng Tối Ưu) ở tuổi 68 tại Đại Học Fullerton (CALSUF). Cũng nhờ Chúa và Đức Mẹ Maria tôi được hai trường College ở Quận Cam thuê làm Giáo sư Pháp văn trong nhiều năm ở tuổi hơn 70. Tôi nghỉ hưu vào năm 2007, khi tròn 76 tuổi.

Từ khi sang Mỹ, tôi đã được Chúa và Mẹ giúp cho làm việc ở nhiều trường công lập và Đại Học Mỹ. Nhìn lại những đoạn đường sóng gió của cuộc đời, tôi khẳng định: “Mọi việc trong cuộc sống của tôi đều do “Chúa đầy tình thương” và “Đức Mẹ nhân từ” quyết

định và đã đưa tôi vượt qua mọi khó khăn. Mỗi lần như vậy là một thử thách để tôi củng cố thêm niềm tin vào Thiên Chúa và Mẹ Maria. Tolstoi, một đại văn hào thuộc thời kỳ Nga Hoàng, đã lập đi lập lại nhiều lần trong tác phẩm “Chiến Tranh và Hòa Bình” (War and Peace) của ông: “Không có một sợi tóc nào trên đầu chúng ta có thể rụng xuống nếu không có ý định của Thiên Chúa”. Tôi cho là lời nói đó đúng 100%.

*Viết xong ngày 15 tháng 8 năm 2012
(Nhân ngày Lễ Đức Mẹ Lên Trời)
Anthony NGÔ*



LỜI GIỚI THIỆU SÁCH

của CỰU TRUNG TƯỚNG JAMES F. HOLLINSWORTH

(Bản Dịch)

(Cựu Tư Lệnh Lực Lượng Hoa Kỳ tại Lãnh thổ Quân Khu 3, kiêm Cố Vấn Trưởng cho Quân Đoàn III/VN)

(liên quan đến Đại Tá Ngô Văn Minh, tác giả Tài Liệu “Vinh Danh cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí.”)

Ngày 25, Tháng 4, 2002

TÀI LIỆU DÀNH CHO NHỮNG AI QUAN TÂM:

ĐỀ MỤC: Đại Tá Ngô Văn Minh, Sĩ Quan QLVNCH (hồi hưu)

Địa Chỉ: Post Office Box 4936

Anaheim, California, 92803-4936

Tôi đã biết Đại Tá Minh từ tháng 12 1971. Thời gian từ tháng 12/1971 đến tháng 9, 1972 tôi là Tư Lệnh

Lực Lượng Hoa kỳ chiến đấu trong lãnh thổ Quân khu 3, đồng thời là Cố Vấn cho Quân Đoàn III V.N.

Đại Tá Ngô Minh là Tham Mưu Trưởng của Quân Đoàn III V.N., với năm Sư Đoàn thuộc quyền, đặc biệt trong đợt tấn công qui-mô của Quân Bắc Việt từ (1/4 đến 1/8/1972) và trận đánh An-Lộc, trận đánh lớn nhất thời kỳ Chiến Tranh ViệtNam. Trong thời gian phòng thủ An Lộc, tôi chưa từng thấy một thành viên nào của QLVNCH tận tâm giúp ích cho Quân Đội Mỹ phòng thủ Bộ Tư Lệnh MACV và Thủ Đô Saigon.

Đại Tá Minh là một sĩ quan can đảm và năng động, luôn yểm trợ cho Quân Đội Mỹ trong sứ mạng của họ. Sau 24 năm phục vụ QLVNCH, Đại Tá Minh bị Cộng Sản Bắc Việt giam giữ 13 năm khổ sai trong các trại tù Bắc Việt.

Đại Tá Minh được sang tị nạn ở Mỹ từ năm 1992, làm việc, vào trường học lại, đỗ được Bằng Master, Dạy Pháp Văn tại hai trường Colleges. Đại Tá Minh là một quân nhân tuyệt vời, một Công Dân Mỹ.

THƯ NGỎ GỬI ÔNG KISSINGER

Thưa ông Kissinger,

Tại sao Ông chủ trương làm điều kỳ quái đó cho cả dân tộc Miền Nam Việt Nam? Ông có thực sự muốn bỏ rơi họ, những đồng minh chống Cộng trung thành của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á Châu?

Là một Tiến Sĩ tốt nghiệp tối ưu tại đại học danh tiếng Havard, Hoa Kỳ, ông dư biết lịch sử hiện đại thế giới, trong đó nước Trung Hoa đã ba lần đô hộ nước Việt Nam nhỏ bé của chúng tôi, người láng giềng hiền lành ở phía Nam của chúng. Tổ tiên chúng tôi đã phải chiến đấu liên tục trước sự xâm lăng của Thành Cát Tư Hãn

và hậu duệ, để bảo vệ quê hương nhỏ bé của chúng tôi. Kể từ thế kỷ 13, quân Trung Hoa phương Bắc, với những đạo quân du mục man rợ của Thành Cát Tư Hãn đã đánh tan các Vương quốc phía Bắc của Tàu đi đến miền Trung Đông như A Phú Hãn, Syria...kể cả một số đất của dân Âu Châu. Vó ngựa quân Mông Cổ tàn sát mọi dân tộc chúng đi qua, nhưng chưa bao giờ chúng chiếm được nước Việt Nam lâu dài. Hậu duệ Hốt Tất Liệt của Thành Cát Tư Hãn đã phải bỏ chạy trước khí thế chiến đấu của quân dân Việt Nam.

Cho đến thế kỷ 20, quân xâm lược phương Bắc mới dám quay lại, mượn chiêu bài giúp đỡ dân miền Nam chống quân Pháp xâm lược. Hồ Chí Minh đã giúp bọn này đem cuộc chiến ý thức hệ từ Trung Quốc sang Việt Nam gây nên cuộc chiến đẫm máu tương tàn. Chính Hồ Chí Minh đã đưa các cán bộ tuyên truyền sang Âu Mỹ để khuấy động các phong trào sinh viên chống chiến tranh, đồng thời vận động với các chính trị gia cánh tả trong quốc hội Mỹ để Tổng Thống Nixon không can thiệp khi Bắc Việt xua

25 sư đoàn tân lập do Nga Tàu trang bị vào cưỡng chiếm miền Nam vào ngày 30/4/1975.

Vào ngày 30/4/75, năm tướng lĩnh của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã tuần tiết. Theo sau là một số sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ đã tự tử để bảo vệ danh dự của người lính. Những quân nhân khác đã dùng súng cá nhân bắn hết đạn trước khi buông súng đầu hàng theo lệnh của một Tổng Thống phản trắc không được dân bầu.

Hàng ngàn quân nhân và cán bộ dân sự của miền Nam đều bị giết thê thảm khi người lính Việt Nam Cộng Hoà phải buông súng đầu hàng theo lệnh của Tướng Dương Văn Minh. Bộ đội Bắc Việt chưa có khả năng gìn giữ an ninh trong các thành phố bỏ ngõ. Hàng ngàn thương bệnh binh Việt Nam Cộng Hoà bị đuổi ra khỏi quân y viện khắp nơi, mang trên tay những bao nylon đựng các ruột gan, phèo phổi vừa được mổ xong. Họ đi khắp khếnh trên đường phố, tìm cách trở về quê nhà, van xin những người qua đường một ít tiền làm lộ phí.

Thưa Ông Tiến Sĩ Kissinger,

Giờ đây phải sống dưới chế độ Cộng Sản, người dân miền Nam cảm thấy nhục nhã khi bị kẻ thù phương Bắc tra tấn hoặc bị giết chết một cách tùy tiện. Cộng Sản cướp ruộng đất của nông dân đang cày cấy, nhập cảng những hoá chất độc hại trong thức ăn kể cả sữa dùng cho trẻ con. Miền Nam đã trở thành một môi trường lừa đảo và phỉnh gạt: mọi sự mua bán, kể cả việc thi cử đều dựa trên sự lừa dối.

Cộng Sản cai trị nhân dân miền Nam bằng một chế độ độc tài dựa theo những thể thức lừa đảo ở trường học và trong hành chánh. Thật đúng là địa ngục trần gian khi chúng áp đặt theo qui chế ác độc của trại tù Auschwitz của Đức Quốc Xã.

Thưa Ông Tiến Sĩ Kissinger,

Những gì Ông đã làm cho nhân dân miền Nam Việt Nam đều trái ngược với ý định của Thượng Đế khi Ông muốn họ phải nhận thêm những khổ đau sau nhiều năm ở trong hoàn

cảnh chiến tranh và đói khổ. Là con của Thượng Đế có lẽ Ông đã cảm thấy xót xa khi biết hàng trăm ngàn quân dân miền Nam bị giết chết bởi những bọn côn đồ theo chân bộ đội Bắc Việt vào chiếm các thành phố bỏ ngỏ theo lệnh đầu hàng của Tướng Minh. Các đơn vị bộ đội Bắc Việt không có khả năng để lập lại an ninh trật tự, khiến người dân và binh sĩ miền Nam bị chém giết một cách tùy tiện. Những thảm cảnh này vẫn còn ám ảnh trong tâm não của nhân dân miền Nam. Có lẽ một vài chính khách miền Nam non trẻ đã làm phật ý Ông khi cùng Ông mưu tìm những giải pháp chấm dứt chiến tranh bằng mọi giá. Tuy nhiên, với tư cách là đồng minh trong thế giới tự do, chúng ta phải tìm cách ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng Sản trên thế giới.

Nếu mọi người không thể sống hạnh phúc dưới thời Đức Quốc Xã thì tại sao lại nghĩ rằng nhân dân miền Nam có thể sống hạnh phúc dưới chế độ Cộng Sản.

Nhờ ơn Tổng Thống Reagan, những “rác rưởi” Việt Nam mà Ngài định vứt bỏ vào ngày 30/4/75 đã sinh được những công dân Mỹ gốc Việt hành nghề luật sư, bác sĩ, kỹ sư, giáo sư đại học, khoa học gia như Bà Dương Nguyệt Ánh, những sĩ quan cao cấp như Thiếu Tướng Lương Xuân Việt, những sĩ quan cao cấp khác thuộc Hải quân và Không quân Mỹ... Thưa Ngài Tiến Sĩ K., không ai biết được những gì sẽ xảy ra dưới những ân sủng mà Thiên Chúa ban cho chúng ta.

Chào Ngài Tiến Sĩ K.. Xin ơn trên phù hộ cho Ngài.

Người viết: Một cựu quân nhân thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã được ân thưởng hai Huy Chương Chiến Công Hoa Kỳ (US Bronze Star Medal) trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam. Anh

vẫn sinh tồn sau 13 năm bị đày ải trong các trại tù khổ sai của Bắc Việt sau 1975.

Nhờ ơn của Tổng Thống Reagan, anh ấy đã được sang Hoa Kỳ theo diện tỵ nạn. Sau 8 năm vừa đi làm để nuôi gia đình lúc ban ngày và vào đại học học lúc ban đêm, anh đã đỗ Thủ Khoa Bằng Cao Học Pháp Văn và giảng dạy Môn Pháp Văn tại Fullerton College và Long Beach City College.

Viết và phổ biến ngày 30 tháng 4 năm 2014.

Để tưởng nhớ đến những anh em tù nhân bị đày ải hoặc bỏ mình trong các Trại tù khổ sai của Cộng Sản Bắc Việt và Trung Cộng.

Hết

VINH DANH CỐ ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ

VINH DANH
Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí
& Các Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa

Hội Ký của Cựu Đại Tá Ngô Văn Minh
Trình bày (layout): Toàn Như (Nhữ Đ. Toán)

Ấn hành dưới sự quản lý của
Hội Ái Hữu Cảnh Sát Quốc Gia VNCH Nam California, USA
Copyright @ 2025 by Ngô Văn Minh & HAH.CSQG Nam CA